

Quyển 36

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 3. TỰ LỢI - LỢI THA thứ 2

e. và f. Sao gọi là *nhiep nhân, nhiep quả tự lợi, lợi tha của Bồ-tát*? Nếu lược nói nên biết có ba nhân, ba quả. Những gì là ba? 1. Nhân dị thực, quả dị thực; 2. Nhân phước, quả phước; 3. Nhân trí, quả trí.

Sao gọi là *dị thực*? Tóm lược có tám loại: 1. Đầy đủ thọ lượng; 2. Đầy đủ hình sắc; 3. Đầy đủ dòng tộc; 4. Đầy đủ tự tại; 5. Đầy đủ tín ngôn; 6. Đầy đủ đại thế; 7. Đầy đủ tánh người; 8. Đầy đủ đại lực.

Nếu chư Bồ-tát sống lâu trường thọ, gọi là Bồ-tát có đầy đủ thọ lượng. Hình sắc đoan nghiêm, dung nhan thù diệu, người nhìn thấy sanh lòng hoan hỷ, gọi là Bồ-tát có đầy đủ hình sắc. Sanh nhà giàu sang, gọi là Bồ-tát có đầy đủ dòng tộc. Có nhiều tiền của, được nhiều bạn bè giúp đỡ, quyển

thuộc có thể lực lớn, gọi là Bồ-tát có đầy đủ tự tại. Được mọi người tin tưởng làm theo, tuân thủ phép tắc, đoạn trừ việc cãi vả đấu tranh, không hành siểm cuống, lường gạt... thọ nhận vật người gởi, trọn không làm điều sai trái, lời nói không hư dối đối với hữu tình, do nhân duyên đây nói ra điều gì không ai không tin thọ. Đây gọi là Bồ-tát có đầy đủ tín ngôn. Được những lời xưng khen truyền tụng trong thế gian, như là sung mãn, dũng mãnh, tinh tấn, kiên định, nhạy bén, tôn trọng tất cả thiện giới; hiểu biết sử dụng khéo léo vô số kỹ nghệ, nghề nghiệp tinh xảo, triển chuyển vượt hơn người khác. Do nhân duyên đây được người đời cung kính, được đại chúng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen. Đây gọi là Bồ-tát có đầy đủ đại thế. Thành tựu nam căn, đầy đủ thân phần trượng phu, gọi là Bồ-tát có đầy đủ tánh người. Hoặc tánh ít tật bệnh, hoặc hoàn toàn không bị bệnh tật, có sức kham chịu mạnh mẽ, gọi là Bồ-tát có đầy đủ đại lực.

Sao gọi là *nhân dị thực*? Chư Bồ-tát không gây tạo việc sát giết tổn hại, xa lìa tất cả ý làm tổn hại chúng sanh; đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ

thọ lượng. Huệ thí các thứ y phục, vật thực, ánh sáng đều thanh tịnh, sạch sẽ; đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ hình sắc. Xa lìa kiêu mạn đối với chúng sanh, đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ dòng tộc. Ở những nơi chúng sanh bị thiếu thốn vật dụng nuôi thân, phải đi du hành khát thực, tùy theo nhu cầu của họ để huệ thí; đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ tự tại. Lời nói thành thật, phân minh, cũng không thích những lời gây chia rẽ, hung ác, không tương ưng; đây là Bồ-tát có nhân đầy đủ tín ngôn. Vị lai nhiếp trì chúng chúng công đức, tự thân phát hồng thệ nguyện cúng dường Tam Bảo cùng các bậc tôn trưởng; đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ đại thế. Vui muốn hình thể của bậc trưởng phu, chán ghét, thấy sâu quá hoạn của thân nữ. Do hai nhân duyên thí pháp khiến người được tánh người: 1. Người nữ vui thân nữ, liền khuyên răn khiến nhàm lìa từ bỏ thân nữ; 2. Kẻ trưởng phu sắp mất nam căn, phương tiện nhiếp hộ khiến không hoại mất và nói chánh pháp khiến giữ được thân nam. Đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ tánh người. Đối với chúng sanh, tự thân tận lòng chăm sóc, tùy theo những việc làm sự nghiệp như pháp

của họ đều hỗ trợ giúp đỡ. Tùy năng lực của mình mà dụng chánh pháp khuyên răn, không dùng tội bạo. Dùng các thức ăn uống như cơm, cháo, bánh, đậu thí cho chúng sanh, năng khiến sức lực thân tâm của họ được tăng trưởng. Đây gọi là Bồ-tát có nhân đầy đủ đại lực.

Tám chủng dị thực đã nói ở trước, lấy tám chủng này làm nhân.

Lại các nhân đây, lược do ba duyên mà được tăng trưởng, năng chiêu cảm khiến sanh khởi dị thực tăng trưởng rộng lớn cho đến viên mãn. Những gì là ba duyên? 1. Tâm thanh tịnh; 2. Gia hạnh thanh tịnh; 3. Ruộng thanh tịnh.

Nếu ý lạc tăng thượng đối với Vô thượng Bồ-đề, dùng thiện căn đây ý vui mãnh liệt quyết định hồi hướng. Thuần hậu rộng lớn, tịnh tín tu hành, thấy các bạn đồng pháp sanh hoan hỷ sâu. Ngày đêm trong từng sát-na, ở trong sự thực hành như pháp, tùy tâm tùy tứ. Đây gọi là tâm thanh tịnh.

Trong đây luôn tu tập thực hành không gián đoạn, thực hành xuyên suốt lâu dài. Đối với thiện pháp đây, nếu người chưa tín thọ phụng hành, tán thán khiến tín thọ phụng hành; nếu người đã tín

thọ phụng hành, tán thán khiến hoan hỷ. Ở nơi sở hữu thiện căn như thế mà an đặt kiến lập. Đây gọi là gia hạnh thanh tịnh.

Nếu năng chân chánh phát khởi gia hạnh như vậy và chân chánh an trụ quả gia hạnh đây, gọi là ruộng thanh tịnh.

Sao gọi là *quả dị thực*? Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ thọ lượng, nên năng tu tập phẩm thiện lâu dài. Vì nương tự lợi lợi tha, nên vô lượng thiện căn được tích tập tăng trưởng. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ thọ lượng.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ hình sắc, nên được mọi người yêu thích. Vì mọi người yêu thích, nên đều thân cận quy ngưỡng. Vì hình sắc khả ái an lạc, vì tất cả đại chúng đều quy ngưỡng, nên phàm có phát lời nói thấy đều được lắng nghe, tín thọ. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ hình sắc.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ dòng tộc, nên mọi người tôn kính, cúng dường, xưng tán. Do đây, khuyến khích chúng sanh siêng tinh tấn tu học những hạnh khác nhau, không lời khuyên nào mà không được cung kính, nhanh chóng ứng dụng tu hành, không trái không phạm. Đây gọi là Bồ-tát

thành tựu quả đầy đủ dòng tộc.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ tự tại, nên năng lấy bố thí nhiếp các chúng sanh, khiến mau chóng thành thực. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ tự tại.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ tín ngôn, nên năng dùng ái ngữ, lợi hành, đồng sự nhiếp các chúng sanh, khiến mau chóng thành thực. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ tín ngôn.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ đại thế, nên ở nơi chúng chúng sự nghiệp của chúng sanh đều năng hỗ trợ, bố thí ân đức. Do ân đức đây cảm được lòng chúng sanh, vì tri ân Bồ-tát nên đều đến quy ngưỡng. Nhân đây Bồ-tát mở lời dạy bảo, kia nhanh chóng tin thuận, cung kính vâng nghe thực hành. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ đại thế.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ tánh người, thành tựu nam căn, nên kham làm khí cụ của tất cả công đức thù thắng, năng vào trong tất cả sự nghiệp, tư duy chọn lựa tất cả cảnh giới sở tri đều không hãi sợ, hành chuyển vô ngại. Ở tất cả thời, tất cả hữu tình đều đến vây quanh, đồng chung tụ hội, bất kỳ chốn nào khuất hay hiển, đều dừng dứt nói bàn huyền

náo, thọ dụng thức uống ăn đều không hiềm ngại. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ tánh người.

Hoặc chư Bồ-tát đầy đủ đại lực, nên năng ở nơi gia hạnh dẫn nhiếp thiện pháp và gia hạnh nhiều ích hữu tình mà không nhàm mỏi, đồng mãn tinh tấn, bền bỉ tinh tấn, nhanh chóng chứng thông tuệ. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu quả đầy đủ đại lực.

Nếu chư Bồ-tát thành tựu tám chủng dị thực như vậy, thì cũng thành tựu đầy đủ tám chủng quả, do đây năng nhiều ích tất cả hữu tình thuận theo đó sanh khởi tất cả Phật pháp.

Bồ-tát an trụ trong quả dị thực năng làm vô lượng sự nghiệp lợi ích đối với hữu tình, tự có năng lực và khéo léo giáo hóa hữu tình, đặt họ ở nơi an ổn. Tự nơi bản thân, Bồ-tát tùy thuận làm các việc của mình, như vậy cho đến tùy theo ý muốn mà hoàn thành công việc.

Hoặc chư Bồ-tát tự có năng lực nhưng không khéo giáo hóa hữu tình, đặt họ ở nơi an ổn. Tự nơi bản thân, Bồ-tát không biết tùy thuận làm các việc lợi ích mà người khác làm. Cho nên đối với việc lợi ích người không gọi là mạnh mẽ, không

gọi là tùy thuận. Do nhân duyên đây không gọi là làm việc lợi ích người.

Hoặc chư Bồ-tát tự không có năng lực, nhưng khéo giáo hóa hữu tình, đặt họ ở nơi an ổn. Ở nơi bản thân, Bồ-tát tùy thuận làm các việc lợi ích mà người khác làm. Cho nên đối với việc tạo tác đem lại lợi ích người cũng không gọi là mạnh mẽ, không gọi là tùy thuận. Do nhân duyên đây không gọi là làm việc lợi ích người.

Như vậy, Bồ-tát cần yếu phải đầy đủ cả hai yếu tố mới làm lợi ích hữu tình, đó là mạnh mẽ và tùy thuận. Do nhân duyên đây được gọi là năng làm việc lợi ích người.

Bồ-tát an trụ nơi quả dị thực như vậy, tự năng thành thực tất cả Phật pháp, cũng năng khiến người tùy chỗ thích hợp nhanh chóng thành thực đối với đạo tam thừa. Lại cũng năng khiến mình mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng khiến người đã thành thực nhanh chóng chứng đắc giải thoát. Do chư Bồ-tát an trụ nơi tám chủng quả dị thực, nên năng khiến hữu tình được lợi ích an lạc. Cho nên, chỗ của hữu tình ở trong vô thủy sanh tử, thì hư huyền không có nghĩa lợi; chỗ của

Bồ-tát an trụ năng khiến không hư huyền, có nghĩa lợi lớn.

Sao gọi là *Phước*? Sao gọi là *Trí*? Nếu nói lược thì *phước* tức là ba chủng Ba-la-mật-đa: 1. Bồ thí Ba-la-mật-đa; 2. Trì giới Ba-la-mật-đa; 3. An nhẫn Ba-la-mật-đa. *Trí* chỉ có một chủng là Trí tuệ Ba-la-mật-đa. Hai chủng Tinh tấn Ba-la-mật-đa và Tĩnh lự Ba-la-mật-đa thông cả hai phần là phước và trí.

Nếu nương tinh tấn để tu hành bồ thí, thọ trì gìn giữ tịnh giới và tu tập bốn chủng vô lượng tâm là từ-bi-hỷ-xả. Hết thấy loại tinh tấn như vậy gọi là phần phước.

Nếu nương tinh tấn mà tu tập văn-tư-tu, thành tựu ba tuệ. Tu tập uẩn thiện xảo, tu giới thiện xảo, tu xứ thiện xảo, tu duyên khởi thiện xảo, tu xứ phi xứ thiện xảo. Tu tập quán sát, phân biệt rộng tất cả pháp, đó là Khổ là chân Khổ, Tập là chân Tập, Diệt là chân Diệt, Đạo là chân Đạo; cùng với tất cả pháp hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc có tội, hoặc không tội, hoặc kém, hoặc hơn, hoặc đen, hoặc trắng. Trong pháp duyên sanh đều năng tư trạch quán sát như thật. Hết thấy loại tinh tấn như vậy gọi là phần trí.

Nếu nương tĩnh lự mà tu tập bốn chủng vô lượng tâm, hết thấy loại tĩnh lự như vậy gọi là phần phước.

Nếu nương tĩnh lự mà năng tu uẩn thiện xảo... như trước đã nói, hết thấy loại tĩnh lự như vậy gọi là phần trí.

Như vậy phước, trí lược có 6 chủng, mỗi mỗi phân biệt nên biết có vô lượng chủng.

Sao gọi là *nhân phước*? Sao gọi là *nhân trí*? Nhân phước, nhân trí lược chung có 3 loại: 1. Ở nơi phước, ở nơi trí, năng chứng đắc, năng an trụ, năng tăng trưởng ham muốn; 2. Ở nơi phước, ở nơi trí, khéo năng thuận theo duyên không trái nghịch; 3. Ở nơi phước, ở nơi trí, trước xuyên suốt tu tập.

Trong đây, thuận theo *duyên không trái nghịch*, như là: duyên diên đảo mà tánh không hiện tại tiền, không hội ngộ; hoặc duyên không diên đảo, tánh đang hiện tiền, đang hội ngộ. Nếu gặp phải bạn ác chỉ bày phước trí diên đảo, hoặc tác ý diên đảo cho nên chấp thủ diên đảo, đây gọi là duyên diên đảo, hiện tiền, hội ngộ. Sở hữu phẩm bạch trái với tướng đây, nên biết gọi là duyên không diên đảo, hiện tiền, hội ngộ. Nếu siêng

năng tu tập loại nhân phước, nhân trí thứ nhất khiến pháp chướng ngại hạnh viễn ly không sanh khởi; đây gọi là duyên không trái nghịch.

Nếu chư Bồ-tát ở nơi ba loại nhân phước, nhân trí đây mà bị khiếm khuyết, phải biết không thể sanh phước, sanh trí.

Sao gọi là *quả phước*? Sao gọi là *quả trí*? Chư Bồ-tát vì nương nơi phước, tuy trường thời lưu chuyển trong sanh tử mà không bị các khổ tổn não. Lại tùy sở thích năng làm những việc có nghĩa lợi nhiếp các chúng sanh. Vì nương nơi trí, nên phước được nhiếp thọ là chánh, chẳng phải tà. Lại năng tạo làm vô lượng chủng chủng sự nghiệp khéo léo, cho đến rốt ráo chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Như vậy đã lược nói về quả phước, quả trí, như chỗ thích hợp nên biết có bốn chủng, phẩm loại sai biệt lại có vô lượng. Trong đây hoặc thể dị thực, hoặc nhân dị thực, hoặc quả dị thực, tất cả như thế đều nương nơi phước, từ phước sanh khởi. Phước lại nương trí, từ trí sanh khởi. Cho nên hai chủng đây đối với sự chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tuy đều thù thắng, nhưng phước

là tối thắng, trí là vô thượng.

Nếu chư Bồ-tát tùy khuyết một chủng trong hai chủng hoặc phước hoặc trí, quyết định không thể chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là nhiếp nhân, nhiếp quả tự lợi, lợi tha của Bồ-tát.

g. và **h.** Sao gọi là hiện pháp, hậu pháp tự lợi, lợi tha của Bồ-tát? Chư Bồ-tát như chánh lý khéo léo ứng dụng nghề nghiệp để tích tập tài vật, đối với tài vật như vậy thọ dụng biết lượng.

Lại những nghiệp quả khả ái đã tạo từ trước, nay quả dị thực đã chín, ở trong hiện pháp thọ dụng quả kia.

Lại chư Bồ-tát khéo léo ra vào các tinh lự. Vì muốn thu được lạc trú hiện pháp mà trong hiện pháp nương tinh lự đây, không vì an lập việc lợi tha mà nương tinh lự.

Lại hiện pháp Niết-bàn của chư Như Lai, sở hữu các pháp thế gian và xuất thế gian, các pháp hữu vi, Bồ-tát đều năng đắc tất cả. Đây gọi là Bồ-tát ở hiện pháp tự lợi. Chư Bồ-tát tự lợi như vậy mà giáo hóa hữu tình, do đây khiến họ thu được lợi ích ở hiện pháp. Nên biết đây tức là ở hiện pháp lợi tha.

Nếu ở Dục giới, trong đời khác Bồ-tát năng đạt được đầy đủ tài bảo, đầy đủ tự thể, sẽ năng sanh ở tĩnh lự Vô sắc. Nếu sanh ở tĩnh lự và trong Vô sắc, thì đời khác năng đạt được đầy đủ tài bảo, đầy đủ tự thể.

Nếu trong hiện pháp đồng hành cùng tâm ưu khổ, Bồ-tát luôn luôn tư duy chọn lựa kỹ, rồi tu tập nhân lành. Đây gọi là tu tập hậu pháp tự lợi, lợi tha của Bồ-tát.

Nếu trong hiện pháp đồng hành cùng tâm hỷ lạc, ở đời đương lai sở hữu nhân lành do tu tập đầy đủ tài bảo, đầy đủ tự thể mà thành tựu, cũng chẳng do đây thối lui đối với tĩnh lự Vô sắc và tất cả đẳng chí. Đây gọi là hiện pháp, hậu pháp tự lợi, lợi tha của Bồ-tát.

i và j. Sao gọi là rốt ráo và không rốt ráo tự lợi, lợi tha của Bồ-tát? Đó là ở Dục giới, đầy đủ tài bảo, đầy đủ tự thể, hoặc nhân hoặc quả, cùng thế gian thanh tịnh của các dị sanh, hoặc nhân hoặc quả. Đây gọi là không rốt ráo tự lợi, lợi tha.

Hoặc các phiền não đoạn dứt, hoặc sở hữu tám Thánh đạo chi, hoặc đây làm chỗ nương thành tựu tất cả thiện pháp thế gian. Đây gọi là rốt ráo

tự lợi, lợi tha.

Do ba nhân duyên nên biết rốt ráo và không rốt ráo: 1. Do tự tánh; 2. Do thối lui, không thối lui; 3. Do thọ dụng quả có cùng tận, không cùng tận.

Do tự tánh: cứu cánh Niết-bàn gọi là rốt ráo, tất cả hữu vi gọi là không rốt ráo.

Do thối lui, không thối lui và thọ dụng quả có cùng tận, không cùng tận: tám Thánh đạo chi vì không còn thối lui và vì thọ dụng quả không cùng tận, gọi là rốt ráo. Ngoài ra tất cả pháp thiện hữu lậu vì còn thối lui và thọ dụng quả có cùng tận, gọi là không rốt ráo.

Như vậy, mười chủng tự lợi, lợi tha của Bồ-tát, hoặc nói lược, hoặc nói rộng, Bồ-tát tùy theo sức lược, tùy theo khả năng, phải nên siêng tu học. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm. Quá khứ, vị lai, sở hữu tất cả chư Bồ-tát đã học, sẽ học cũng chỉ có mười chủng tự lợi, lợi tha như vậy. Ngoài đây ra không có thêm một pháp nào vượt quá mười pháp trên.

Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 4. CHÂN THẬT NGHĨA

Sao gọi là *chân thật nghĩa*? Lược có hai loại: 1. Tánh chân thật của các pháp nương vào như tánh sở hữu; 2. Tánh tất cả của các pháp nương vào tận tánh sở hữu. Như vậy tánh chân thật, tánh tất cả của các pháp, nên biết gọi chung là chân thật nghĩa.

Phẩm loại sai biệt của chân thật nghĩa đây lại có bốn chủng: 1. Sự chân thật nhất, thành tựu của thế gian; 2. Sự chân thật nhất, thành tựu của đạo lý; 3. Sự chân thật sở hành của trí do phiền não chướng thanh tịnh; 4. Sự chân thật sở hành của trí do sở tri chướng thanh tịnh.

1. Sự chân thật nhất, thành tựu của thế gian: Tất cả thế gian kia ở nơi các sự việc đây kia, thuận theo đó giả lập. Do thế tục huân tập thường xuyên, nên có cái nhìn, nhận thức, trí hiểu biết cùng một tánh, như đất chỉ là đất, chẳng phải là

lửa... Đất đã như vậy, thì nước, lửa, gió, sắc, thanh, hương, vị, xúc, vật thực, y phục, xe cộ, các vật trang sức, các vật nuôi thân, hương xoa hoa cài, ca múa kỹ nhạc, các loại ánh sáng, nam nữ hầu hạ, ruộng vườn, nhà cửa... hết thấy các sự việc phải biết cũng vậy. Khổ chỉ là khổ, chẳng phải vui; vui chỉ là vui, chẳng phải khổ. Tóm lại mà nói: đây tức là đây, chẳng phải không như đây; thế tức như thế, chẳng phải chẳng như thế. Tất cả thế gian từ bản tế triển chuyển truyền lại đến nay. Tướng tự nó phân biệt cùng được thành lập, chẳng do tư duy, suy lường, quán sát, nhưng về sau mới có sự chấp thủ. Đây gọi là sự chân thật nhất, thành tựu của thế gian.

2. Sự chân thật nhất, thành tựu của đạo lý: Những bậc trí giả thông hiểu nghĩa đạo lý, những bậc thông tuệ, những bậc trí tuệ, người năng tầm tư, người năng quán xét, người trụ tâm tứ địa, người đầy đủ năng lực biện tài, người ở vị dị sanh, người quán sát hành... ở nơi sự sở tri, sở hành của trí nương vào hiện lượng, tỷ lượng, chí giáo lượng, cực khéo tư duy, chọn lựa, quyết định. Nghĩa được kiến

lập, được thi thiết nhờ vào chứng thành đạo lý. Đây gọi là sự chân thật nhất, thành tựu của đạo lý.

3. Sự chân thật sở hành của trí do phiền não chướng thanh tịnh: Đó là cảnh giới sở hành của tất cả Thanh văn, Độc giác, hoặc vô lậu trí, hoặc năng dẫn vô lậu trí, hoặc hậu đắc trí. Đây gọi là sự chân thật sở hành của trí do phiền não chướng thanh tịnh. Do duyên đây làm cảnh, từ phiền não chướng, trí được thanh tịnh, ở đời vị lai an trụ không chướng ngại. Cho nên gọi là sự chân thật sở hành của trí do phiền não chướng thanh tịnh.

Đây lại thế nào? Đó là bốn thánh đế: 1. Khổ thánh đế; 2. Tập thánh đế; 3. Diệt thánh đế; 4. Đạo thánh đế. Ở nơi nghĩa của bốn thánh đế như vậy, cực khéo tư duy phân tích, chứng nhập hiện quán; đã nhập hiện quán, như thật trí sanh. Đế hiện quán đây, Thanh văn, Độc giác năng quán *chỉ có các uẩn khác được, trừ ngoài các uẩn, ngã chẳng khác được*; vì luôn tu tập tuệ tương ưng duyên sanh, các hành sanh diệt; vì luôn tu tập kiến uẩn khác, bổ-đặc-già-la tánh không, phát sanh Hiện quán thánh đế như vậy.

4. Sự chân thật sở hành của trí do sở tri chướng thanh tịnh: Do trí bị ngăn ngại ở nơi cảnh sở tri, nên gọi là sở tri chướng. Cảnh giới sở hành của trí từ sở tri chướng được giải thoát, đây gọi là sự chân thật sở hành của trí do sở tri chướng thanh tịnh.

Đây lại thế nào? Đó là chư Phật Thế Tôn, chư Bồ-tát nhập vào pháp vô ngã. Đã nhập rồi khéo thanh tịnh, ở tất cả pháp tự tánh lìa lời, tự tánh giả nói, hết thấy đều bình đẳng, cảnh giới sở hành của trí vô phân biệt. Cảnh giới như vậy là tối đệ nhất, là ngăn mé sở tri không gì vượt hơn của chân như. Lấy tất cả chánh pháp tư trạch để so lường với đây, thì hết thấy đều lùi lại, không thể vượt qua.

Lại an lập tướng chân thật nghĩa đây, phải biết tức là hiển bày *không hai*. Chỗ nói “hai” đó là *có* và *chẳng phải có*.

Trong đây, *có* là tự tánh giả nói được an lập, tức là chỗ chấp trường thời của thế gian, cũng là tất cả phân biệt hý luận căn bản của thế gian. Hoặc gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; hoặc là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; hoặc là địa, thủy,

hỏa, phong; hoặc là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; hoặc là thiện, bất thiện, vô ký; hoặc là sanh diệt, hoặc là duyên sanh; hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi; hoặc là đời này, hoặc là đời khác, hoặc là ngày tháng; hoặc là chỗ thấy, chỗ nghe, chỗ hiểu, chỗ biết, chỗ cầu, chỗ được, ý theo đó tầm tứ, cuối cùng cho đến hoặc là Niết-bàn. Hết thấy loại như vậy là pháp giả nói tự tánh mà thế gian cùng hiểu biết. Đây gọi là *có*.

Trong đây, *chẳng phải có* tức là giả nói tự tánh của các sắc, cho đến giả nói tự tánh của Niết-bàn, không sự, không tướng, giả nói có chỗ nương, tất cả đều là không. Lời nói giả lập nương kia chuyển, cũng đều không chỗ có. Đây gọi là *chẳng phải có*.

Trước nói *có*, nay lại nói *chẳng phải có*, *có* và *chẳng phải có* cả hai đều xa lìa. Đây là tánh sự chân thật nhiếp thuộc pháp tướng. Đây gọi là không hai. Do không hai nên gọi là trung đạo, xa lìa hai biên, cũng gọi là vô thượng. Trí của chư Phật Thế Tôn ở nơi chân thật đây đã khéo thanh tịnh. Trí của chư Bồ-tát ở nơi sự chân thật đây được hiển bởi đạo học.

Lại trí tuệ đây là phương tiện rộng lớn khiến chư Bồ-tát năng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì cố sao? Bởi lẽ chư Bồ-tát ở trong sanh tử, với những kiếp khác nhau, tu Không giải thoát môn, khéo năng thành tựu tất cả Phật pháp và tất cả hữu tình.

Lại năng như thật rõ biết sanh tử mà không ở nơi sanh tử, dụng hành vô thường... phát khởi tâm chán lìa sâu. Nếu chư Bồ-tát chẳng thể như thật rõ biết sanh tử, tức chẳng năng ở nơi tất cả phiền não tham, sân, si... thâm tâm xả bỏ. Vì không thể xả bỏ các phiền não, tâm bị tạp nhiễm, thọ các sanh tử. Do tâm tạp nhiễm thọ các sanh tử, không thể thành thực tất cả Phật pháp và các hữu tình.

Nếu chư Bồ-tát ở nơi sanh tử dụng hành vô thường... tâm chán lìa sâu, thì nhanh chóng nhập Bát-niết-bàn. Nếu Bồ-tát mau nhập Bát-niết-bàn, thì không thể thành thực tất cả Phật pháp và các hữu tình, huống là năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại, chư Bồ-tát do tu tập Không giải thoát môn như vậy, nên không sanh sợ hãi sâu đối với Niết-bàn, cũng không sanh nhiều vui muốn đối với

Niết-bàn. Vì cơ sao? Nếu chư Bồ-tát sanh sợ hãi sâu đối với Niết-bàn, thì không thể viên mãn tư lương Niết-bàn. Do sanh sợ hãi sâu, nên không thấy công đức lợi ích thù thắng của Niết-bàn. Do không thấy, nên xa lìa tất cả thắng giải thanh tịnh đối với Niết-bàn.

Nếu chư Bồ-tát trụ nhiều vui muốn đối với Niết-bàn, thì năng nhanh chóng nhập Bát-niết-bàn. Nếu nhanh chóng nhập Bát-niết-bàn, thì chẳng năng thành thực Phật pháp và các hữu tình.

Trong đây, chư Bồ-tát nếu không như thật rõ biết sanh tử, thì tâm tạp nhiễm lưu chuyển trong sanh tử. Nếu tâm chán lìa sâu đối với sanh tử, thì nhanh chóng nhập Bát-niết-bàn. Nếu tâm hãi sợ sâu đối với Niết-bàn, thì chẳng năng chứng đắc cho đến viên mãn tư lương Niết-bàn. Nếu chư Bồ-tát trụ nhiều vui muốn đối với Niết-bàn, tức nhanh chóng nhập Bát-niết-bàn. Như vậy, chư Bồ-tát đây đối với việc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không có phương tiện lớn.

Nếu năng như thật rõ biết sanh tử, thì tâm không nhiễm lưu chuyển trong sanh tử. Nếu đối với tất cả sanh tử không dụng hành vô thường...

tâm chán lìa sâu, thì không nhanh chóng nhập Bát-niết-bàn. Nếu không hãi sợ sâu đối với Niết-bàn, thì năng viên mãn tư lương Niết-bàn. Tuy đối với Niết-bàn thấy có công đức thù thắng lợi ích vi diệu, nhưng không vui muốn mạnh mẽ mau chóng, thì Bồ-tát đây đối với chúng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề có phương tiện rộng lớn. Phương tiện rộng lớn đây nương thắng giải tánh không là thù thắng hơn cả. Cho nên Bồ-tát lúc tu tập đạo học nhiếp lấy thắng giải tánh không tối thắng, mới gọi là phương tiện rộng lớn năng chứng diệu trí Như Lai.

Lại chư Bồ-tát do năng thâm nhập *pháp vô ngã trí*, ở nơi tất cả pháp tự tánh lìa lời đã như thật biết, tự mình thông đạt không có chút pháp cùng chút phẩm loại nào có thể khá phân biệt. Chỉ nắm giữ như vậy, chỉ nắm giữ chân như nhưng không tác nghi “đây chỉ là sự, đây chỉ là chân như”, chỉ hành nơi nghĩa thù thắng. Bồ-tát hành thắng nghĩa như vậy, nên bình đẳng bình đẳng đối với tất cả pháp, dùng tuệ chân như như thật quán sát. Ở tất cả xứ, có cái thấy bình đẳng đầy đủ, có tâm bình đẳng đầy đủ, đặc xả thù thắng nhất. Vì

nương xả đây, lúc siêng năng tu tập minh xứ và tất cả thiện xảo, tuy gặp phải tất cả gian khổ khó nhọc mà không thối chuyển, khiến thân tâm mau chóng vượt qua mỗi mật. Ở nơi các thiện xảo được lực nhớ nghĩ, nhanh chóng thành tựu trọn vẹn, cũng không vì thiện xảo mà tự cao ngạo, cũng không hẹp hòi che giấu đối với người. Ở nơi các việc thiện xảo, tâm không khiếm nhược, năng kham nhẫn, sở hành vô ngại, đầy đủ áo giáp gia hạnh kiên cố.

Chư Bồ-tát đây ở trong sanh tử như như lưu chuyển gặp khổ nạn lớn, như vậy như vậy đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề càng thêm tăng trưởng. Như như đạt được sự tôn quý thù thắng, như vậy như vậy đối với các hữu tình, kiêu mạn càng giảm dần. Như như chứng được trí tuệ thù thắng, như vậy như vậy ở nơi những sự nạn vấn, tranh tụng, lời nói bàn luận tạp nhạp, chạy theo đàm luận hư huyền, hiện hành phạm giới cấm, thì luôn quán sát tăng gấp bội, tâm xả bỏ tận gốc. Như như công đức triển chuyển tăng trưởng, như vậy như vậy chuyển vận che giấu điều thiện của mình, không mong cầu người khác biết, cũng không mong

cầu lợi dưỡng cung kính.

Hết thấy sở hữu của Bồ-tát như vậy có nhiều chủng thù thắng lợi ích, đó là Bồ-đề phần. Nếu vì thuận theo Bồ-đề, tất cả đều phải nương trí kia. Cho nên tất cả Bồ-đề đã thành tựu, sẽ thành tựu, nay thành tựu, đều phải nương trí đây. Ngoài đây ra, trọn không có hoặc hơn hoặc thêm một trí nào khác.

Lại chư Bồ-tát thuận theo lý không hý luận như vậy, thành tựu nhiều chủng lợi ích thù thắng như vậy, vì tự thành thực Phật pháp, vì thành thực pháp Tam thừa cho người, mà tu hành chánh hạnh.

Bồ-tát lúc tu hành chánh hạnh như vậy, đối với thân mạng, tài của, tự thân xa lìa tham ái. Đối với chúng sanh muốn học hạnh xa lìa tham ái, Bồ-tát vì lợi ích chúng sanh, đều năng xả thân mạng, tiền của.

Lại năng phòng hộ, cực khéo phòng hộ, tu học thân ngữ luật nghi, tánh không vui với điều ác, tánh rất hiền thiện. Lại năng nhẫn chịu tất cả xâm não của người, cũng năng học hạnh kham nhẫn đối với kẻ làm ác. Tánh ít sân hận, không

xâm bức não hại người. Lại năng siêng tu tất cả minh xứ, khiến ngày càng thêm thiện xảo. Tất cả như vậy chỉ vì dứt trừ nghi hoặc cho chúng sanh, vì huệ thí chúng sanh các việc làm nhiều ích, vì tự nhiếp thọ nhân Nhất thiết trí.

Lại vì tịnh tu trị bốn thứ phạm trụ, vì năng du hí năm thần thông, vì năng thành lập việc lợi ích chúng sanh, vì muốn trừ khiến tất cả mỗi một phát khởi trong lúc siêng năng tu học các thiện xảo, nên năng an trụ nội tâm khiến tâm khéo định. Nơi việc an trụ tâm, thường siêng năng tu học.

Lại tánh thông tuệ, thành tựu chân trí. Vì thành tựu chân trí, nên thường siêng năng tu học. Vì tự mình ở đương lai Bát-niết-bàn, nên tu tập Đại thừa.

Lại chư Bồ-tát lúc tu hành chánh hạnh như vậy, đối với các hữu tình có đầy đủ công đức, thường hoan hỷ hiện tiền cúng dường cung kính. Đối với các hữu tình có nhiều lỗi lầm, thường vui hiện tiền phát khởi tâm bi tâm mẫn mạnh mẽ, tùy năng lực khiến họ đoạn trừ các lỗi lầm. Đối với các hữu tình đã có oán thù với mình, thường khởi tâm từ, không

siểm, không cưỡng, tùy theo năng lực làm chủng chủng việc lợi ích an vui cho họ, khiến kẻ oán kia ý vui muốn thực hành gia hạnh, chỗ có lỗi lầm cùng tâm oán hiềm tự nhiên dứt trừ. Đối với hữu tình đã mang ân, vì khéo biết ân, hiện tiền báo đáp hoặc bằng hoặc hơn. Tùy sức tùy khả năng, như pháp mà báo đáp, khiến người kia được như ý mãn nguyện. Tuy không có khả năng, nếu người kia cầu thỉnh, Bồ-tát vì nhớ ân xưa, chuyên tâm tinh cần không lười biếng, trợ giúp sự nghiệp cho người, trọn không bỏ qua cầu thỉnh của người. Nếu không đủ khả năng, phải khéo léo khiến họ biết được.

Hết thấy loại như vậy gọi là Bồ-tát thừa thuận theo lý không hý luận, nương cực chân trí mà tu hành chánh gia hạnh.

Nương đạo lý gì nhận biết các pháp tự tánh là lời? Đó là tự tướng của tất cả pháp giả lập, hoặc nói là sắc, hoặc nói là thọ, như trước nói rộng cho đến Niết-bàn. Nên biết tất cả chỉ là giả kiến lập, chẳng phải có tự tánh, cũng chẳng phải là kia mà riêng có tự tánh. Đây là sở hành của ngôn ngữ, cảnh giới của ngôn ngữ. Như vậy các pháp chẳng

phải có tự tánh. Như chỗ nói của ngôn ngữ, cũng chẳng phải tất cả đều vô sở hữu. Như vậy chẳng có, cũng chẳng phải tất cả đều vô sở hữu.

Có như thế nào? Tức là ở nơi thật không, xa lìa vọng chấp tăng thêm; ở nơi thật có, xa lìa vọng chấp tổn giảm. Như vậy, có tức là thắng nghĩa tự tánh các pháp, phải biết chỉ là sở hành cảnh giới của trí vô phân biệt.

Nếu ở nơi các pháp, các sự, tùy khởi ngôn thuyết, thì tức ở nơi pháp kia, sự kia có tự tánh ấy. Như thế một pháp, một sự lẽ ra phải có nhiều tự tánh. Vì cơ sao? Vì ở nơi một pháp, một sự, đặt ra nhiều giả thuyết để chứng minh hiển thị. Nhưng cũng chẳng phải có nhiều giả thuyết để chứng minh hiển thị quyết định khả đắc. Đó là tùy một giả thuyết ở nơi pháp kia, sự kia có thể, có phần, có tự tánh, chẳng phải những giả thuyết khác. Cho nên tất cả giả thuyết, hoặc đầy đủ, hoặc không đầy đủ, ở nơi tất cả pháp, tất cả sự, đều không hẳn có thể, có phần, có tự tánh ấy.

Lại như trước nói các pháp sắc... nếu theo giả thuyết mà có tự tánh ấy, thì cần yếu trước hết phải có sự, về sau tùy muốn mà đặt ra giả thuyết. Vậy

trước lúc chưa đặt giả thuyết kia, thì pháp kia, sự kia lẽ không có tự tánh? Nếu không có tự tánh, không sự mà đặt ra giả thuyết để chứng minh hiển thị, điều này không hợp đạo lý. Giả thuyết chứng minh hiển thị đã không chỗ có, thì pháp kia, sự kia theo giả thuyết mà có tự tánh, thì không hợp đạo lý.

Lại nếu các sắc trước kia lúc chưa đặt ra giả thuyết để chứng minh hiển thị, trước có tánh sắc, về sau nương tánh sắc đặt ra giả thuyết để nhiếp lấy sắc ấy, vậy thì là giả thuyết chứng minh hiển thị “sắc”, ở nơi tướng pháp sắc, ở nơi tướng sự sắc, lẽ phải khởi hiểu biết về sắc, mà thật ra không khởi. Do nhân duyên đây, cũng do đạo lý đây, nên biết các pháp tự tánh là lời.

Như đã nói về sắc như vậy, thì thọ... như trước đã nói, cho đến Niết-bàn phải biết cũng vậy.

Có hai hạng người ở nơi pháp Tỳ-nại-da mà Phật thuyết đều làm hư hoại: 1. Kẻ ở nơi pháp sắc... ở nơi sự sắc... cho là có giả thuyết tự tánh, tự tướng; ở nơi sự *thật không* mà khởi chấp tăng thêm; 2. Kẻ ở nơi tướng giả thuyết, ở nơi nương vào tướng giả thuyết, tự tánh là lời, thảng nghĩa pháp tánh, cho

là tất cả chúng đều không chỗ có, ở nơi sự *thật có* mà khởi chấp tổn giảm.

Lỗi lầm của kẻ ở nơi thật không sự mà khởi chấp tăng thêm, hư vọng giả lập pháp. Đây đã khai thị hiển rõ đầy đủ ở phần trước. Vì ở trong pháp sắc... thật không sự, mà có lỗi lầm khởi chấp tăng thêm, nên ở nơi pháp Tỳ-nại-da mà Phật thuyết gây hủy hoại rất lớn.

Lỗi lầm của kẻ ở nơi các pháp sắc... thật có chỉ sự mà khởi chấp tổn giảm, hoại các pháp. Do quá thất đây, ở nơi pháp Tỳ-nại-da mà Phật thuyết cũng gây hủy hoại rất lớn. Ta nay sẽ thuyết: “Đó là nếu ở nơi các pháp sắc... kia, thật có chỉ là sự mà khởi chấp tổn giảm, tức không chân thật, cũng không hư giả”.

Hai hạng người như vậy đều không như lý. Thí như có các uẩn sắc... mới có giả lập bổ-đặc-già-la, chẳng thể không có thật sự mà có bổ-đặc-già-la giả lập. Như vậy nói chung cần có các pháp sắc... thật có chỉ là sự, mới khá có được chỗ chứng minh hiển thị giả thuyết các pháp sắc... Chẳng phải “không chỉ sự” mà có chỗ chứng minh hiển thị giả thuyết sắc... Nếu chỉ có giả, không có thật sự, tức không có

chỗ nương. Đã không chỗ nương, giả lập cũng không có. Do đây gọi là kẻ hoại các pháp.

Như có một hạng người khi nghe thuyết kinh điển tương ưng Đại thừa, tương ưng tánh Không, khó hiểu nghĩa thú mật ý thâm sâu chưa hiểu rõ. Kẻ kia không thể như thật hiểu nghĩa đã thuyết, khởi hư vọng phân biệt không như lý. Do không khéo dùng phương tiện để dẫn dắt tâm tư, nên khởi kiến, khởi lập luận như vậy: “Tất cả chỉ là giả, điều này mới là chân thật. Nếu khởi quán đây tức là chánh quán”. Kẻ kia ở nơi chỗ nương hư giả, thật có chỉ sự, bác bỏ cho là chẳng phải có. Vậy tức “tất cả hư giả đều không, làm sao có được tất cả chỉ là giả. Điều này mới là chân thật”. Do đạo lý đây, kia ở nơi hai chủng là chân thật cùng với hư giả đều chệch lạc cho là không chỗ có. Do hủy báng chân thật và hư giả, nên biết gọi là kẻ chấp không tột cùng.

Kẻ chấp không như vậy, tất cả bậc có trí đồng phạm hạnh không nên cùng bàn luận, cùng cư trú. Như vậy kẻ chấp không năng tự hủy hoại mình, cũng hủy hoại thế gian theo kiến chấp của y. Thế Tôn nương kia mật ý thuyết rằng: “Như hạng người khởi ngã kiến, còn hơn hạng chấp không thô ác”.

Vì cố sao? Kẻ khởi ngã kiến chỉ bị mê hoặc ở nơi cảnh giới sở tri, không bài bác tất cả cảnh giới sở tri, không do nhân đây đọa vào đường ác. Đối với người cầu pháp, cầu giải thoát khổ, không đối gạt, cũng không làm trở ngại. Nơi pháp, nơi đế cũng năng kiến lập. Nơi các học xứ, không sanh khởi chậm chạp.

Kẻ ác chấp không cũng ngu mê ở nơi cảnh giới sở tri, cũng bài bác tất cả cảnh giới sở tri. Do nhân duyên đây nên đọa vào đường ác. Đối với người cầu pháp, cầu giải thoát khổ, năng đối gạt cũng năng làm trở ngại. Nơi pháp, nơi đế không thể kiến lập, đối với các học xứ sanh cực trì trệ. Kẻ tổn giảm sự thật có như vậy, ở nơi Tỳ-nại-da mà Phật thuyết làm hủy hoại rất lớn.

Kẻ ác chấp không như thế nào? Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, do kia nên không, cũng không tin thọ; ở đây mà không, cũng không tin thọ. Như vậy gọi là kẻ ác chấp không. Vì cố sao? Do kia nên không, kia thật là không; ở đây mà không, đây thật là có. Do đạo lý đây khá nói là không. Nếu nói tất cả đều không chỗ có, thì chỗ nào, cái gì, có gì gọi là không? Cũng không nên nói do đây, ở đây

tức nói là không. Cho nên gọi là kẻ ác chấp không.

Người khéo nắm giữ Không như thế nào? Do ở đây kia đều không chỗ có, tức do kia nên chánh quán là không. Lại do ngoài đây ra thật là có, tức do phần còn lại nên như thật biết có. Như vậy gọi là ngộ nhập tánh Không như thật không điên đảo. Đó là như trước đã nói tất cả tướng sự sắc... chỗ nói tánh pháp giả thuyết sắc... đều không chỗ có. Cho nên ở nơi tướng sự sắc... đây, do tánh pháp giả thuyết sắc... kia, nên nói là không. Ở tất cả tướng sự sắc... cái gì là phần còn lại? Tức là sở y của giả thuyết sắc...

Hai chủng như sau đều như thật biết, đó là: ở trong đây thật có chỉ là sự. Ở trong chỉ sự đây cũng có chỉ là giả. Không ở nơi thật không khởi chấp tăng thêm, không ở nơi thật có khởi chấp tổn giảm. Không thêm, không bớt, không lấy, không bỏ. Như thật rõ biết chân như như thật, tự tánh lìa lời. Như vậy gọi là người khéo nắm giữ Không.

Ở nơi pháp tánh Không, năng dùng chánh huệ diệu khéo thông đạt. Như vậy thuận theo chứng thành đạo lý, rõ biết các pháp tự tánh lìa lời. Lại do chí giáo lượng nên biết các pháp tự tánh lìa lời.

Như trong *Kinh Chuyển Hữu*, Đức Phật Thế Tôn vì hiển nghĩa đây mà thuyết kệ rằng:

*Dùng các danh này kia
Hiển các pháp này kia
Trong đó không có kia
Là pháp tánh các pháp.*

Kệ tụng đây hiển nghĩa kia thế nào? Đó là ở nơi tướng pháp sắc... kiến lập danh pháp sắc... Tức lấy danh pháp sắc... như vậy mà chứng minh hiển thị tùy nói tướng pháp sắc... hoặc nói là sắc, hoặc nói là thọ, hoặc nói là tưởng, nói rộng cho đến nói là Niết-bàn. Ở trong tất cả tướng pháp sắc... đây, tự tánh sắc... đều vô sở hữu, cũng không có tánh pháp sắc... nào khác. Nhưng ở trong tướng pháp sắc... tánh lìa nghĩa lời chân thật là có, nên biết tức là thắng nghĩa tự tánh, cũng là pháp tánh.

Lại Đức Phật Thế Tôn ở trong phẩm *Nghĩa* nói:

*Các thế tục thế gian
Mâu-Ni đều không đắm
Không đắm ai năng thủ
Thấy nghe mà không thích.*

Kệ đây hiển nghĩa kia thế nào? Đó là tướng sự sắc... ở thế gian, ở nơi sở hữu sắc... có chủng chủng giả thuyết, gọi là các thế tục. Như kia giả thuyết, thì ở nơi tướng đây, sự đây có tự tánh. Thế tục như vậy Đức Mâu-Ni không nương bám. Tại sao? Vì có cái thấy không tăng thêm, cũng không tổn giảm, vì hiện tiền không có cái thấy điên đảo. Do đạo lý đây được gọi là không đắm trước. Không đắm trước như vậy, thì ai năng thủ? Vì không kiến chấp nên ở nơi sự tăng thêm hay tổn giảm đều không chấp thủ. Ở nơi cảnh sở tri năng chánh quán sát, nên được gọi là cái thấy. Lắng nghe ngôn thuyết về cảnh giới sở tri, nên gọi là nghe. Nương thấy nghe đây mà không sanh tham ái, cũng không tăng trưởng, chỉ ở nơi duyên kia rốt ráo đoạn diệt, an trụ xả bậc thượng, nên gọi là không thích.

Lại nữa, Thế Tôn vì Bí-sô Tán-Tha-Ca-Đa-Điển-Na mà dạy bảo như vậy: “Bí-sô Tán-Tha! Không nương Địa mà tu tịnh lự; không nương Thủy, không nương Hỏa, không nương Phong, không nương Không xứ, không nương Thức xứ, không nương Vô sở hữu xứ, không nương Phi tướng phi phi tướng xứ; không nương đời này, đời khác; không nương

chu kỳ ánh sáng của mặt trời, mặt trăng; không nương thấy, nghe, hay, biết; không nương sở cầu, sở đắc; không nương ý thuận theo tâm tứ, không nương tất cả mà tu tĩnh lự.

Bí-sô làm sao tu tập tĩnh lự, chẳng nương Địa mà tu tĩnh lự, nói rộng cho đến chẳng nương tất cả mà tu tĩnh lự?

Bí-sô Tán-Tha! Hoặc có khi ở nơi Địa khiến trừ tướng Địa, hoặc có khi ở nơi Thủy khiến trừ tướng Thủy, nói rộng cho đến hoặc ở nơi tất cả khiến trừ tất cả tướng. Bí-sô tu tập tĩnh lự như vậy, chẳng nương Địa mà tu tĩnh lự, nói rộng cho đến chẳng nương tất cả mà tu tĩnh lự.

Bí-sô tu tập tĩnh lự như vậy, khiến Nhân-đà-la, khiến Y-xá-na, khiến vua chúa thế gian cùng chúng chư thiên từ xa tác lễ, khen ngợi tán thán:

*Kính lễ bậc Kiết Tường
Kính lễ bậc Trung Tôn
Tôi nay không biết Ngài
Nương đâu tu tĩnh lự”.*

Kệ đây hiển nghĩa kia như thế nào? Đó là ở nơi tướng sự địa... các danh địa... thi thiết giả lập

gọi là tướng địa... Tức các tướng này, ở nơi sở hữu tướng sự sắc... kia, hoặc khởi tăng thêm, hoặc khởi tổn giảm. Nếu ở nơi sự kia, phát khởi năng tăng thêm, tức là chấp có tự tánh thể, gọi là tướng tăng thêm; phát khởi năng tổn giảm, tức là chấp thắng nghĩa chỉ sự, gọi là tướng tổn giảm. Vị kia ở nơi tướng đây, năng chánh trừ khiển, năng đoạn năng xả, nên gọi là trừ khiển.

Hết thủy loại thánh ngôn như vậy gọi là chí giáo. Do chí giáo tối thắng của chư Như Lai đây, nên biết các pháp tự tánh là lời.

Hỏi: Nếu như vậy, do nhân duyên gì ở tất cả pháp tự tánh là lời mà khởi ngôn thuyết?

Đáp: Nếu không khởi ngôn thuyết, thì không thể vì người thuyết: “Tất cả pháp tự tánh là lời”. Người khác cũng không thể được nghe nghĩa như vậy. Nếu không được nghe, thì chẳng thể biết tất cả pháp đây tự tánh là lời. Vì muốn khiến người nghe biết các pháp tự tánh là lời, cho nên ở tự tánh là lời đây mà khởi ngôn thuyết.

Lại các kẻ ngu si ở nơi chân như được hiển bày như vậy, không thể rõ biết. Do nhân duyên đây, nên tám chủng phân biệt chuyển, năng phát

sinh ba sự, năng sinh khởi tất cả hữu tình thế gian và khí thế gian.

Sao gọi là *tám chủng phân biệt*? 1. Phân biệt tự tánh; 2. Phân biệt sai biệt; 3. Phân biệt tổng chấp; 4. Phân biệt ngã; 5. Phân biệt ngã sở; 6. Phân biệt ái; 7. Phân biệt phi ái; 8. Phân biệt trái với cả hai là ái và phi ái.

Vì sao tám chủng phân biệt như vậy năng phát sanh ba sự? Ba chủng phân biệt hoặc phân biệt tự tánh, hoặc phân biệt sai biệt, hoặc phân biệt tổng chấp, năng phát sanh sự sở y, sở duyên của phân biệt hý luận. Đó là vì hết thấy tướng sự sắc... làm y, làm duyên, gọi là phân biệt hý luận nhiếp thuộc ngôn thuyết tướng, được hiển bởi ngôn thuyết tướng. Tức ở nơi sự việc này phân biệt, so sánh, tính toán, chẳng phải một mà nhiều phẩm loại sai biệt.

Hoặc phân biệt ngã, hoặc phân biệt ngã sở, hai chủng phân biệt đây năng phát sanh tất cả kiến căn bản khác và thân kiến căn bản của mạn và năng phát sanh sở hữu ngã mạn căn bản của tất cả mạn khác.

Hoặc phân biệt ái, hoặc phân biệt phi ái, hoặc

phân biệt trái với cả ái và phi ái, tùy chỗ thích hợp năng sanh tham dục, sân khuể, ngu si.

Đây gọi là tám chủng phân biệt năng phát sanh ba sự: 1. Sự sở y, sở duyên của phân biệt hý luận; 2. Sự kiến chấp ngã mạn; 3. Sự tham, sân, si. Phải biết trong đây, sự sở y, sở duyên của phân biệt hý luận làm chỗ nương sanh khởi thân kiến cùng với ngã mạn. Thân kiến và ngã mạn làm chỗ nương, sanh khởi tham, sân, si. Do ba sự đây năng hiển hiện khắp tất cả phẩm pháp lưu chuyển ở thế gian.

Sao gọi là phân biệt tự tánh? Là sở hữu tâm tư ở nơi tướng sự sắc... phân biệt chủng chủng tự tánh sắc... Như vậy gọi là phân biệt tự tánh.

Sao gọi là phân biệt sai biệt? Tức là ở nơi sự tướng sự sắc... kia, nói đây có sắc, đây không sắc; nói đây có thể thấy, đây không thể thấy; nói đây có đối ngại, đây không đối ngại; nói đây hữu lậu, đây vô lậu; nói đây hữu vi, đây vô vi; nói đây là thiện, đây là bất thiện, đây là vô ký; nói đây là quá khứ, vị lai, hiện tại. Do vô lượng phẩm loại đạo lý sai biệt như vậy, tức ở nơi chỗ nương là phân biệt tự tánh, mà phân biệt chủng chủng nghĩa sai

biệt của kia. Như vậy gọi là phân biệt sai biệt.

Sao gọi là phân biệt tổng chấp? Tức là ở nơi tướng sự sắc... kia mà giả tướng thì thiết ngã và hữu tình, mạng, sanh... nương đây phân biệt phát khởi. Ở nơi gộp chung nhiều pháp, chấp chung làm nhân, phân biệt mà chuyển. Như ở nơi thi thiết giả tướng nhà, quân, rừng, uống, ăn, y, xe... nương đây phân biệt phát khởi. Như vậy gọi là phân biệt tổng chấp.

Sao gọi là phân biệt ngã, ngã sở? Là chỗ chứa nhóm hoặc các sự việc có lậu, có chấp thủ, tập quen lâu dài chấp làm ngã, ngã sở. Do tập quen tà chấp kia, nên phân biệt hư vọng do kiến xứ của mình làm duyên sanh khởi. Như vậy gọi là phân biệt ngã, ngã sở.

Sao gọi là phân biệt ái? Là sự phân biệt sanh khởi do duyên vào cảnh sự tịnh diệu, thích ý. Như vậy gọi là phân biệt ái.

Sao gọi là phân biệt phi ái? Là sự phân biệt sanh khởi do duyên vào cảnh sự không tịnh diệu, không thích ý. Như vậy gọi là phân biệt phi ái.

Sao gọi là phân biệt trái với cả hai? Là phân biệt sanh khởi do duyên vào sự việc cùng lìa cả hai tịnh diệu, không tịnh diệu; thích ý, không thích ý.

Những điều nói trên tóm lược có hai chủng: 1. Tự tánh của phân biệt; 2. Sự sở y, sở duyên của phân biệt. Hai chủng như vậy từ vô thủy đến nay triển chuyển xoay vần làm nhân, đó là ở đời quá khứ phân biệt làm nhân, năng sanh sự sở y, sở duyên của phân biệt trong hiện tại; hiện tại sự sở y, sở duyên của phân biệt đã được sanh rồi, lại năng làm nhân sanh phân biệt ở đời hiện tại do y, duyên kia phát khởi; ở nơi sự phân biệt trong hiện tại, vì không rõ biết, lại sanh sự sở y, sở duyên ở đời đương lai. Vì kia sẽ sanh, nên nhất định sẽ sanh phân biệt do y, duyên kia phát khởi.

Sao gọi là *phân biệt rõ biết*? Do bốn chủng tâm tư, bốn chủng như thật trí.

– Sao gọi là bốn chủng tâm tư? 1. Tâm tư danh; 2. Tâm tư sự; 3. Tâm tư giả lập tự tánh; 4. Tâm tư giả lập sai biệt.

Sao gọi là tâm tư danh? Chư Bồ-tát ở nơi danh, duy chỉ thấy danh, gọi là tâm tư danh.

Sao gọi là tâm tư sự? Chư Bồ-tát ở nơi sự, duy chỉ thấy sự, gọi là tâm tư sự.

Sao gọi là tâm tư giả lập tự tánh? Chư Bồ-tát ở nơi giả lập tự tánh, chỉ thấy giả lập tự tánh, gọi

là tầm tư giả lập tự tánh.

Sao gọi là tầm tư giả lập sai biệt? Chư Bồ-tát ở nơi giả lập sai biệt, chỉ thấy giả lập sai biệt, gọi là tầm tư giả lập sai biệt.

Chư Bồ-tát đây ở nơi danh kia, sự kia, hoặc là tướng mà quán, hoặc hợp tướng mà quán. Vì nương theo danh, sự, hợp tướng mà quán, nên thông đạt hai chủng là giả lập tự tánh, giả lập sai biệt.

– Sao gọi là bốn như thật trí? 1. Tầm tư danh dẫn phát như thật trí; 2. Tầm tư sự dẫn phát như thật trí; 3. Tầm tư giả lập tự tánh dẫn phát như thật trí; 4. Tầm tư giả lập sai biệt dẫn phát như thật trí.

Sao gọi là tầm tư danh dẫn phát như thật trí? Chư Bồ-tát ở nơi tầm tư danh chỉ thấy có danh, tức là ở nơi danh đây như thật rõ biết. Đó là danh như vậy, ở nơi sự giả lập là nghĩa như vậy, khiến thế gian khởi tướng, khởi kiến, khởi ngôn thuyết. Nếu ở nơi tướng sự sắc... không giả kiến lập danh sắc... thì không thể ở nơi tướng sự sắc... mà khởi tướng sắc... Nếu không có tướng, thì không năng khởi chấp tăng thêm. Nếu không có chấp, thì không có ngôn thuyết. Nếu như thật rõ biết như vậy gọi là

tâm tư danh dẫn phát như thật trí.

Sao gọi là tâm tư sự dẫn phát như thật trí? Chư Bồ-tát ở nơi tâm tư sự thấy chỉ có sự. Quán thấy tất cả tướng sự sắc... tánh lìa ngôn thuyết, không thể nói năng. Nếu năng như thật rõ biết như vậy, gọi là tâm tư sự dẫn phát như thật trí.

Sao gọi là tâm tư giả lập tự tánh dẫn phát như thật trí? Chư Bồ-tát ở nơi tâm tư giả lập tự tánh, thấy chỉ có giả lập tự tánh. Như thật thông đạt, biết rõ trong tướng sự sắc... sở hữu tự tánh giả lập, chẳng phải tự tánh của sự kia mà giống như tự tánh của sự kia hiển hiện. Lại năng rõ biết tự tánh sự kia giống như biến hóa, như ảnh tượng, tiếng vang, như bóng trăng trong nước, như khói lửa mộng huyễn, chỉ hiển hiện tương tự mà chẳng phải hình thể của kia. Nếu năng như thật rõ biết cảnh giới sở hành của nghĩa tối thậm thâm như vậy, đây gọi là tâm tư giả lập tự tánh dẫn phát như thật trí.

Sao gọi là tâm tư giả lập sai biệt dẫn phát như thật trí? Chư Bồ-tát ở nơi tâm tư giả lập sai biệt, thấy chỉ có giả lập sai biệt. Như thật thông đạt, rõ biết trong tướng sự sắc... giả lập sai biệt, nghĩa không hai, đó là các sự kia chẳng phải có tánh,

chẳng phải không tánh. Tánh mà có thể nói bàn, vì không thành thật, nên chẳng phải có tánh. Tánh lìa nói năng, vì chân thật lập thành, nên chẳng phải không tánh. Như vậy do thắng nghĩa đế, nên chẳng phải có sắc, vì ở trong không có các sắc pháp. Do thế tục đế, nên chẳng phải không sắc, vì ở trong có các sắc pháp. Như có tánh, không tánh; có sắc, không sắc; thì có thể thấy, không thể thấy; hết thấy môn giả lập sai biệt do đạo lý đây đều nên rõ biết. Nếu năng như thật rõ biết giả lập sai biệt như vậy nghĩa không hai, đây gọi là tâm tư giả lập sai biệt dẫn phát như thật trí.

Kẻ ngu ở nơi bốn như thật trí đây, vì có sự khiếm khuyết, vì không hiện tiền, nên có tám chủng tà phân biệt chuyển, năng phát sanh ba sự, năng sanh khởi tất cả hữu tình thế gian và khí thế gian. Do tà phân biệt như vậy, nên khởi các tạp nhiễm. Vì khởi tạp nhiễm, nên lưu chuyển trong sanh tử. Vì trường thời lưu chuyển trong sanh tử, nên thường hằng có vô lượng chủng chủng khổ sanh, lão, bệnh, tử... đuổi theo sanh tử lưu chuyển không dừng.

Bồ tát nương bốn như thật trí đây, năng chánh

rõ biết tám chủng phân biệt. Ở trong hiện pháp chánh rõ biết, nên sự sở y, sở duyên nhiếp thuộc hý luận đời vị lai không sanh khởi trở lại. Vì không sanh khởi, nên từ y, duyên kia phát khởi phân biệt đời vị lai cũng không sanh trở lại.

Như vậy, vì phân biệt và sự y, duyên kia, cả hai đều diệt, nên biết tất cả hý luận đều diệt. Hý luận đều diệt như vậy, nên Bồ-tát năng chứng Đại thừa Đại Bát-niết-bàn. Ở trong hiện pháp, vì thắng nghĩa chân thật, sở hành trí cực thanh tịnh, nên năng gặt hái tự tại rộng khắp. Do đây chư Bồ-tát ở nơi chủng chủng hóa hiện, năng hóa hiện thân thông tự tại; ở nơi chủng chủng biến hiện, năng biến hiện thân thông tự tại; khắp ở nơi tất cả cảnh trí sở tri đều được tự tại. Nếu muốn trụ lâu nơi đời, tùy thích năng trụ tự tại. Nếu muốn bỏ thân, không đợi duyên hại, năng bỏ thân tự tại. Do chư Bồ-tát thành tựu vô lượng tự tại như vậy, nên ở trong chúng hữu tình là thù thắng hơn cả, không gì vượt trên.

Chư Bồ-tát rộng khắp tất cả đều được tự tại như vậy, nên thu được 5 chủng thù thắng lợi ích tối thượng: 1. Đạt được tâm cực tịch tĩnh, đây do

an trụ tịch tĩnh, không phải do phiền não được tịch tĩnh; 2. Năng ở nơi tất cả minh xứ không bị chướng ngại, trí kiến vi diệu thanh tịnh sáng sạch triển chuyển; 3. Vì lợi ích hữu tình, nên lưu chuyển sanh tử không nhầm mỗi; 4. Khéo nhập tất cả nghĩa ngôn mật ý của Như Lai; 5. Thắng giải Đại thừa đã được, không thể bị hoại mất, không bị duyên khác dẫn đoạt.

Năm chủng thù thắng lợi ích như vậy, có năm chủng nghiệp:

1. Bồ-tát thành tựu hiện pháp lạc trú tối thắng, năng diệt vô số mỗi một của thân tâm sanh khởi, do tinh cần gia hạnh đi đến Bồ-đề. Đây gọi là nghiệp thù thắng lợi ích của tâm cực tịch tĩnh.

2. Bồ-tát khắp năng thành thực tất cả Phật pháp. Đây gọi là nghiệp thù thắng lợi ích của trí kiến vi diệu thanh tịnh sáng sạch, không chướng ngại ở các minh xứ.

3. Bồ-tát khắp năng thành thực tất cả hữu tình. Đây gọi là nghiệp thù thắng lợi ích của sự lưu chuyển sanh tử không nhầm mỗi.

4. Bồ-tát năng giáo hóa tất cả hữu tình, tùy theo sự sanh khởi nghi hoặc của họ, năng chánh

khiển trừ. Hộ trì khiến chánh pháp nhãn vi diệu của Như Lai cửu trụ. Khi Thánh giáo của Như Lai bị ẩn mất, vào thời tương tợ chánh pháp, Bồ-tát năng biết, năng hiển, năng chánh trừ diệt. Đây gọi là nghiệp thù thắng lợi ích của việc khéo nhập nghĩa ngôn mật ý của Như Lai.

5. Bồ tát năng bẻ gãy tất cả dị luận của ngoại đạo, tinh tấn bền vững, chánh nguyện không lay động. Đây gọi là nghiệp thù thắng lợi ích của thắng giải Đại thừa không thể bị hoại mất, không bị duyên khác dẫn đoạt. Như vậy tất cả sở hữu việc làm của Bồ-tát đều nhiếp thuộc năm nghiệp thù thắng lợi ích như vậy.

Sao gọi là *tất cả việc làm của Bồ-tát*? Đó là tự mình an lạc mà không tạp nhiễm, khắp năng thành thực tất cả Phật pháp, khắp năng thành thực tất cả hữu tình, hộ trì chánh pháp Như Lai vô thượng, hàng phục các luận khác, tinh tấn dũng mãnh chánh nguyện không lay động.

Tóm lại, phải biết bốn chân thật nghĩa như vậy, nghĩa thứ nhất và nghĩa thứ hai nhỏ bé, nghĩa thứ ba bậc trung, còn nghĩa thứ tư thù thắng hơn cả.

Quyển 37

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỬ

Phẩm 5. UY LỰC

Sao gọi là *uy lực của chư Phật, Bồ-tát*? Lực có ba loại: 1. Uy lực Thánh; 2. Uy lực pháp; 3. Uy lực câu sanh.

Uy lực Thánh: chư Phật, Bồ-tát được định tự tại, vì khéo tu tâm, vì tâm điều nhu, nương định tự tại đây tùy theo sở thích thành tựu mọi việc. Đây gọi là uy lực Thánh.

Uy lực pháp: là các pháp thù thắng có quả rộng lớn, có lợi ích thù thắng lớn. Trong đây, Pháp chính là sáu chủng Ba-la-mật-đa, từ Bồ thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Các pháp như vậy có uy lực lớn. Đây gọi là uy lực pháp.

Uy lực câu sanh: chư Phật, Bồ-tát trước đã chứa nhóm tư lương phước đức rộng lớn, chứng đắc pháp câu sanh hy hữu kỳ lạ. Đây gọi là uy lực câu sanh.

Chư Phật, Bồ-tát có uy lực như vậy, phẩm loại sai biệt lại có năm loại: **1.** Uy lực thần thông; **2.** Uy lực pháp; **3.** Uy lực câu sanh; **4.** Uy lực cùng chung với Thanh văn, Độc giác; **5.** Uy lực không cùng chung với Thanh văn, Độc giác.

1. Uy lực thần thông của chư Phật, Bồ-tát: Có sáu thần thông: **a.** Tác chứng Thần cảnh trí thông; **b.** Tác chứng Tỳ niệm túc trụ trí thông; **c.** Tác chứng Thiên nhĩ trí thông; **d.** Tác chứng Kiến sanh tử trí thông; **e.** Tác chứng Biết tâm sai biệt trí thông; **f.** Tác chứng Lậu tận trí thông. Đây gọi là uy lực thần thông.

a. Sao gọi là Thần cảnh trí thông của chư Phật, Bồ-tát? Lược có hai loại: 1. Thần thông năng biến hiện; 2. Thần thông năng hóa hiện. Hai thần thông như vậy có nhiều phẩm loại sai biệt.

– *Sao gọi là phẩm loại sai biệt của năng biến hiện Thần cảnh trí thông?* Là 18 loại biến hiện: 1. Chấn động; 2. Đốt cháy; 3. Lưu bố; 4. Thị hiện; 5. Chuyển biến; 6. Đến đi; 7. Thâu lại; 8. Mở ra; 9. Nhiều hình tượng nhập vào thân; 10. Nhập vào đồng loại; 11. Hiện; 12. Ẩn; 13. Việc làm tự tại; 14.

Chế ngự thần thông khác; 15. Năng thí biện tài; 16. Năng thí nhớ nghĩ; 17. Năng thí an vui; 18. Phóng đại quang minh. Hết thấy loại như thế đều gọi là năng biến hiện Thần cảnh trí thông.

Chấn động: Chư Phật, Bồ-tát vì tâm điều nhu, vì khéo tu tâm, đắc định tự tại. Nương định tự tại, năng khiến tất cả đều bị chấn động như nhà cửa, chùa chiền, thôn xóm, tụ lạc, thành đô, đất nước, thế giới địa ngục, thế giới bàng sanh, thế giới tổ phụ, thế giới người, thế giới trời, bốn đại châu, một ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, một tam thiên đại thiên thế giới, trăm tam thiên đại thiên thế giới, ngàn tam thiên đại thiên thế giới, trăm ngàn tam thiên đại thiên thế giới, cho đến vô lượng vô số tam thiên đại thiên thế giới... Đây gọi là chấn động.

Đốt cháy: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, từ trên thân phát lửa hùng hực, dưới thân phun nước; từ dưới thân phát lửa, trên thân phun nước. Nhập định hỏa giới, khi cử động thân, khắp thân phần phát ra vô lượng ngọn lửa xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, đỏ tía, màu của bảo phả-chi-ca. Đây gọi là đốt cháy.

Lưu bố: chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, chiếu rọi quang minh trùm khắp tất cả nhà cửa, chùa chiền, đền đài, cho đến vô lượng vô số thế giới, không chỗ nào không trùm khắp, như phần *Chấn động* đã nói trước. Đây gọi là lưu bố.

Thị hiện: chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, như ý thích hiện thân đến trong tất cả chúng hội Sa-môn, Bà-la-môn, Thanh văn, Bồ-tát, Trời, Rồng, Dược-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Yết-lộ-trà, Khẩn-na-la, Ma-hô-lạc-già, Người, Phi nhân... khiến tất cả đều thấy các cõi ác ở dưới, cho đến các cõi trời người ở trên. Lại khiến tất cả đều thấy các quốc độ Phật khác và chư Phật, Bồ-tát ở trong nước ấy, cho đến vượt qua hàng hà sa số các quốc độ Phật... và cũng khiến thấy đều hiện thấy chủng chủng âm thanh của cõi Phật đó và danh hiệu như thế như thế. Cũng vì chúng tuyên thuyết danh hiệu của cõi Phật và danh hiệu của Như Lai ở cõi Phật đó. Từ quốc độ chư Phật và chư Như Lai ở kia cho đến đây, hoặc lại vượt quá kia, tùy theo ý thích, tùy theo ý muốn, đều khiến hiện thấy, cũng vì tuyên thuyết. Đây gọi là thị hiện.

Chuyển biến: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự

tại, hoặc ở nơi đất khởi chuyển thành nước, tức đất kia biến thành nước như thật không khác; chuyển thành lửa, gió cũng lại như vậy. Hoặc ở nơi nước khởi chuyển thành đất, tức nước kia biến thành đất như thật không khác; chuyển thành lửa, gió cũng lại như vậy. Hoặc ở nơi lửa khởi chuyển thành đất, tức lửa kia biến thành đất như thật không khác; chuyển thành nước, gió cũng vậy. Hoặc ở nơi gió khởi chuyển thành đất, tức gió liền thành đất như thật không khác; chuyển thành nước, lửa cũng vậy. Hoặc ở nơi tất cả khởi chuyển thành cái khác, tức tùy theo đó mà biến đổi như thật không khác. Như các đại chủng xoay vần chuyển biến, thì sắc, hương, vị, xúc phải biết cũng vậy. Hoặc từ cỏ lá, phần trâu, bùn đất... khởi chuyển thành thức uống ăn, xe cộ, y phục, trang sức, vật dụng, hương xoa, hoa cài... tức theo chuyển khởi đó mà biến chuyển như thật không khác. Hoặc từ hết thấy vật như cát, ngói, đá khởi chuyển thành ma-ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, hổ phách, tức liền biến đổi như thật không khác. Hoặc ở nơi các núi, núi tuyết... khởi chuyển thành vàng, tức liền biến đổi như thật không khác. Hoặc ở nơi tất cả khởi

chuyển thành vật khác, tức tùy theo đó mà biến đổi như thật không khác. Hoặc ở nơi hữu tình có sắc đẹp khởi chuyển thành sắc xấu; hoặc từ hữu tình sắc xấu khởi chuyển thành sắc đẹp; hoặc hữu tình không xấu không đẹp khởi chuyển thành sắc xấu, sắc đẹp; hoặc ở nơi hữu tình xấu, đẹp khởi chuyển thành không xấu không đẹp, tức tùy theo đó mà biến đổi như thật không khác. Như sắc đẹp, sắc xấu, thì chi phần đầy đủ, chi phần không đầy đủ; béo mập, gầy ốm phải biết cũng vậy.

Như vậy, ở nơi sở hữu tự tướng của những vật khác nhau, khởi chuyển thành sắc vật khác, đều tùy theo đó biến đổi tất cả như thật không khác. Đây gọi là chuyển biến.

Đến đi: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, tùy theo sở thích, ở nơi các núi, vách đá, tường, dùng thân đi qua không bị ngăn ngại. Nói rộng cho đến đi đến cõi trời Phạm thế, cho đến cõi trời Sắc cứu cánh, trở về không ngăn ngại. Hoặc lại nương nơi vô lượng vô số tam thiên đại thiên thế giới, hoặc đến hoặc đi đều không ngăn ngại. Hoặc vận chuyển thân tứ đại thô nặng. Hoặc ở nơi xứ xa khởi chuyển thành xứ gần. Hoặc như ý mà đến đi

nhanh chóng. Đây gọi là đến đi.

Thâu lại, mở ra: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, năng thu nhỏ núi chúa Tuyết sơn thành một cực vi, ngược lại có thể phóng đại một cực vi thành núi Tuyết sơn... Đây gọi là thâu lại, mở ra.

Hết thấy hình tượng nhập vào thân: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, năng đem vô lượng đại chúng hiện tiền, cùng với tất cả sắc tượng như thôn xóm, tụ lạc, cỏ cây, lùm rừng, núi non, đại địa... nhập trong thân mình. Lại khiến tất cả đại chúng, mỗi mỗi đều tự biết đang được nhập ở bên trong thân. Đây gọi là hết thấy hình tượng nhập vào thân.

Nhập vào đồng loại: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, hoặc năng sanh trong chúng Sát-đế-lợi, đồng sắc loại, đồng hình dáng, đồng ngôn âm. Nếu nơi đó, họ dùng tên này nghĩa như thế, thì Bồ-tát cũng dùng tên này nghĩa như thế; nếu họ không dùng tên này nghĩa như thế, thì cũng không dùng tên này nghĩa như thế. Do đây, về sau vì họ diễn nói chánh pháp, thị hiện dạy dẫn, khuyên bỏ, khích lệ, ái mẫn... Việc giáo hóa đã hoàn thành, tự nhiên ẩn mất. Thời gian sau, trong chúng tướng

nhớ, liền thâm nghĩ: “Không biết vị đó là trời hay người?”

Như năng nhập vào chúng Sát-đế-lợi như vậy, thì năng nhập vào chúng Bà-la-môn, hoặc chúng Sa-môn, hoặc chúng Trưởng giả, hoặc chúng Cư sĩ, hoặc trời Tứ thiên vương, hoặc trời Ba mươi ba, hoặc trời Dạ-ma, hoặc trời Đổ-sử-đa, hoặc trời Lạc biến hóa, hoặc trời Tha hóa tự tại, hoặc trời Phạm chúng, hoặc trời Phạm thiên ích, hoặc trời Đại phạm, hoặc trời Thiếu quang, hoặc trời Vô lượng quang, hoặc trời Quang âm, hoặc trời Thiếu tịnh, hoặc trời Vô lượng tịnh, hoặc trời Biến tịnh, hoặc trời Vô vân, hoặc trời Phước sanh, hoặc trời Quảng quả, hoặc trời Vô phiền, hoặc trời Vô nhiệt, hoặc trời Thiện hiện, hoặc trời Thiện kiến, hoặc trời Sắc cứu cánh phải biết cũng vậy. Đây gọi là nhập vào đồng loại.

Ẩn hiển: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, ở trước đại chúng trăm cõi nước, ngàn cõi nước, hoặc vượt quá số đây, tự nhiên ẩn mất thân, lại khiến hiện ra. Đây gọi là ẩn hiển.

Việc làm tự tại: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, khắp ở tất cả cõi hữu tình, ở nơi tất cả hành

động đến đi, dừng ở thấy đều tự tại hành chuyển, khiến đi liền đi, khiến đứng liền đứng, khiến đến liền đến, khiến nói liền nói. Đây gọi là việc làm tự tại.

Chế ngự các thần thông khác: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, năng chế phục sự hiển hiện của các thần thông khác. Thần thông của Như Lai năng chế phục chỗ hiển thần thông của tất cả các loại thần thông, theo sở thích khiến việc thành tựu. Sở hữu thần thông của Bồ-tát cứu cánh chỉ một lần sanh trở lại, hoặc Bồ-tát tối hậu thân đều năng chế phục chỗ hiển thần thông của tất cả người có đầy đủ thần thông khác, trừ thần thông của chư Như Lai, Đẳng loại Bồ-tát. Sở hữu thần thông của các bậc Bồ-tát khác đều năng chế phục chỗ hiển thần thông của tất cả người có đầy đủ thần thông khác, trừ thần thông của Bồ-tát ở địa cao hơn, Đẳng loại Bồ-tát. Đây gọi là chế ngự các thần thông khác.

Năng thí biện tài: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, nếu các hữu tình biện tài cùng tận, năng thí cho biện tài. Đây gọi là năng thí biện tài.

Năng thí nhớ nghĩ: Chư Phật, Bồ-tát nương

định tự tại, nếu các hữu tình quên mất niệm đối với pháp, năng khiến kia nhớ nghĩ. Đây gọi là năng thí nhớ nghĩ.

Năng thí an vui: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, khi thuyết chánh pháp, khiến người lắng nghe thân tâm được nhiều ích an vui, lìa các cái, chuyên tâm nghe pháp. Đây là phương tiện tạm thời, không phải rốt ráo. Lại khiến sự tổn hại do các giới chống trái lẫn nhau, tai hoạn tật dịch do phi nhân gây ra, đều được diệt dứt. Đây gọi là năng thí an vui.

Phóng đại quang minh: Chư Phật, Bồ-tát nương định tự tại, dùng lực thần thông thân phóng quang minh. Hoặc có quang minh rộng khắp mười phương vô lượng vô số các thế giới, khiến tất cả chúng hữu tình trong các đường ác dứt trừ các khổ. Hoặc có quang minh uy đức lớn chiếu đến các cõi trời, khiến Trời, Rồng, Dược-xoa, Kiện-đạt-phước, A-tổ-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Ma-hô-lạc-già... đang ở trong cung của mình, nhờ ân quang minh chiếu đến, đều đến cầu hội. Hoặc có quang minh rộng đến mười phương vô lượng vô số các thế giới, khiến Bồ-tát an trụ ở thế giới phương khác, bắt gặp quang minh

chiếu đến, đều đến câu hội. Nói tóm lại, hết thấy chư Như Lai năng phóng vô lượng vô số phẩm loại chủng chủng quang minh, năng làm vô lượng vô số việc lợi ích cho vô lượng vô số hữu tình ở vô lượng vô số thế giới. Đây gọi là phóng đại quang minh.

Nên biết phẩm loại sai biệt của tất cả năng biến hiện Thần cảnh trí thông như vậy, mỗi mỗi phân biệt có vô lượng vô số. Do thần thông đây, năng chuyển tự tánh vật hiện có khiến thành vật khác. Cho nên gọi là năng biến hiện Thần cảnh trí thông.

– Sao gọi là *phẩm loại sai biệt của năng hóa hiện Thần cảnh trí thông*? Nếu nói lược thì từ không có gì mà chuyển thành có, đây gọi là hóa ra. Năng dùng tâm hóa, tùy theo sở thích tạo ra vô số việc chưa từng có, đây gọi là thần thông Trí năng hóa thần cảnh. Đây lại có nhiều loại: hoặc hóa làm thân, hoặc hóa làm cảnh, hoặc hóa làm lời nói.

Hoặc hóa làm thân: đó là hoặc hóa thân mình, hoặc hóa thân người. Hoặc hóa giống thân mình, hoặc không giống; hoặc hóa giống thân người, hoặc không giống. Lại thân được hóa, hoặc giống, hoặc không giống, hoặc mình, hoặc người, chỉ có thể

hóa ra các căn tương tự, chỗ sở y của căn, mà chẳng phải căn thật.

Lại thân được hóa đồng loại với mình, chẳng phải một mà có chủng chủng loại sai khác. Hoặc hóa giống sắc tướng Trời, Rồng, Dược-xoa, Kiện-đạt-phước, A-tổ-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Ma-hô-lạc-già. Hoặc hóa làm hình dáng giống người, bàng sanh, quỷ, địa ngục. Hoặc hóa làm hình dáng giống Như Lai, Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn. Nếu thân được hóa rất giống thân của Bồ-tát, gọi là hóa thân và mình giống nhau. Nếu thân được hóa không giống như vậy, gọi là hóa thân không giống mình.

Hoặc thân được hóa cùng đồng loại với người khác cũng có nhiều chủng. Nếu hóa thân trời, giống thân trời kia, gọi là thân được hóa giống với kẻ khác. Nếu không như thế, gọi là thân được hóa không giống người khác. Như hóa làm thân trời, cho đến hóa làm thân Phật phải biết cũng vậy.

Hóa làm nhiều thân thế nào? Chư Phật, Bồ-tát ở mười phương vô lượng vô số thế giới, một lúc hóa làm chủng chủng hình loại, năng làm lợi ích vô lượng vô số hữu tình. Việc hóa chủng chủng hình loại như vậy, hoặc chư Phật, Bồ-tát tuy đã

diệt độ, nhưng do lực trụ trì mà được tùy chuyển. Hoặc có hóa thân đã làm xong việc lợi ích, thì việc hóa hiện liền dứt.

Hoặc hóa làm cảnh: năng hóa ra giống như cảnh giới, đó là các vật thực, các loại báu ma-ni, trân châu... các vật dụng nuôi thân bên ngoài nhiếp thuộc sở hữu sắc, hương, vị, xúc. Hoặc giống như vật kia, hoặc khác với vật kia, tùy theo sở thích tất cả đều có thể hóa ra.

Lại chư Phật, Bồ-tát hoặc làm việc hóa hiện chỉ khiến chúng sanh xem thấy rồi biến mất, như việc làm huyễn, không thể thọ dụng. Hoặc lại hóa làm các thứ uống ăn, y phục, các thứ báu vật như ma-ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, các phương tiện đi lại, xe cộ... như vật thật không khác. Tài bảo, ăn uống, vật dụng được hóa hiện như vậy, khiến các chúng sanh được thọ dụng. Đây gọi là hóa làm thân và hóa làm cảnh giới.

Hoặc hóa làm lời nói: hoặc hóa lời diệu âm tương ứng, hoặc hóa lời có âm thanh rộng lớn đầy đủ, hoặc hóa lời hệ thuộc mình, hoặc hóa lời hệ thuộc người, hoặc hóa lời không hệ thuộc đâu, hoặc hóa lời nhiếp vào ngôn từ tuyên nói chánh pháp,

hoặc hóa lời nhiếp vào ngôn từ răn dạy quả trách phóng dật.

Diệu âm tương ưng: hóa lời của chư Phật, Bồ-tát, âm thanh sâu xa như tiếng sấm vang dội trong mây, âm thanh hòa nhã như tiếng chim Ca-lăng-tần-già, năng cảm hóa tâm chúng sanh sanh vui thích sâu. Lại lời được hóa đây rất viên mãn vi diệu, rõ ràng dễ hiểu, nghe vui không trái, không dính mắc, không cùng tận.

Âm thanh rộng lớn đầy đủ: hóa lời của chư Phật, Bồ-tát, âm thanh rộng xa, tùy theo sở thích của vô lượng loài như Trời, Rồng, Dược-xoa, Kiện-đạt-phước, A-tổ-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Ma-hô-lạc-già, Thanh văn, Bồ-tát, Người, Phi nhân... vô lượng chúng hội, trong khoảng một do-tuần thấy đều sung mãn. Lại dùng diệu âm viên mãn tùy mỗi loài mà dạy bảo khắp. Lại tùy ý muốn trong một tiểu thiên thế giới, nhị thiên thế giới, tam thiên đại thiên thế giới, cho đến mười phương vô lượng vô số các thế giới, hoặc gần hoặc xa, có các chúng hội trong ấy, dùng âm vi diệu tùy loài mà dạy bảo khắp. Ở nơi âm thanh ấy phát ra chủng chủng các loại âm thanh, vì các chúng sanh mà thuyết chủng

chủng pháp, tùy theo chỗ thích hợp mỗi mỗi đều được nghĩa lợi ích.

Hệ thuộc mình: là hóa lời tuyên thuyết của chư Phật, Bồ-tát ở nơi thân mình hóa hiện, phát ra chủng chủng âm thanh tuyên thuyết chánh pháp, răn trách phóng dật.

Hệ thuộc người: là hóa lời tuyên thuyết của chư Phật, Bồ-tát ở nơi thân người khác hóa hiện, tuyên thuyết chánh pháp, răn trách phóng dật.

Không hệ thuộc đâu: là hóa lời tuyên thuyết của chư Phật, Bồ-tát hoặc ở trong không trung, hoặc ở nơi pháp hóa hiện không thuộc hữu tình mà tuyên thuyết.

Nhiếp vào ngôn từ tuyên thuyết chánh pháp: là hóa lời tuyên thuyết của chư Phật, Bồ-tát khai thị chánh lý, khiến các chúng sanh ngu si đều được hiểu rõ ở nơi chủng chủng pháp.

Nhiếp vào ngôn từ răn trách phóng dật: là hóa lời tuyên thuyết của chư Phật, Bồ-tát vì người không ngu si đã được tâm tịnh tín nhưng lại phóng dật. Dùng hóa lời răn trách kẻ phóng dật kia, khiến sanh tâm tầm quý, dạy bảo không phóng dật, khiến siêng năng tu học.

Như vậy có nhiều loại hóa hiện được nói đến, nhưng lược có ba loại: hóa thân, hóa cảnh và hóa lời. Nên biết phẩm loại sai biệt của tất cả năng hóa hiện Thần cảnh trí thông như vậy, mỗi mỗi phân biệt có vô lượng vô số.

Như vậy hai loại Thần cảnh trí thông của chư Phật, Bồ-tát năng hiển hai việc: 1. Thị hiện chủng chủng thần thông dẫn các chúng sanh nhập vào Thánh giáo chư Phật; 2. Thị hiện chủng chủng thần thông huệ thí rất nhiều phẩm loại lợi ích an lạc cho chúng sanh đang thọ vô lượng khổ.

b. Sao gọi là Tỳ niệm túc trụ trí thông của chư Phật, Bồ-tát? Chư Phật, Bồ-tát dùng trí túc trụ năng tùy nhớ đời sống trước của mình, đó là từng ở trong loài hữu tình như thế, có tên như thế, như kinh rộng nói. Cũng năng tùy nhớ phẩm loại thân... sai khác của tất cả hữu tình, như việc tự nhớ thân mình không khác.

Lại năng khiến người được trí túc trụ, năng tự nhớ quá khứ đã trải qua. Người đó tùy nhớ tất cả phẩm loại sai khác, hoặc thân mình, hoặc thân người đã từng trong loài hữu tình như thế, có tên như thế, cho đến nói rộng. Hữu tình như vậy lại

triển chuyển khiến người khác được trí tức trụ, năng tự nhớ tất cả đời sống trước rõ ràng như ở trước không khác. Triển chuyển như vậy, khiến nhớ đời sống trước kia, đều như tự mình đã nhớ. Ở trong hiện pháp, lại năng tùy nhớ hoặc ít hoặc nhiều các việc rất chi tiết, các việc làm, các suy nghĩ trước kia, tất cả đều không bị quên mất.

Lại năng tùy nhớ từng sát-na không gián đoạn, vì thứ tự việc làm không gián đoạn. Lại năng tùy nhớ có số có lượng các đời trước sai khác, vì chỗ biết thời kiếp có thể tính đếm. Lại năng tùy nhớ vô lượng vô số đời trước sai khác, vì chỗ biết thời kiếp chẳng thể tính đếm.

Như vậy trí tức trụ đây, ở nơi chốn như vậy, ở loài như vậy, ở lượng như vậy, tùy theo sở thích đều triển chuyển không bị ngăn ngại. Như vậy gọi là uy lực nhiếp thuộc tùy niệm tức trụ của chư Phật, Bồ-tát.

Lại do trí tùy niệm tức trụ, nên nhớ được bốn sanh, vì các hữu tình khai thị chủng chủng phẩm loại sở hành khổ hạnh khó hành hy hữu bậc nhất mà chư Bồ-tát đã làm trong các đời trước, khiến các hữu tình phát sanh tâm tịnh tín, khởi tâm

cung kính đối với Phật, sanh khởi chán lìa sâu đối với sanh tử.

Lại do trí tùy niệm túc trụ, nên nhớ được bốn sự, vì các chúng sanh khai thị chủng chủng nghiệp quả dị thực tương ứng ở đời trước; phá trừ kiến chấp thường của luận vọng chấp tiền tế là thường, luận một phần thường, luận kiến sanh tử là thường.

c. Sao gọi là Thiên nhĩ trí thông của chư Phật, Bồ-tát? Chư Phật, Bồ-tát dùng thiên nhĩ thanh tịnh, năng ở nơi chủng chủng âm thanh như âm thanh trời, âm thanh người, âm thanh thánh, âm thanh phi thánh, âm thanh lớn, âm thanh nhỏ, âm thanh biện, âm thanh không biện, âm thanh hóa hiện, âm thanh không hóa hiện, âm thanh xa, âm thanh gần, thảy đều nghe được.

Nghe âm thanh trời: Nếu không tác ý, chủng chủng âm thanh phát sanh từ các loài hữu tình thọ sanh nơi ấy, dưới từ Dục giới, trên đến cung trời Sắc cứu cánh, đều năng nghe được. Nếu lúc tác ý, âm thanh của các thế giới từ cung trời Sắc cứu cánh trở lên đều năng nghe được.

Nghe âm thanh người: chủng chủng âm thanh phát ra từ các loài hữu tình thọ sanh khắp tất cả

bốn đại châu, thấy đều nghe được.

Nghe âm thanh thánh: các âm thanh của chư Như Lai, Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn vì các loại hữu tình khác nhau mà triển chuyển tuyên thuyết chủng chủng pháp, thị hiện dạy dẫn, khuyên bảo khích lệ siêng tu các thiện pháp, xa lìa ác pháp, thấy đều nghe được. Lại ở nơi chủng chủng âm thanh xuất phát từ tâm không nhiễm ô, thọ trì, đọc tụng, luận nghị, quyết trạch, răn bảo không điên đảo, khiến nhớ nghĩ, dạy trao dạy răn và sở hữu thiện ngôn thiện thuyết khác năng dẫn phát nghĩa lợi, thấy đều năng nghe được. Hết thấy loại như vậy gọi là nghe âm thanh thánh.

Nghe âm thanh phi thánh: chủng chủng âm thanh xuất phát từ các hữu tình, âm thanh hư vọng, gây ly tán, tà vạy, thù dật, chia lìa, tà ác, thô xấu, sanh xuống đường ác, sanh lên cõi trời, sanh trong đường bàng sanh, cõi người, thấy đều nghe được.

Nghe âm thanh lớn: chủng chủng âm thanh xuất phát từ đám đông, âm thanh của những sự hội họp, âm thanh kêu gào khóc lóc của vô số loại khổ bức bách, âm thanh của kêu gọi nhau, âm thanh

của sấm sét vang rền, âm thanh của các loại kèn loa, âm thanh của trống, tù và... thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh nhỏ: chủng chủng âm thanh rất nhỏ, cho đến âm thanh thì thầm, thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh biện: chủng chủng âm thanh xuất phát từ nghĩa dễ hiểu, thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh không biện: chủng chủng âm thanh xuất phát từ nghĩa khó hiểu, như âm thanh của chủng chủng minh chú Đạt-la-nhị-trà, âm thanh của các loại chuông gió, âm thanh của gió khua cây, âm thanh của các loài chim anh vũ, bồ câu, hoàng oanh, mạng mạng... thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh hóa hiện: chủng chủng âm thanh do hành giả tâm tự tại, có đầy đủ thần thông, dùng lực thần thông hóa ra, thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh không hóa hiện: chủng chủng âm thanh khác với âm thanh hóa ra, thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh xa: trừ sở hữu âm thanh phát

ra trong thôn xóm, tụ lạc mà chư Phật, Bồ-tát cư trú, còn lại âm thanh ở vô lượng vô số thế giới khác, thấy đều năng nghe được.

Nghe âm thanh gần: nghe được những âm thanh khác, trừ âm thanh đã nghe ở trên.

d. Sao gọi là Kiến sanh tử trí thông của chư Phật, Bồ-tát? Chư Phật, Bồ-tát dùng thiên nhãn thanh tịnh vượt qua nhục nhãn của loài người, thấy các hữu tình lúc chết, lúc sống, sắc đẹp, sắc xấu, hoặc kém, hoặc tốt. Thời gian sau, sự sống tăng trưởng, các căn thành thực, thân hành chuyển theo các việc hoặc thiện, hoặc ác, hoặc vô ký sai biệt.

Lại hiện thấy biết các sắc quang minh, các sắc vi tế, các sắc biến hóa, các sắc tịnh diệu, dưới từ địa ngục Vô gián, trên đến cung trời Sắc cứu cánh, không do tác ý đều năng thấy biết. Nếu khi tác ý, năng thấy trên dưới vô lượng vô số sắc của các thế giới khác. Cũng năng thấy được vô lượng vô số tất cả các sắc của thế giới hai bên. Cho đến năng thấy cõi Phật kia kia, Như Lai kia kia đang an tọa trong pháp hội kia kia, tuyên thuyết chánh pháp, hiển hiện thứ tự như vậy không tạp loạn.

Lại chư Phật, Bồ-tát dùng thiên nhãn thanh

tịnh thấy khắp mười phương vô lượng vô số các hữu tình, thân gây tạo nghiệp hoặc tịnh, hoặc bất tịnh. Đã thấy kia rồi, tùy theo chỗ thích hợp, tùy theo căn loại mà thí làm vô số lợi ích an lạc. Lại dùng thiên nhĩ thanh tịnh nghe khắp mười phương vô lượng vô số các loại hữu tình do ngũ gây tạo nghiệp hoặc tịnh, hoặc bất tịnh. Đã nghe thấy rồi, tùy chỗ thích hợp, tùy theo căn loại mà thí làm vô số lợi ích an lạc. Đây gọi là lược nói việc sở tác bằng thiên nhĩ, thiên nhĩ của chư Phật, Bồ-tát.

e. *Sao gọi là Biết tâm sai biệt trí thông của chư Phật, Bồ-tát?* Chư Phật, Bồ-tát dùng tha tâm trí biết khắp các loại hữu tình khác trong mười phương vô lượng vô số thế giới, hoặc tâm có phiền não triền, hoặc tâm là phiền não triền, hoặc tâm có phiền não tùy phược, tùy miên, hoặc tâm là phiền não tùy phược, tùy miên.

Lại cũng rõ biết khắp tâm có nhiễm, tâm tà nguyện, đó là tâm của ngoại đạo và các tâm của người có ái nhiễm. Lại cũng rõ biết khắp tâm không nhiễm, tâm chánh nguyện, đó là những tâm trái với tâm trên.

Lại cũng khắp rõ biết tâm thấp kém, đó là

tâm của các loài chúng sanh sanh ở Dục giới, dưới cho đến tất cả tâm của loài cầm thú. Lại cũng khắp rõ biết tâm bậc trung, đó là sở hữu tâm của các loài hữu tình ở Sắc giới. Lại khắp rõ biết tâm thù thắng, đó là sở hữu tâm của các loài hữu tình sanh ở Vô sắc giới.

Lại rõ biết khắp tâm tương ưng lạc, tâm tương ưng khổ, tâm tương ưng không khổ không lạc.

Lại năng dùng một trí tha tâm, ở nơi một hữu tình có sở hữu như vậy, thể tánh như vậy, phẩm loại như vậy, hành tướng như vậy, ngang đó như vậy, tâm khởi hiện tiền như vậy, ở trong một niệm như vậy đều khắp biết như thật.

Lại năng dùng một trí tha tâm, ở nơi nhiều hữu tình có sở hữu như vậy, thể tánh như vậy, phẩm loại như vậy, hành tướng như vậy, ngang đó như vậy, tâm khởi hiện tiền như vậy, ở trong một niệm như vậy đều khắp biết như thật.

Lại chư Phật, Bồ-tát có tha tâm thông đây, biết căn thù thắng yếu kém của các hữu tình, biết chủng chủng thắng giải, chủng chủng giới hạnh của các hữu tình, tùy chỗ thích hợp năng chánh an đặt họ nơi chủng chủng chánh hạnh, hướng đến

cung Niết-bàn. Đây gọi là việc sở tác bằng trí tha tâm của chư Phật, Bồ-tát.

f. *Sao gọi là Lưu tận trí thông của chư Phật, Bồ-tát?* Chư Phật, Bồ-tát rõ biết như thật phiền não tận; rõ biết như thật hoặc mình, hoặc người, đã đắc, chưa đắc lậu tận; rõ biết như thật hoặc mình, hoặc người, phương tiện năng đắc lậu tận. Như năng rõ biết như thật phương tiện, thì đối với chẳng phải phương tiện cũng như thật biết. Rõ biết như thật người đã đắc lậu tận mà có tăng thượng mạn. Rõ biết người đã đắc lậu tận lia tăng thượng mạn.

Lại chư Phật, Bồ-tát tuy năng rõ biết như thật phương tiện năng chứng tất cả công đức của lậu tận, mà không tác chứng. Cho nên Bồ-tát ở nơi việc hữu lậu, cùng với các lậu mà không nhanh chóng xả ly. Tuy hành trong chủng chủng việc hữu lậu mà không bị nhiễm ô. Uy lực như vậy, trong các uy lực, thật là thù thắng.

Lại chư Phật, Bồ-tát do trí lậu tận, tự không nhiễm ô, cũng khéo vì người phân biệt giảng thuyết rộng, diệt trừ tăng thượng mạn. Đây là việc sở tác bằng trí lậu tận của chư Phật, Bồ-tát.

2. Uy lực pháp: Từ uy lực của Bố thí cho đến uy lực của Bát-nhã, uy lực của mỗi loại pháp như vậy lược có bốn tướng: 1. Tướng đoạn trừ sở đối trị; 2. Tướng tư lương thành thực; 3. Tướng nhiều ích mình người; 4. Tướng cho quả ở đời đương lai.

Bốn tướng của *Bố thí*: 1. Chư Bồ-tát tu hành huệ thí, năng đoạn trừ sở đối trị của thí là keo kiệt; 2. Huệ thí đây năng huân tập tư lương Bồ-đề cho chính mình, cũng tức tạo làm bố thí, nhiếp sự thành thực hữu tình; 3. Trước khi thí, ý vui; đang lúc thí, tâm thanh tịnh; sau khi thí, không hối tiếc. Ở trong ba thời tâm thường hoan hỷ, là tự nhiều ích mình; cũng năng trừ các khổ đói khát, nóng lạnh, bệnh tật, năng trừ các khổ do sợ hãi, mong muốn cầu mà bị thiếu thốn để làm nhiều ích người; 4. Đời vị lai, sanh ở xứ nào cũng thường được giàu sang sung túc, được nhiều tài bảo, tước vị to lớn, bạn bè giúp đỡ, quyến thuộc danh tiếng. Đây gọi là bốn tướng uy lực của bố thí. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm tướng nào khác.

Bốn tướng của *Trì giới*: 1. Chư Bồ-tát thọ trì luật nghi thân ngữ thanh tịnh, năng đoạn trừ sở

đối trị của giới là phạm giới; 2. Trì giới thanh tịnh đây năng là tư lương Bồ-đề cho chính mình, cũng năng làm việc đồng sự, nhiếp sự thành thực hữu tình; 3. Thọ trì tịnh giới nên xả bỏ xa lìa các việc sợ hãi, oán địch... do phạm giới làm duyên sanh khởi, khi thức ngủ đều an vui, là tự nhiều ích mình. Lại do thọ trì tịnh giới nên không hối hận, cho đến tâm định, cũng là tự nhiều ích mình. Do thọ trì tịnh giới, nên không nào hại người, phổ thí sự vô úy khắp tất cả hữu tình, là sự nhiều ích người; 4. Do nhân duyên đây, thân hoại về sau sanh ở cõi thiện, trong thế giới chư thiên. Đây gọi là bốn tướng uy lực của trì giới. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm tướng nào khác.

Bốn tướng của *An nhẫn*: 1. Chư Bồ-tát tu hạnh an nhẫn năng đoạn trừ sở đối trị của nhẫn là không nhẫn; 2. An nhẫn đây năng làm tư lương Bồ-đề cho chính mình, cũng tức năng hành đồng sự, nhiếp sự thành thực hữu tình; 3. Do an nhẫn đây năng nhổ bật sự hãi sợ lớn của mình, người, khiến nhiều ích mình, người; 4. Do nhân duyên đây, đời vị lai, năng khiến Bồ-tát không nhiều oán địch, không nhiều chia rẽ, không nhiều ưu khổ.

Đời hiện tại, lúc thân hoại mạng chung, tâm không buồn lo hối tiếc. Thân hoại về sau sanh ở cõi thiện, trong thế giới chư thiên. Đây gọi là bốn tướng uy lực của an nhẫn. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm tướng nào khác.

Bốn tướng của *Tinh tấn*: 1. Chư Bồ-tát an trụ siêng năng tinh tấn, năng đoạn trừ sở đối trị của tinh tấn là giải đãi; 2. Tinh tấn đây năng làm tư lương Bồ-đề và làm chỗ nương tựa cho chính mình, cũng năng hành đồng sự, nhiếp sự thành thực hữu tình; 3. Vì siêng năng tinh tấn, nên trụ nơi an lạc, không bị sự tạp loạn của tất cả pháp ác bất thiện. Về sau sự chứng đắc hiện tiền càng chuyển thêm thù thắng, khiến tâm phát sanh hoan hỷ bội phần, là tự nhiều ích mình. Siêng tu phẩm thiện, không dùng thân ngữ tổn não người, khiến người phát sanh vui muốn tinh tấn, là nhiều ích người; 4. Do lực của nhân đây, đời vị lai vui thích sự nghiệp khéo léo thù thắng của bậc trượng phu. Đây gọi là bốn tướng uy lực của tinh tấn. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm tướng nào khác.

Bốn tướng của *Tĩnh lự*: 1. Lúc chư Bồ-tát nhập tĩnh lự, năng đoạn trừ sở đối trị của tĩnh lự là các

phiền não, ngôn ngữ, tâm tứ, sắc tướng, hỷ lạc... và tùy phiền não; 2. Tĩnh lự đây năng làm chỗ nương và năng làm tư lương Bồ-đề cho chính mình, cũng năng hành đồng sự, nhiếp sự thành thực hữu tình; 3. Hiện pháp lạc trú là tự nhiều ích mình. Nơi tâm tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh, xa lìa tham ái, không làm tổn hại, không làm ưu não đối với hữu tình, là nhiều ích người; 4. Do nhân duyên đây, đắc trí thanh tịnh, năng hiển phát thần thông. Đời vị lai, thác sanh cõi Tịnh thiên, đắc quả tĩnh lự. Đây gọi là bốn tướng uy lực của tĩnh lự. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm tướng nào khác.

Bốn tướng của *Bát-nhã*: 1. Chư Bồ-tát đầy đủ diệu tuệ, năng đoạn sở đối trị của tuệ là vô minh; 2. Bát-nhã đây năng làm tư lương Bồ-đề cho chính mình và năng lấy việc bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự thành thực hữu tình; 3. Ở nơi sự sở tri, hiểu biết đúng như nghĩa, năng dẫn hoan hỷ thanh tịnh rộng lớn, là tự nhiều ích mình; cũng rộng vì hữu tình thuyết pháp đúng lý, khiến họ thu được lợi ích an lạc hiện đời và đương lai, là nhiều ích người; 4. Do nhân duyên đây nhiếp các thiện căn, năng làm những việc chân chánh. Đời vị lai, năng

chúng đắc xa lìa trói buộc của hai chướng là phiền não chướng và sở tri chướng. Đây gọi là bốn tướng uy lực của Bát-nhã. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm tướng nào khác.

Tất cả như vậy gọi là uy lực pháp.

3. Uy lực câu sanh của chư Phật, Bồ-tát:

Tánh năng nhớ lại các việc bốn sanh. Vì muốn lợi ích tất cả hữu tình, nên không do tư duy chọn lựa, ở nơi chủng chủng thống khổ mãnh liệt trường thời không gián đoạn, thấy đều năng kham nhẫn. Vì muốn lợi ích tất cả hữu tình, nên hoan hỷ thọ nhận sự khổ. Vì muốn lợi ích tất cả hữu tình, nên sanh cõi trời Đổ-sử-đa thứ tư, an trụ hết thọ mạng ở đây. Có ba việc thù thắng mà chúng chư thiên thọ sanh nơi đó có được: 1. Thọ lượng trời; 2. Hình sắc trời; 3. Danh xưng trời.

Khi sắp hạ sanh nhập vào thai mẹ, phóng đại quang minh chiếu khắp thế giới. Lúc vào thai mẹ, các giai đoạn nhập, trụ, xuất thai đều chánh rõ biết. Khi xuất thai rồi, liền ở trên mặt đất không đợi dắt dìu, tự đi bảy bước trên đất, tự xưng đức hiệu. Lúc sơ sanh có oai đức lớn, Trời, Rồng, Dược-

xoa, Kiện-đạt-phước, A-tố-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Ma-hô-lạc-già... đem diệu hoa thơm cõi trời rải khắp nơi, nhạc trời tự nhiên trỗi dậy, dùng đủ các thứ thặng diệu, y phục thượng diệu, tràng phan, bảo cái cúng dường. Lại lấy ba mươi hai tướng trượng phu không gì vượt hơn để tự trang nghiêm thân, trụ thân tối hậu. Trong thân tối hậu sanh đây, tất cả oán địch, ma quân, tai hoạnh, không thể xâm hại. Ngồi tòa Bồ-đề, dùng lực Từ định hàng phục chúng ma. Mỗi mỗi chi tiết đều đầy đủ sức mạnh Na-la-diên. Lúc còn hài nhi, không cần học tập mà tự nhiên giỏi khéo. Đối với các công kỹ nghệ, y học của thế gian, nhanh chóng lãnh hội. Không thầy dạy, tự nhiên một mình, ở Tam thiên đại thiên thế giới chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Chủ cõi Sách-ha là Đại phạm thiên vương tự đến quy phục, ân cần khuyến thỉnh hãy vì xót thương thế gian mà tuyên thuyết chánh pháp. Ở trong định tịch tĩnh, giả sử mây mưa sấm chớp vùn vũ, chưa từng nhận biết, an nhiên không động. Lúc làm Bồ-tát, tất cả cầm thú, các loài nhuyển động... thấy đều tín ngưỡng, thường đến quy thú, tùy thích gần gũi chung ở. Lúc đã thành Phật, dưới

cho đến loài bàng sanh cũng đến cúng dường. Như di hâu kia thanh tịnh dâng cúng mật ong, Thế Tôn xót thương thọ nhận, di hâu vui mừng nhảy nhót. Còn rồng thường theo hầu, làm mây mưa tẩy rửa. Nếu lúc du hành, dừng nghỉ mà không lưu lại. Bồ-tát như vậy, lúc tĩnh tọa dưới cây, tất cả nhánh cây đều tỏa bóng che thân, từng không có chỗ trống. Lúc chứng Bồ-đề rồi, trong sáu năm ma thường tìm cơ hội quấy phá, rốt chẳng thể được. Thường hằng câu hành niệm, mỗi mỗi hiện tiền. Do niệm đây, nên thọ, tưởng, tầm tư, sanh, trụ, diệt... không gì chẳng rõ biết.

Lại, chư Phật thành tựu uy lực câu sanh hoặc nhiếp vào được thấy liền nhiều ích; hoặc nhiếp vào hành, trụ của Thánh hiền.

– Uy lực câu sanh nhiếp vào được thấy liền nhiều ích: các chúng sanh ở thế gian tâm loạn điên cuồng, nếu thấy Như Lai tức hoàn lại được bản tâm, kẻ thai nghịch được thuận, kẻ mù được thấy, kẻ điếc được nghe, kẻ ôm lòng tham dục được lìa tham triền, kẻ ôm lòng sân khuể được lìa sân triền, kẻ ôm lòng ngu si được lìa si triền. Hết thấy loại như vậy, nên biết gọi là uy lực câu sanh nhiếp

thuộc do thấy nên được nhiều ích.

– Uy lực câu sanh nhiếp vào hành, trụ của Thánh hiền: chư Phật, Bồ-tát thường nằm nghiêng hông bên phải như sư tử chúa. Tuy hiện nằm trên cỏ lá, thân vẫn nằm nghiêng hông bên phải, chưa từng diêu động. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tuy hiện ngủ nghỉ mà chỉ nằm nghiêng hông phải, không chuyển sang hướng khác, tuy gió lớn thổi mà y trên thân chẳng động. Dáng đi như sư tử, bước đi như trâu chúa, trước cất chân phải, sau mới di chuyển chân trái. Đất tùy chuyển theo, chỗ cao liền hạ thấp, chỗ thấp liền thành cao, bằng phẳng như bàn tay, không có các thứ đá, ngói, gạch... Tâm chuyên nhất niệm viên ly khi đi vào tụ lạc. Cửa tùy chuyển theo, như cửa vào đang nhỏ hẹp tự nhiên chuyển thành cao rộng. Lúc ăn vật thực, hạt cơm đều nhuyễn. Hết thấy loại như vậy, gọi là uy lực câu sanh nhiếp vào hành, trụ của Thánh hiền. Lúc Bát-niết-bàn, đại địa chấn động, các vì sao sáng rực di chuyển đụng nhau rơi rụng, cùng một lúc các phương bỗng nhiên sáng rực biến khắp hư không, nhạc trời tấu lên réo rắt. Vô lượng việc hy hữu như vậy đều là uy lực câu sanh của Như

Lai, chẳng phải do uy lực thần thông hiển hiện. Như vậy gọi là uy lực câu sanh của chư Phật, Bồ-tát.

4 và 5. Uy lực của chư Phật, Bồ-tát cùng chung, không cùng chung với Thanh văn, Độc giác: Lược có ba tướng nên biết *không cùng chung*: 1. Vì vi tế; 2. Vì phẩm loại; 3. Vì cõi giới.

Chư Phật, Bồ-tát ở nơi vô lượng vô số các loài hữu tình và vô lượng vô số phương tiện uy lực, đối với các việc lợi ích nên làm đều như thật biết, không việc gì không thể làm. Đây gọi là *vi tế*. Tất cả phẩm loại uy lực thần thông, uy lực pháp, uy lực câu sanh thấy đều thành tựu. Đây là *phẩm loại*. Dùng tất cả thế giới, tất cả cõi giới hữu tình làm cảnh uy lực. Đây là *cõi giới*.

Thanh văn chỉ dùng Nhị thiên thế giới và cõi giới hữu tình làm cảnh thần thông. Độc giác chỉ dùng Tam thiên thế giới làm cảnh thần thông. Vì cớ sao? Do kia chỉ vì điều phục một thân mà tu chánh hạnh, chẳng phải vì hữu tình. Cho nên cao nhất chỉ dùng một cõi giới để làm cảnh thần thông. Trừ những điều ở trên, uy lực còn lại của chư Phật, Bồ-tát, nên biết tướng thô cùng chung với các Thanh

văn, Độc giác. Như vậy, uy lực của Thanh văn, Độc giác vẫn còn không sánh kịp với uy lực của chư Phật, Bồ-tát, huống là tất cả trời, người, dị sanh và ngoại đạo khác.

Chư Phật, Bồ-tát lược có ba loại uy lực thần biến: 1. Uy lực nhiếp thuộc thần cảnh thần biến; 2. Uy lực nhiếp thuộc ký thuyết thần biến; 3. Uy lực nhiếp thuộc giáo giới thần biến. Ba thần biến đây tùy theo chỗ thích hợp nhiếp vào ba loại uy lực thần thông, đó là uy lực Thần cảnh trí thông, uy lực Tâm sai biệt trí thông và uy lực Lưu tận trí thông.

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 6. THÀNH THỰC

Sao gọi là *thành thực*? Lược có sáu loại thành thực: 1. Tự tánh thành thực; 2. Bồ-đặc-già-la được thành thực; 3. Sai biệt thành thực; 4. Phương tiện thành thực; 5. Bồ-đặc-già-la năng thành thực; 6. Tướng bồ-đặc-già-la đã thành thực.

1. Tự tánh thành thực: Do có chủng tử thiện pháp và luôn luôn tu tập các thiện pháp, đạt được khả năng đoạn trừ, thanh tịnh hai chướng, nên thân tâm tăng thượng, có tánh kham nhiệm. Tánh rất điều nhu thiện lành, chánh gia hạnh viên mãn. An trụ nơi đây, dù được gặp bậc Đại sư hoặc không gặp bậc Đại sư, đều có thế lực lớn, có khả năng kham nhiệm không gián đoạn năng chứng được đoạn dứt phiền não chướng và sở tri chướng.

Thí như ung nhọt cương cứng đến giai đoạn chín muồi có thể phá vỡ được, gọi là thực. Lại như vật dụng bằng đất nung, được nung chín đến mức cuối cùng, gọi là thực. Lại như các quả chín không gián đoạn, đến khi thật chín, rồi chín muồi có thể ăn được, gọi là thực. Như vậy, do có chủng tử thiện pháp và do luôn tu tập các thiện pháp, nên đạt được khả năng đoạn trừ, nói rộng cho đến chánh gia hạnh viên mãn, từ đây không gián đoạn, năng chứng đắc thanh tịnh hai chướng, gọi là thành thực. Như vậy gọi là tự tánh thành thực.

2. Bồ-đặc-già-la được thành thực: Lược có bốn loại: 1. Bồ-đặc-già-la trụ chủng tánh Thanh

văn, có thể thành thực ở nơi Thanh văn thừa; 2. Bồ-đặc-già-la trụ chung tánh Độc giác, có thể thành thực ở nơi Độc giác thừa; 3. Bồ-đặc-già-la trụ chung tánh Phật, có thể thành thực ở nơi Vô thượng thừa; 4. Bồ-đặc-già-la trụ không chung tánh, có thể thành thực ở nơi đường thiện. Chư Phật, Bồ-tát đối với bốn sự đây, cần phải thành thực bốn loại bồ-đặc-già-la như thế. Đây gọi là bồ-đặc-già-la được thành thực.

3. Sai biệt thành thực: Lược có sáu loại: 1. Thành thực các căn; 2. Thành thực thiện căn; 3. Thành thực trí tuệ; 4. Thành thực phẩm hạ; 5. Thành thực phẩm trung; 6. Thành thực phẩm thượng.

Thành thực các căn: là đầy đủ thọ lượng, đầy đủ hình sắc, đầy đủ dòng tộc, đầy đủ tự tại, đầy đủ tín ngôn, đầy đủ đại thế, đầy đủ tánh người, đầy đủ đại lực. Vì nương quả dị thực đầy đủ của thân đây làm chỗ nương tựa, nên có khả năng kham nhiệm, phát khởi tinh tấn dũng mãnh tu tập các thiện pháp. Ở nơi việc tu học tất cả minh xứ, tâm không nhàm mỏi.

Thành thực thiện căn: là tánh mỏng trần cấu làm chỗ nương tựa, tâm không vui thích nhập vào tánh các pháp ác bất thiện. Các cái chuyển nhẹ, tầm tư mỏng dần, chánh trực nhu hòa, tùy thuận theo đó mà thọ trì.

Thành thực trí tuệ: là đầy đủ chánh niệm, tánh thông minh nhạy bén, có khả năng kham nhiệm, có đại thế lực, năng hiểu nghĩa pháp thiện thuyết, ác thuyết, năng thọ, năng trì, năng chánh thông đạt. Thành thực đầy đủ diệu tuệ câu sanh, do nương diệu tuệ đây nên có khả năng kham nhiệm, có đại thế lực, năng khiến tâm rớt ráo giải thoát khỏi tất cả phiền não. Phải biết trong đây, vì thành thực các căn, nên giải thoát khỏi dị thực chướng; vì thành thực thiện căn, nên giải thoát khỏi nghiệp chướng; vì thành thực trí tuệ, nên giải thoát khỏi phiền não chướng.

Thành thực phẩm hạ: có hai nhân duyên khiến thành thực phẩm hạ: 1. Chưa tu tập các căn, thiện căn, trí tuệ lâu dài, nên nhân duyên thành thực chưa tăng trưởng thật sự; 2. Nhân duyên thường xuyên tu tập còn yếu kém.

Thành thực phẩm trung: ở nơi hai nhân duyên

kể trên, một chủng khiếm khuyết, một chủng đầy đủ.

Thành thực phẩm thượng: hai nhân duyên trên đều khuyết.

4. Phương tiện thành thực: Có 27 loại: 1. Giới tăng trưởng; 2. Nhiếp thọ duyên hiện tại; 3. Thú nhập; 4. Nhiếp lạc; 5. Bắt đầu phát khởi; 6. Chẳng phải mới phát khởi; 7. Xa thanh tịnh; 8. Gần thanh tịnh; 9. Gia hạnh; 10. Ý lạc; 11. Dùng tài vật nhiếp thọ; 12. Dùng pháp nhiếp thọ; 13. Dùng thần thông dẫn nhiếp; 14. Tuyên thuyết chánh pháp; 15. Thuyết pháp ẩn mật; 16. Thuyết pháp hiển rõ; 17. Gia hạnh phẩm hạ; 18. Gia hạnh phẩm trung; 19. Gia hạnh phẩm thượng; 20. Lắng nghe; 21. Tư duy; 22. Tu tập; 23. Nhiếp thọ; 24. Hàng phục; 25. Tự mình thành thực; 26. Thỉnh người thành thực; 27. Cả hai đều thành thực.

Giới tăng trưởng: bản tánh đầy đủ chủng tử thiện pháp, lấy đây làm chỗ nương tựa. Vì trước đã thường xuyên tu tập các thiện pháp, giai đoạn càng về sau, chủng tử thiện pháp càng triển chuyển tăng mạnh, triển chuyển vượt trội, sanh khởi sự

an trụ bền chắc. Đây gọi là giới tăng trưởng.

Nhiếp thọ duyên hiện tại: trong hiện pháp, thuyết pháp không điên đảo, thọ trì không điên đảo, tu hành như lý, tùy pháp hành pháp, nên biết giới tăng trưởng. Do nhân đời trước, nên hiện tại thành thực, nhiếp thọ duyên hiện tại. Do nhân hiện tại, nên hiện tại thành thực.

Thú nhập: vì được lực tịnh tín tăng thượng, nếu ở tại gia, thì xa lìa ác hạnh, thọ trì học xứ; nếu hướng đến không gia đình, thì xa lìa các dục, thọ trì học xứ.

Nhiếp lạc: nương dấu tích xuất ly các khổ và nương dấu tích xa lìa hai biên là biên dục lạc và biên tự khổ hạnh. Ở nơi pháp Tỳ-nại-da mà chú Phật thuyết, Thánh giáo chân thật, sanh tâm quý thích sâu.

Bắt đầu phát khởi: ban đầu, đối với pháp đáng chán ghét, sanh khởi chán lìa sâu; đối với việc năng thành tựu trọn vẹn nghĩa lý chân thật, như thật rõ biết có công đức thù thắng, rồi mới nhập vào. Đây gọi là bắt đầu phát khởi.

Chẳng phải mới phát khởi: bồ-đặc-già-la đã thú nhập, lúc đang thành thực thường không lìa

bỏ chư Phật, Bồ-tát. Những điều đã hiểu biết rõ ràng, triển chuyển càng thêm sáng sạch. Do thành thực đây, nên sự triển chuyển càng thêm thăng tiến.

Xa thanh tịnh: hoặc do giải đãi, hoặc do nghịch duyên, nên phải trải qua thời gian lâu, hoặc trải qua nhiều đời, hoặc trải qua nhiều kiếp, mới năng thanh tịnh.

Gần thanh tịnh: nên biết tướng đây trái với tướng xa thanh tịnh.

Gia hạnh: vì thu được nghĩa lợi ích thù thắng cho mình, vì vui muốn mãnh liệt làm chỗ nương, hoặc lo sợ hiện đời bị người chê trách, hoặc lo sợ đời sau đọa vào đường ác, nên đối với các học xứ thường siêng năng hộ trì, thực hành không gián đoạn, thực hành ân trọng.

Ý lạc: vì ở nơi các pháp chân chánh quán sát, lấy an nhăn làm chỗ nương, nên đối với pháp Tỳ-nại-da mà Phật thuyết không bị dẫn đoạt; đối với sở chứng của người, sanh sâu tin hiểu. Vì tin có công đức làm chỗ nương, đối với Tam Bảo và đối với những nghĩa lợi ích mà mình đạt được, tin hiểu thâm sâu, không gì khuynh động.

Dùng tài vật nhiếp thọ: đối với người thiếu thốn tất cả các thứ vật thực như thức uống ăn... liền thí cho tất cả. Đối với người bị thiếu thốn tùy một trong số các vật... liền thí cho tùy theo vật họ cần.

Dùng pháp nhiếp thọ: hoặc tuyên thuyết chánh pháp bố thí các hữu tình, hoặc khai thị chỉ bày đạo lý nghĩa chân chánh.

Dùng thần thông dẫn nhiếp: đó là những bậc đầy đủ thần thông, vì thương xót hữu tình nên nếu hữu tình mong cầu có được lực ý vui thanh tịnh, hoặc nếu hữu tình mong cầu có được lực gia hạnh thanh tịnh tăng thượng, các bậc kia liền thị hiện chủng chủng thần thông biến hóa, muốn khiến hữu tình được thấy, được nghe thánh giáo chư Phật. Và sau khi được thấy nghe, hoặc sẽ thu được ý vui thanh tịnh, hoặc sẽ tu hành gia hạnh không điên đảo. Các hữu tình kia do thần biến đây dẫn nhiếp tâm, hoặc đạt được ý vui thanh tịnh, hoặc tu hành gia hạnh không điên đảo.

Tuyên thuyết chánh pháp: ở nơi nghĩa lợi ích thù thắng mà tự mình đã đạt được, nếu người không thể kham, liền vì kia thuyết chánh pháp, làm bạn

trợ giúp khiến phát khởi chánh hạnh. Nếu kia có thể kham, cũng vì kia tuyên thuyết chánh pháp, khiến mau chứng thông tuệ.

Thuyết pháp ẩn mật: đối với hữu tình có trí huệ anh nhi, thì ẩn giấu pháp nghĩa thâm sâu rộng lớn, vì kia mà phương tiện thuyết pháp đơn giản, dễ có thể nhập vào, dễ làm phương tiện đi vào pháp.

Thuyết pháp hiển rõ: đối với hữu tình có trí tuệ rộng lớn, đã khéo ngộ nhập lý Thánh giáo, vì kia khai thị đạo lý pháp rộng lớn thâm sâu.

Gia hạnh phẩm hạ: khuyết cả hai gia hạnh là không gián đoạn và ân trọng.

Gia hạnh phẩm trung: khuyết một trong hai gia hạnh, hoặc khuyết gia hạnh không gián đoạn, hoặc khuyết gia hạnh ân trọng.

Gia hạnh phẩm thượng: đều tương ưng cả hai gia hạnh là không gián đoạn và ân trọng.

Lắng nghe: đối với lời dạy của Phật sanh tin hiểu sâu, tinh cần lắng nghe, thọ trì, đọc tụng các pháp như Khế kinh...

Tư duy: sống ở chốn viễn ly, vui tư duy pháp, suy gẫm tìm tòi nghĩa lý, hiểu rõ quyết định.

Tu tập: ở nơi tướng chỉ, cử, xả làm tiền dẫn, chân chánh quán sát sâu, tâm sanh sâu hân lạc, sau mới tu tập chỉ, cử, xả.

Nhiếp thọ: tâm không nhiễm ô, xem Thân giáo sư, Quĩ phạm sư và phương tiện đạo lý không điên đảo làm chỗ nương tựa. Lại đối với các bậc kia phát khởi chủng chủng hạnh cung kính, đó là hạnh khấn bệnh, như pháp cấp thí áo quần, vật thực, các ngọ cụ, thuốc trị bệnh cùng các tạp vật khác, hạnh khiển trừ ưu sầu và ác tác, khiển trừ phiền não và tùy phiền não. Hết thấy loại như vậy gọi là hạnh thừa sự cúng dường sai biệt.

Hàng phục: đã phòng hộ kỹ chắc tạp nhiễm của thân mình. Đối với người hủy phạm, nếu phạm phẩm hạ, khởi tâm từ khuyển răn dạy bảo; nếu phạm phẩm trung, khởi tâm từ quả răn trách phạt; nếu phạm phẩm thượng, khởi tâm từ đuổi bỏ. Trong đây trước hết khuyển răn, trách phạt, khiến kẻ kia và người khác được lợi ích an lạc. Riêng đối với sự đuổi bỏ, nếu nhiếp thọ trở lại, vì khiến kẻ kia và người khác lợi ích an lạc. Nếu đã đuổi bỏ rồi, không nhiếp thọ trở lại, chỉ khiến người khác lợi ích an lạc. Vì có sao? Người khác nếu thấy kẻ kia

vì nhân duyên hủy phạm nên bị đuổi bỏ, liền tự phòng hộ không phát khởi hủy phạm.

Tự mình thành thực: tự mình tuyên nói theo đúng chánh pháp, khiến các hữu tình ra khỏi nơi bất thiện, an đặt họ nơi thiện. Như điều mình đã nói, cũng tự tu hành tùy pháp hành pháp, khiến các hữu tình đồng lòng chuyển theo, không để người khác nghĩ: “Ông tự mình không thể ra khỏi việc bất thiện, an lập nơi thiện, làm sao dạy bảo người khác, khuyên răn, cử tội, khiến nhớ nghĩ? Ngược lại, người khác nên chỉ bảo đối với ông, khuyên răn, cử tội, khiến nhớ nghĩ”.

Thỉnh người thành thực: nếu có vô lượng hữu tình khác phát tâm yêu kính quý trọng đối với một bậc nào đó, mà vị kia khéo biết các phương tiện, lại khéo tu học ở nơi chánh pháp đã tuyên thuyết, thì phải ân cần khuyến thỉnh, trợ giúp khiến vị kia thành thực vô lượng hữu tình.

Cả hai đều thành thực: cả hai chúng, hoặc tự mình thành thực, hoặc khuyến thỉnh người khiến thành thực.

Do 27 chủng phương tiện thành thực đây, nên biết là căn bản cho 6 loại sai biệt thành thực trước

thành tựu viên mãn, đó là: thành thực các căn, thành thực thiện căn, thành thực trí tuệ, thành thực phẩm hạ, thành thực phẩm trung, thành thực phẩm thượng.

5. Bồ-đặc-già-la năng thành thực: Lược có sáu chủng Bồ-tát trụ sáu địa của Bồ-tát năng thành thực hữu tình: 1. Bồ-tát thắng giải hành, trụ Thắng giải hành địa; 2. Bồ-tát tịnh thắng ý lạc, trụ Tịnh thắng ý lạc địa; 3. Bồ-tát hành chánh hạnh, trụ Hành chánh hạnh địa; 4. Bồ-tát nhập vào quyết định, trụ Nhập vào quyết định địa; 5. Bồ-tát quyết định hành chánh hạnh, trụ Quyết định hành chánh hạnh địa; 6. Bồ-tát đến cứu cánh, trụ Đến cứu cánh địa.

Bồ-đặc-già-la trụ không chủng tánh, lúc đi đến việc thành thực đường thiện, luôn có sự thối chuyển, luôn còn việc phải làm. Bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, lúc đi đến việc thành thực ba thừa, không hay thối chuyển, không còn việc phải làm.

6. Tướng bồ-đặc-già-la đã thành thực: Các bậc Thanh văn vì trước đã từng xuyên suốt tu tập

thiện pháp, nếu khi an trụ thành thực phẩm hạ, lúc ấy tức có vui muốn phẩm hạ, gia hạnh phẩm hạ, vẫn còn đi vào đường ác, không thể ở hiện pháp chứng quả Sa-môn, chẳng phải ở hiện pháp đắc Bát-niết-bàn.

Hoặc khi an trụ thành thực phẩm trung, lúc ấy tức có vui muốn phẩm trung, gia hạnh phẩm trung, không còn đi vào đường ác, ở hiện pháp chứng đắc quả Sa-môn, nhưng chẳng phải ở hiện pháp đắc Bát-niết-bàn.

Hoặc khi an trụ thành thực phẩm thượng, lúc ấy tức có vui muốn phẩm thượng, gia hạnh phẩm thượng, không đi vào đường ác, ở hiện pháp chứng đắc quả Sa-môn, cũng ở hiện pháp đắc Bát-niết-bàn.

Như Thanh văn, thì Độc giác cũng vậy. Vì có sao? Vì đạo Độc giác đồng chủng loại với Thanh văn. Nhưng Độc giác đây so với Thanh văn cũng có sự sai khác, đó là lúc trụ hậu hữu cuối cùng, tức sở đắc thân tối hậu, vì lực tu tập vốn có trước kia, nên không có Quý phạm sư mà tự tu tập ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề, rốt ráo đoạn diệt tất cả phiền não, chứng A-la-hán, nên gọi là Độc giác.

Nếu chư Bồ-tát trụ Thắng giải hành địa, gọi là thành thực phẩm hạ; trụ Tịnh thắng ý lạc địa, gọi là thành thực phẩm trung; trụ Nhập vào quyết định địa cho đến Đến cứu cánh địa, gọi là thành thực phẩm thượng.

Hoặc lúc chư Bồ-tát trụ thành thực phẩm hạ, bấy giờ liền có vui muốn phẩm hạ, gia hạnh phẩm hạ, vẫn còn đi vào đường ác. Đây là tận cùng ngăn mé của vô số kiếp thứ nhất. Nên biết đều chưa tương ưng tất cả thiện pháp phẩm giác vô động, sung mãn, thanh tịnh cực thiện.

Hoặc lúc chư Bồ-tát trụ thành thực phẩm trung, bấy giờ liền có vui muốn phẩm trung, gia hạnh phẩm trung, không còn đi vào đường ác. Đây là tận cùng ngăn mé của vô số kiếp thứ hai. Nên biết đã tương ưng cùng thiện pháp phẩm giác vô động, sung mãn nhưng vẫn chưa tương ưng thiện pháp phẩm giác thanh tịnh cực thiện.

Hoặc lúc chư Bồ-tát trụ thành thực phẩm thượng, lúc bấy giờ có vui muốn phẩm thượng, gia hạnh phẩm thượng, không đi vào đường ác. Đây tận cùng ngăn mé của vô số kiếp thứ ba. Nên biết đều đã tương ưng với tất cả thiện pháp phẩm giác

vô động, sung mãn, thanh tịnh cực thiện.

Trong đây, vì tánh thuần hậu, vì cực nhạy bén sung mãn, vì năng đắc quả rộng lớn phẩm thượng, vì lợi ích thù thắng, nên gọi là sung mãn. Vì không quay trở lại, vì không thối đọa, vì thường thắng tiến, nên gọi là vô động. Bồ-tát ở trong địa đây vì không gì vượt hơn, nên gọi là thanh tịnh cực thiện.

Phải biết trong đây, năm loại thành thực: hoặc thành thực do dùng tài vật nhiếp thọ, hoặc thành thực do dùng thần thông dẫn nhiếp, hoặc thành thực do thuyết pháp ẩn mật, hoặc thành thực do gia hạnh phẩm hạ, hoặc thành thực do lắng nghe, nếu trường thời tu tập pháp kia vẫn còn ở phẩm hạ, huống là ít thời tu tập.

Ngoài ra, tất cả nhân duyên thành thực khác nên biết đều có 3 phẩm đạo lý: nếu kia tu tập phẩm hạ thì thành thực phẩm hạ, nếu kia tu tập phẩm trung thì thành thực phẩm trung, nếu kia tu tập phẩm thượng thì thành thực phẩm thượng. Thành thực ba phẩm hạ, trung, thượng đây, mỗi thứ lại có ba phẩm. Ở trong phẩm hạ, có ba phẩm thành thực, đó là: hạ hạ, hạ trung, hạ thượng. Ở trong phẩm trung, có ba phẩm thành thực, đó là:

trung hạ, trung trung, trung thượng. Ở trong phẩm thượng, có ba phẩm thành thực, đó là: thượng hạ, thượng trung, thượng thượng. Chư Phật, Bồ-tát vì muốn thành thực hữu tình, nên triển chuyển nhiều đạo lý sai khác, có vô lượng phẩm loại sai khác như vậy. Trong đây, Bồ-tát do nhân duyên thành thực đã thuyết ở trước, vì muốn tự thành thực Phật pháp, nên tinh cần tu tập thành thực các căn, thành thực thiện căn, thành thực trí tuệ, thành thực phẩm hạ, thành thực phẩm trung, thành thực phẩm thượng. Lại muốn khiến bố-đặc-già-la khác vì cõi pháp Tam thừa, vì đi đến cõi thiện, mà tu tập sáu loại thành thực như vậy.



Quyển 38

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần đầu của TRÌ DU GIÀ XỬ

Phẩm 7. BỒ ĐỀ

1. Tự tánh Bồ-đề: Nếu lược nói thì Bồ-đề có hai đoạn và hai trí.

Hai đoạn: 1. Đoạn phiền não chướng; 2. Đoạn sở tri chướng.

Hai trí: 1. Do đoạn phiền não chướng, nên trí rất ráo lia cấu, tất cả phiền não không còn theo đuổi trôi buộc; 2. Do đoạn sở tri chướng, nên trí ở tất cả sở tri không còn bị chướng ngại.

Lại có các môn khác là: thanh tịnh trí, nhất thiết trí, vô trệ trí. Tất cả phiền não cùng tập khí diệt hẳn không sót thừa, khắp tất cả chủng không nhiễm, vô minh vĩnh viễn đoạn diệt không sót thừa. Đây gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Thanh tịnh trí: vì tất cả phiền não cùng các tập khí rất ráo đoạn dứt, gọi là Thanh tịnh trí.

Nhất thiết trí: ở tất cả giới, tất cả sự, tất cả

phẩm, tất cả thời, trí khởi chuyển không bị ngăn ngại, gọi là nhất thiết trí. Giới có hai loại: 1. Thế giới; 2. Cõi giới hữu tình. Sự có hai loại: 1. Hữu vi; 2. Vô vi. Phẩm là vô lượng phẩm loại khác nhau của hai sự hữu vi và vô vi, tức là vì tự tướng của chúng triển chuyển thành chủng loại sai biệt, vì cộng tướng sai biệt, vì nhân quả sai biệt, vì cõi giới sai biệt, vì thiện, bất thiện, vô ký sai biệt. Thời có ba loại: 1. Quá khứ; 2. Vị lai; 3. Hiện tại. Như vậy, tức ở nơi tất cả giới, tất cả sự, tất cả phẩm, tất cả thời như thế, vì biết như thật, gọi là Nhất thiết trí.

Vô trệ trí: lúc tạm tác ý, khắp ở tất cả, trí khởi chuyển nhanh chóng, không trì trệ, không ngăn ngại, không do lớp lớp tác ý tư duy, vì chỉ nương vào một tác ý mà rõ biết khắp.

Lại có môn khác, đó là 140 pháp Phật bất cộng và trí vô tránh, nguyện trí, vô ngại giải... của Như Lai. Đây gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Một trăm bốn mươi pháp Phật bất cộng bao gồm: ba mươi hai tướng Đại trượng phu, tám mươi tùy hảo, bốn chủng nhất thiết thanh tịnh, mười lực, bốn vô sở úy, ba niệm trụ, ba bất hộ, đại bi, pháp vô vong thất, tập khí vĩnh viễn hoại diệt,

nhất thiết chủng diệu trí. Đây là các pháp Phật, trong phẩm *Kiến lập* sẽ rộng phân biệt.

2. Bồ-đề tối thắng: Bồ-đề như thế gọi là tối thắng, vì cùng tương ưng với bảy chủng tối thắng. Do nhân duyên đây ở trong các Bồ-đề thật là thù thắng.

Sao gọi là bảy chủng tối thắng? 1. Sở y tối thắng; 2. Chánh hạnh tối thắng; 3. Viên mãn tối thắng; 4. Trí tối thắng; 5. Uy lực tối thắng; 6. Đoạn tối thắng; 7. Trụ tối thắng.

Chư Như Lai dùng ba mươi hai tướng Đại tướng phu để trang nghiêm thân, nên gọi là sở y tối thắng.

Chư Như Lai tự lợi mình, năng lợi người, đem đến lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sanh, xót thương thế gian, khiến trời người thu được lợi ích thù thắng, lợi ích an lạc mà hành chánh hạnh. Đây gọi là chánh hạnh tối thắng.

Chư Như Lai thấy đều thành tựu bốn chủng viên mãn không gì vượt hơn, không gì sánh kịp: 1. Giới viên mãn; 2. Kiến viên mãn; 3. Quỹ tắc viên mãn; 4. Tịnh mạng viên mãn. Đây gọi là viên mãn tối thắng.

Chư Như Lai thấy đều thành tựu bốn chủng vô ngại giải không gì vượt hơn, không gì sánh kịp: 1. Pháp vô ngại giải; 2. Nghĩa vô ngại giải; 3. Huấn từ vô ngại giải; 4. Biện thuyết vô ngại giải. Đây gọi là trí tối thắng.

Chư Như Lai thấy đều thành tựu sáu chủng thần thông không gì vượt hơn, không gì sánh kịp, như trước đã nói. Đây gọi là uy lực tối thắng.

Chư Như Lai thấy đều thành tựu việc đoạn dứt vĩnh viễn tập khí tất cả phiền não và đoạn dứt vĩnh viễn tất cả sở tri chướng, không gì vượt hơn, không gì sánh kịp. Đây gọi là đoạn tối thắng.

Chư Như Lai nhiều an trụ ở nơi ba trụ không gì vượt hơn, không gì sánh kịp: 1. Thánh trụ; 2. Thiên trụ; 3. Phạm trụ. Đây gọi là trụ tối thắng. Trong đây, nếu trụ Không, Vô nguyện, Vô tướng và trụ Diệt tận định gọi là Thánh trụ. Nếu trụ bốn tinh lự, bốn vô sắc định, gọi là Thiên trụ. Nếu trụ bốn chủng vô lượng gọi là Phạm trụ. Trong ba trụ đây, Như Lai trụ nhiều ở bốn trụ thù thắng hơn cả: trong Thánh trụ, nhiều an trụ ở trụ Không, trụ Diệt tận định; trong Thiên trụ, nhiều an trụ ở trụ Đệ tứ tinh lự vô động; trong Phạm trụ, nhiều an

trụ ở trụ Đại bi. Do đây Như Lai ngày đêm sáu thời (ba thời vào ban ngày, ba thời vào ban đêm) thường dùng Phật nhãn quán sát khắp thế gian, ai tăng trưởng, ai tổn giảm, đối với người chưa khởi thiện căn khiến trồng thiện căn, nói rộng cho đến khiến họ kiến lập quả tối thắng A-la-hán.

Lại chư Như Lai vì sở y tối thắng nên gọi là bậc Đại trượng phu. Vì chánh hạnh tối thắng nên gọi là bậc Đại bi. Vì viên mãn tối thắng nên gọi là bậc Đại giới và bậc Đại pháp. Vì trí tối thắng nên gọi là bậc Đại tuệ. Vì uy lực tối thắng nên gọi là bậc Đại thần thông. Vì đoạn tối thắng nên gọi là bậc Đại giải thoát. Vì trụ tối thắng nên gọi là bậc Nhiều an trụ nơi trụ rộng lớn.

3. Mười loại công đức, công đức tùy niệm danh hiệu: Chư Như Lai lược có mười công đức, tùy theo mỗi công đức mà có danh hiệu tương ứng. Những gì là mười? Đức Bạc-Già-Phạm hiệu là “Như Lai, Ứng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-Già-Phạm”.

Lời nói chân thật không hư vọng nên gọi là

Như Lai. Đã đắc tất cả nghĩa cần phải chứng đắc, xứng đáng làm phước điền vô lượng cho thế gian, xứng đáng được tất cả sự cung kính cúng dường, cho nên gọi là *Ứng*. Vì giác các pháp đúng như nghĩa thù thắng nên gọi là *Chánh Đẳng Giác*. Minh, đó là tam minh; hạnh, như kinh đã nói rộng; viên mãn, vì hai phẩm Chỉ Quán cực khéo viên mãn, cho nên gọi là *Minh Hạnh Viên Mãn*. Vì tối cực thù thắng không gì vượt hơn, vĩnh viễn không thối thất trở lại, gọi là *Thiện Thệ*. Vì khéo biết thế giới và cõi giới hữu tình, với tất cả phẩm loại tướng nhiễm, tướng tịnh, nên gọi là *Thế Gian Giải*. Tất cả thế gian chỉ duy nhất một bậc tượng phu khéo biết dùng phương tiện để điều phục tâm thù thắng hơn cả, nên gọi là *Vô Thượng Trượng Phu Điều Ngự Sĩ*. Vì thật nhân, vì thật trí, vì thật nghĩa, vì thật pháp, vì khai dẫn khiến hiển rõ nghĩa, vì làm chỗ nương tựa cho tất cả nghĩa, vì năng khiến hiểu rõ những nghĩa chưa rõ, vì năng đoạn trừ những chỗ sanh nghi hoặc, vì năng khiến hiển rõ những điều thâm sâu, vì khiến cho minh tịnh, vì làm căn bản cho tất cả pháp, vì khai dẫn, vì làm chỗ nương, năng chánh dạy trao dạy răn trời người khiến kia

ra khỏi tất cả các khổ, cho nên gọi là *Thiên Nhân Sư*. Ở nơi tụ năng dẫn nhiếp nghĩa pháp, nghĩa lợi; ở nơi tụ năng dẫn nhiếp không nghĩa lợi, nghĩa pháp; ở nơi tụ năng dẫn nhiếp chẳng phải nghĩa lợi nghĩa pháp, chẳng phải phi nghĩa lợi nghĩa pháp, khắp tất cả chúng hiện tiền đều biết hết thấy, cho nên gọi là *Phật*. Năng phá thế lực lớn của chúng ma quân, đầy đủ nhiều công đức, nên gọi là *Bạc-Già-Phạm*.

4. Xuất hiện: Hoặc có nhiều kiếp không có vị Phật nào xuất hiện nơi đời, hoặc trong một kiếp có nhiều vị Phật xuất hiện nơi đời. Trong mười phương vô lượng vô số các thế giới kia, có vô lượng Phật đồng thời xuất hiện nơi đời. Vì có sao? Bởi lẽ mười phương thế giới hiện có vô lượng vô số Bồ-tát đồng thời phát nguyện, đồng siêng tu tập tư lương Bồ-đề. Nếu có một vị Bồ-tát, hoặc vào ngày như vậy, hoặc vào tuần như vậy, hoặc vào tháng như vậy, hoặc vào năm như vậy, phát tâm Bồ-đề, nguyện đi đến Bồ-đề, tức vào ngày đó, vào tuần đó, vào tháng đó, vào năm đó, tất cả Bồ-tát cũng phát tâm, nguyện đi đến Bồ-đề như vậy. Như có một Bồ-tát dưng

mãnh nỗ lực, siêng năng tinh tấn mạnh mẽ, thì tất cả Bồ-tát khác cũng vậy. Nay hiện thấy ở đây, trong một thế giới, nhiều trăm Bồ-tát đồng thời phát nguyện, đồng tu huệ thí, đồng tu tịnh giới, đồng tu an nhẫn, đồng tu tinh tấn, đồng tu tĩnh lực, đồng tu trí tuệ, huống là mười phương vô lượng vô biên thế giới chư Phật.

Lại, ở mười phương hiện có vô lượng vô số tam thiên đại thiên cõi Phật, không có hai Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề mà đồng thời viên mãn, đồng thời thành Phật xuất hiện nơi đời, huống là ở trong một thế giới mà có vô lượng vô số Bồ-tát cùng lúc thành Phật.

Lại không nên nói: “Nhiều chư Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề, đồng thời viên mãn, trước sau tránh lẫn nhau, thứ tự thành Phật”. Cũng không nên nói: “Tất cả Bồ-tát đều không thành Phật”. Cho nên phải biết nhiều chư Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề, nơi mười phương vô lượng vô số đều viên mãn. Tùy theo chỗ không tịnh của quốc độ không có chư Phật Như Lai, mỗi mỗi xuất thế khác nhau, đồng thời thành Phật. Do đạo lý đây, nên trong nhiều thế giới quyết định

phải có nhiều chư Bồ-tát đồng thời thành Phật. Nhưng quyết chắc trong một cõi Phật không có hai Như Lai đồng thời xuất hiện nơi đời. Vì cố sao? Trong đêm dài Bồ-tát khởi nguyện, theo đó tăng trưởng: “Ta sẽ một mình ở trong các thế giới không người dẫn đường. Nay Ta làm người dẫn đường, điều phục hữu tình, khiến họ thoát khổ, chứng đắc Bát-niết-bàn”. Vì thế, đêm dài Bồ-tát phát khởi nguyện lớn, theo đó khiến tăng trưởng, nhiếp thọ chánh hạnh, cho đến được thành tựu viên mãn. Cho nên không có hai Như Lai đồng thời xuất hiện trong một thế giới.

Lại ở một Tam thiên đại thiên cõi Phật, một Như Lai khắp năng thí làm tất cả Phật sự. Cho nên nếu xuất hiện Như Lai thứ hai trên đời, thì không có chỗ để làm lợi ích.

Lại trong một cõi Phật, có một Như Lai xuất hiện nơi đời, khiến các hữu tình thành tựu nghĩa tự lợi rất mạnh mẽ, rất tùy thuận. Vì cố sao? Vì hữu tình kia tác ý tư duy: “Tất cả thế gian chỉ có một Như Lai, lại không có Như Lai thứ hai. Nếu ở cõi Phật đây, sự giáo hóa của Như Lai đã hoàn thành, Ngài hoặc đi đến phương khác, hoặc nhập

diệt, chúng ta biết nương vào đâu để tu hành phạm hạnh, chúng ta nương vào đâu để được nghe chánh pháp”. Do suy nghĩ như vậy, kia phát khởi sâu sắc ý muốn siêng năng tinh tấn đồng mãnh, nhanh chóng lắng nghe chánh pháp. Nếu ở một cõi Phật mà có nhiều Phật xuất thế, người kia sẽ không nhanh chóng thực hành chánh pháp. Nên một cõi Phật chỉ có một Phật xuất thế, mới khiến các hữu tình thành tựu nghĩa tự lợi rất mạnh mẽ, rất tùy thuận.

5. Sai biệt: Tất cả sở hữu công đức của tất cả chư Như Lai bình đẳng bình đẳng không sai khác, chỉ trừ bốn pháp: 1. Thọ lượng; 2. Danh hiệu; 3. Dòng tộc; 4. Thân tướng. Tất cả Như Lai nơi tướng bốn pháp đây có tăng giảm, nhưng công đức không sai khác.

Lại, thân nữ không thể chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì có sao? Tất cả Bồ-tát lúc vượt qua vô số kiếp thứ nhất, đã xả thân nữ. Cho đến an tọa trên tòa diệu Bồ-đề, chưa từng làm nữ, vì tất cả người nữ tánh nhiều phiền não, tánh nhiều ác tuệ. Chẳng thể bảm tánh thân nhiều phiền não, nhiều ác tuệ mà năng chứng Vô thượng

Chánh đẳng Bồ-đề.

Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề như vậy, như *Tự tánh* đã nói, phải như thật biết; như *Tối thắng* đã nói, phải như thật biết; như *Mười loại công đức*, công đức tùy niệm danh hiệu đã nói, phải như thật biết; như *Xuất hiện* đã nói, phải như thật biết; như *Sai biệt* đã nói, phải như thật biết.

Lại, Bồ-đề đây thật bất tư nghì, vì vượt qua tất cả đạo tâm tư. Là không có hạn lượng, vì vô biên công đức tích tập mà thành. Là không có gì vượt trên, vì sanh thành tất cả công đức của Thanh văn, Độc giác cùng với Như Lai. Cho nên chỉ có Phật mới chứng được Bồ-đề tối thượng, tối tôn, tối diệu và tối thắng.

Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm 8. LỰC CHỨNG TÁNH

Như vậy đã thuyết *Các học xứ Bồ-tát cần phải học*. Ta nay sẽ thuyết phần *Học như thế*. Ớt-Đà-Nam thuyết:

*Nhiều thắng giải, câu pháp,
Thuyết pháp, tu hành pháp,
Chánh dạy trao, dạy răn,
Phương tiện nhiếp ba nghiệp.*

Nếu chư Bồ-tát muốn học các học xứ mà Bồ-tát phải học, nên tinh cần tu học: **1.** Quyết định phải đầy đủ nhiều thắng giải; **2.** Phải thỉnh cầu chánh pháp; **3.** Phải thuyết chánh pháp; **4.** Phải chánh tu hành tùy pháp hành pháp; **5.** Phải chánh dạy trao; **6.** Phải chánh dạy răn; **7.** Phải an trụ không diên đảo dạy trao dạy răn, phương tiện nhiếp hộ thân, ngữ, ý nghiệp.

1. Bồ-tát đầy đủ nhiều thắng giải: Bồ-tát ở nơi 8 chủng thắng giải thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định.

Thắng giải nương vào công đức Tam Bảo, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với công đức chân thật của Phật, Pháp, Tăng, đầy đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào uy lực của Phật, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với uy lực như trước đã thuyết, đầy

đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào nghĩa chân thật, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với chân thật nghĩa như trước đã thuyết, đầy đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào nhân, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với chủng chủng nhiếp lấy nhân không điên đảo, như chỗ thích hợp, đầy đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào quả, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với chủng chủng nhiếp lấy quả không điên đảo, như chỗ thích hợp, đầy đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào nghĩa nên đắc, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với nghĩa Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề nên đắc, Ta có khả năng kham nhiệm quyết định năng đắc, đầy đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào phương tiện chứng đắc, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là ở nơi đạo học của Bồ-tát, năng đắc phương tiện. Vì đắc phương tiện đây, nên đắc nghĩa cần đắc, đầy đủ nhiều thắng giải.

Thắng giải nương vào thiện ngôn, thiện ngữ, thiện thuyết, thành tựu đầy đủ tịnh tín làm tiền dẫn, vui muốn quyết định. Đó là đối với hết thảy pháp như Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... đầy đủ nhiều thắng giải.

Bồ-tát nương nơi tám chủng thắng giải đây, do hai nhân duyên nên được đầy đủ nhiều thắng giải: 1. Vì tu tập nhiều thắng giải; 2. Vì tu tập Nhẫn mạnh mẽ.

Lúc chư Bồ-tát cầu chánh pháp, phải cầu điều gì? Làm sao mà cầu? Nghĩa nào nên cầu? Chư Bồ-tát phải cầu tất cả pháp tạng Bồ-tát, pháp tạng Thanh văn, tất cả ngoại luận, tất cả luận ngành nghề công xảo của thế gian. Nên biết ở trong mười hai phần giáo, chỉ một phần Phương Quảng nói về tạng Bồ-tát, các phần còn lại nói về tạng Thanh văn. Tất cả ngoại luận lược có ba loại: 1. Nhân luận; 2. Thanh luận; 3. Y phương luận. Tất cả luận ngành nghề công xảo của thế gian, chẳng phải một loại mà nhiều chủng chủng phẩm loại, như thợ sắt, thợ vàng, thợ làm châu báu... các ngành nghề kỹ thuật khác. Tất cả loại như vậy nhiếp thuộc minh xứ. Có năm loại minh xứ: 1. Nội minh

xứ; 2. Nhân minh xứ; 3. Thanh minh xứ; 4. Y phương minh xứ; 5. Công nghiệp minh xứ. Nếu chư Bồ-tát chánh tinh cần cầu học năm minh xứ đây, thì gọi là cần cầu tất cả minh xứ.

Theo ngôn ngữ của chư Phật thì gọi là nội minh luận, đây có bao nhiêu tướng chuyển? Như vậy cho đến tất cả công nghiệp xứ của thế gian, gọi là công nghiệp minh luận, đây có bao nhiêu tướng chuyển?

Nội minh luận lược có hai tướng chuyển: 1. Hiển thị tướng chánh nhân quả; 2. Hiển thị tướng đã làm không mất, chưa làm không được.

Nhân minh luận cũng có hai tướng chuyển: 1. Hiển thị tướng thắng lợi bề gãy luận thuyết của người khác; 2. Hiển thị tướng thắng lợi thoát khỏi luận thuyết của người khác.

Thanh minh luận cũng có hai tướng chuyển: 1. Hiển thị tướng an lập giới, tướng năng thành lập; 2. Hiển thị tướng lợi ích thù thắng khéo léo của ngôn từ.

Y phương minh luận có bốn tướng chuyển: 1. Hiển thị tướng thiện xảo của thể bệnh; 2. Hiển thị tướng thiện xảo của nhân bệnh; 3. Hiển thị tướng

thiện xảo đoạn trừ bệnh đã sanh; 4. Hiện thị tướng thiện xảo về việc bệnh đã đoạn trừ không sanh trở lại.

Tất cả công nghiệp minh luận của thế gian hiển thị nghề nghiệp khéo léo riêng biệt, cách thức tạo làm cũng có chủng chủng tướng sai khác.

a. Sao gọi là nội minh luận hiển thị tướng chánh nhân quả? Có mười chủng nhân kiến lập nhân không điên đảo, nhiếp tất cả nhân, hoặc khiến tạp nhiễm chuyển, hoặc khiến thanh tịnh chuyển, hoặc khiến vô ký chuyển, như việc cấy gặt... ở thế gian.

Sao gọi là mười nhân? 1. Nhân tùy thuyết; 2. Nhân quán đãi; 3. Nhân dẫn dắt; 4. Nhân nhiếp thọ; 5. Nhân sanh khởi; 6. Nhân dẫn phát; 7. Nhân định riêng; 8. Nhân đồng sự; 9. Nhân trái nghịch; 10. Nhân không trái nghịch.

Tất cả pháp, danh làm tiền dẫn nên tướng, tướng làm tiền dẫn nên thuyết. Đây gọi là *nhân tùy thuyết* của các pháp kia. Vì xem xét đối đãi của cái này, vì cái này làm nhân, nên ở nơi các sự việc kia hoặc tìm cầu, hoặc nắm giữ. Cái này gọi là *nhân quán đãi* của sự việc kia. Như vì xem xét đối

đãi tay, vì tay làm nhân, nên có nghiệp cầm nắm. Vì xem xét đối đãi chân, vì chân làm nhân, nên có nghiệp đến đi. Vì xem xét đối đãi chi phần, vì chi phần làm nhân, nên có nghiệp co duỗi. Vì xem xét đối đãi đói khát, vì đói khát làm nhân, nên ở nơi việc ăn uống hoặc tìm cầu, hoặc nắm giữ. Hết thấy vô lượng đạo lý như vậy, nên rõ biết tướng nhân quán đãi. Tất cả chủng tử, so với quả của chính nó về sau, gọi là *nhân dẫn dắt*. Ngoại trừ chủng tử, các duyên còn lại gọi là *nhân nhiếp thọ*. Tức các chủng tử, so với quả của chính nó ban đầu, gọi là *nhân sanh khởi*. Tức là quả do chủng tử ban đầu sanh khởi, so với quả của chủng tử về sau dẫn dắt, gọi là *nhân dẫn phát*. Có chủng chủng loại khác biệt, nhân duyên mỗi mỗi riêng khác, gọi là *nhân định riêng*. Hoặc nhân quán đãi, hoặc nhân dẫn dắt, hoặc nhân nhiếp thọ, hoặc nhân sanh khởi, hoặc nhân dẫn phát, hoặc nhân định riêng, các nhân như vậy nhiếp chung làm một gọi là *nhân đồng sự*. Nhân năng làm chướng ngại cho pháp sanh khởi gọi là *nhân trái nghịch*. Nhân chướng ngại đây hoặc khiếm khuyết, hoặc xa lìa, gọi là *nhân không trái nghịch*.

Nên biết *nhân trái nghịch* lược có sáu chủng:

1. Ngôn ngữ trái nghịch: như có Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra các luận, trước sau trái ngược nhau;
2. Đạo lý trái nghịch: là sự thành lập, các việc được thành lập, các nghĩa sở tri được kiến lập mà không tương ứng với tỷ lượng, chứng thành đạo lý;
3. Sanh khởi trái nghịch: là khi pháp sanh khởi mà duyên năng sanh khuyết, duyên chướng ngại sanh hội hợp;
4. Đồng xứ trái nghịch: như các pháp tham, sân, khổ, vui, sáng, tối...;
5. Oán địch trái nghịch: như độc trùng, chó sói, mèo, chồn, chuột, ác tri thức...;
6. Chướng trị trái nghịch: như tu bất tịnh cùng với tham dục, tu từ cùng với sân, tu bi cùng với hại, tu bảy giác chi, tám thánh đạo cùng với tất cả phiền não hệ buộc ba cõi. Ý nghĩa chính trong đây chủ yếu chỉ nắm lấy “sanh khởi trái nghịch”.

Tất cả nhân đây nhiếp thuộc hai nhân: 1. Nhân năng sanh; 2. Nhân phương tiện. Trong đây, chủng tử dẫn dắt, chủng tử sanh khởi gọi là nhân năng sanh. Các nhân còn lại gọi là nhân phương tiện.

Lại có bốn duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô

gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên. Trong đây, nhân năng sanh gọi là nhân duyên. Nhân phương tiện gọi là tăng thượng duyên. Đẳng vô gián duyên và sở duyên duyên, chỉ so với tất cả tâm, tâm pháp mà nói. Do tất cả tâm và tâm pháp kia, vì được sự sanh khởi dẫn dắt trước kia nhiếp thọ, vì sở duyên cảnh giới nhiếp thọ, nên mới sanh, mới chuyển. Do vậy, đẳng vô gián duyên và sở duyên duyên nhiếp thuộc nhân nhiếp thọ.

Mười nhân như vậy làm sao năng khiến tất cả chủng chủng sự việc thế gian kia chuyển? Làm sao năng khiến tất cả sự tạp nhiễm chuyển? Làm sao năng khiến tất cả sự thanh tịnh chuyển?

Chủng chủng sự vật ở thế gian có chủng chủng danh, tướng, thuyết, thí như đại mạch, tiểu mạch, lúa, nếp, mè, đậu... Tức đây so với kia gọi là *nhân tùy thuyết*. Như nói đại mạch, trước được bảo quản, sau được bảo quản, hoặc mài, hoặc đặt để, hết thủy loại như vậy là chủng chủng tùy thuyết. Như nói đại mạch, còn lại tiểu mạch... nên biết cũng vậy. Quán đãi thân đang đói khát gầy yếu, quán đãi chỗ có ái vị của đoạn thực. Ở nơi kia tìm cầu, nắm giữ, thọ dụng, tức nói pháp kia là *nhân quán đãi*. Do tự

chủng tử hạt giống của kia mỗi mỗi khác nhau, nên vô số sự cấy gặt khác nhau sanh khởi. Tức nói chủng tử kia là *nhân dẫn dắt* của đây. Nhờ các duyên như mưa, đất, nắng... khiến các mầm sanh trưởng, gọi là *nhân nhiếp thọ*. Tức chủng tử kia so với mầm được sanh, gọi là *nhân sanh khởi*. Hết thấy mầm, thân, lá phát triển không ngừng, so với việc chín cho đến thu hoạch, gọi là *nhân dẫn phát*. Từ hạt giống đại mạch, sanh mầm đại mạch, phát triển thành thân lúa đại mạch non, không thể sanh thành loại khác. Ngoài ra các loại khác cũng vậy. Đây nói kia là *nhân định riêng* của đây. Tức tất cả đây, quá trình lúa mạch kia, từ nhân quán đãi cho đến nhân định riêng, cho đến cuối cùng chín rồi gặt, gọi là *nhân đồng sự*. Chỉ cần khuyết một trong những nhân kia thì chẳng thể thành thực, nên tất cả phải hòa hợp. Đây gọi là *nhân đồng sự*. Các pháp chướng ngại như sương muối, mưa đá, thiên tai... so với việc cây lúa xanh tốt, gọi là *nhân trái nghịch*. Khuyết đi các chướng ngại kia gọi là *nhân không trái nghịch* của lúa lớn tốt.

Mười nhân như vậy, chủng chủng sự vật khác

ở thế gian, tùy chỗ thích hợp nên biết rộng như luận Thóc lúa.

Lại ở nơi tất cả duyên khởi tạp nhiễm có chủng chủng danh, tướng, nói thuyết, đó là: vô minh, hành, thức, danh, sắc, nói rộng cho đến lão, tử, sâu, bi, thán, khổ, ưu, não. Tức đây so với kia, các pháp tạp nhiễm, là *nhân tùy thuyết*. Như nói vô minh duyên hành, cho đến sanh duyên lão tử, hết thấy loại như vậy là chủng chủng tùy thuyết. Quán đãi chỗ có sanh khởi ái vị ở nơi các cảnh giới, nên ở nơi các chi hữu tương tục lưu chuyển. Tức kia so với đây, các pháp tạp nhiễm, là *nhân quán đãi*. Ngay trong hiện pháp, các pháp vô minh... chỗ có chủng tử đã sanh khởi, đã trưởng thành, khiến chủng tử đây so với sanh, lão, tử... của đời khác, là *nhân dẫn dắt*. Gần gũi kẻ bất thiện, nghe pháp bất chánh, tác ý không như lý, cộng với thế lực do trước thường xuyên dẫn dắt sanh khởi vô minh... gọi là *nhân nhiếp thọ*. Pháp vô minh... chỗ có chủng tử mỗi mỗi riêng khác, gọi là *nhân sanh khởi*. Từ chi vô minh cho đến chi hữu, triển chuyển dẫn phát tương tục về sau, so với sanh, lão, tử... của đời khác gọi là *nhân dẫn phát*. Chi vô minh khác

và tự chủng tử cho đến chi hữu năng sanh địa ngục; chi vô minh khác và tự chủng tử, cho đến chi hữu năng sanh bàng sanh, ngã quý, người, trời, nên biết cũng vậy. Tức kia so với đây, các pháp tạp nhiễm, gọi là *nhân định riêng*. Tức tất cả kia, từ nhân quán đãi cho đến nhân định riêng, gọi là *nhân đồng sự*. *Nhân trái nghịch* của pháp tạp nhiễm đây, đó là xuất thế gian có đầy đủ chủng tánh, gặp Phật ra đời thuyết chánh pháp, thân cận bậc thiện tri thức, được nghe chánh pháp, như lý tác ý, tùy pháp hành pháp và tất cả pháp Bồ-đề phần. Tức chủng chủng thiện pháp như trên đã nói, hoặc bị khuyết hoặc xa lìa, gọi là *nhân không trái nghịch* của pháp tạp nhiễm. Mười nhân như vậy khiến sanh khởi tất cả tạp nhiễm của tất cả hữu tình.

Lại tất cả phẩm pháp thanh tịnh và diệt Niết-bàn, chỗ có chủng chủng danh, tướng, nói thuyết. Tức đây so với kia, các pháp thanh tịnh là *nhân tùy thuyết*. Như nói niệm trụ, chánh đoạn, cho đến tám thánh đạo chi. Vô minh diệt nên hành diệt, nói rộng cho đến sanh diệt nên lão tử diệt. Hết thủy loại như vậy là chủng chủng tùy thuyết. Quán đãi các hành vì có nhiều quá hoạn, nên vui cầu

thanh tịnh, nhiếp thọ thanh tịnh, thành tựu trọn vẹn thanh tịnh. Kia so với đây là *nhân quán đãi*. Bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, đầy đủ chủng tánh, năng làm bậc thượng thủ, chứng hai Niết-bàn giới là Hữu dư y và Vô dư y. Kia so với thanh tịnh là *nhân dẫn dắt*. Thân cận bậc thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý và trước tu tập thành thực các căn, gọi là *nhân nhiếp thọ*. Sở hữu chủng tử nhiếp thuộc chủng tánh, tất cả vô lậu của pháp Bồ-đề phần, so với tất cả pháp Bồ-đề phần kia là *nhân sanh khởi*. Tức tự chủng tử sanh khởi tất cả pháp Bồ-đề phần, thứ lớp năng chứng đắc hai Niết-bàn giới hoặc Hữu dư y hoặc Vô dư y, gọi là *nhân dẫn dắt*. Chủng tánh Thanh văn dụng Thanh văn thừa năng Bát-niết-bàn, chủng tánh Độc giác dụng Độc giác thừa năng Bát-niết-bàn, chủng tánh Đại thừa dụng Vô thượng thừa năng Bát-niết-bàn, kia so với thanh tịnh là *nhân định riêng*. Nếu phẩm thanh tịnh từ nhân quán đãi cho đến nhân định riêng, kia so với thanh tịnh gọi là *nhân đồng sự*. Chủng tánh không đầy đủ, không gặp Phật xuất thế, sanh chốn không nhân hạ, không thân cận bậc thiện sĩ, không được nghe chánh

pháp, không như lý tác ý, tu tập theo tà hạnh, kia so với thanh tịnh là *nhân trái nghịch*. Nhân trái nghịch đây hoặc khiếm khuyết, hoặc xa lìa, gọi là *nhân không trái nghịch* thanh tịnh. Nếu nhân trái nghịch của pháp tạp nhiễm, tức là *nhân pháp thanh tịnh*. Nếu nhân trái nghịch với pháp thanh tịnh, tức là *nhân của pháp tạp nhiễm*.

Như vậy, hiện có mười nhân tạp nhiễm, mười nhân thanh tịnh. Quá khứ đã nhiễm tịnh, vị lai sẽ nhiễm tịnh cũng chỉ có mười nhân như vậy. Ngoại trừ đây ra không có nhân nào vượt quá mười nhân này.

Ở trong tướng đây, sao gọi là quả? Lược có năm loại: 1. Quả dị thực; 2. Quả đẳng lưu; 3. Quả lìa hệ buộc; 4. Quả sĩ dụng; 5. Quả tăng thượng.

Các pháp bất thiện thọ quả dị thực ở trong các cõi ác. Pháp thiện hữu lậu thọ quả dị thực ở trong các cõi thiện. Đây gọi là *quả dị thực*. Vì tập quen bất thiện, vui thích trụ nơi bất thiện, nên pháp bất thiện tăng trưởng. Vì tu tập thiện, vui thích trụ nơi thiện pháp, nên thiện pháp tăng trưởng. Nếu nghiệp gây ra từ trước, tùy chuyển có quả về sau. Đây gọi là *quả đẳng lưu*. Tám thánh

đạo chi diệt các phiền não gọi là *quả lìa trói buộc*. Nếu các dị sanh dùng đạo thể tục diệt trừ phiền não, vì không rốt ráo, nên không được gọi là quả lìa trói buộc. Có một dạng người ở hiện tại theo học một ngành nghề, có được sự ứng dụng thành tựu khéo léo, như làm nông, buôn bán, hội họa, tính toán... Do đây thành tựu sự nghiệp, nên thu hoạch được quả tài bảo, gọi là *quả sĩ dụng*. Nếu nhân thức... gọi là quả tăng thượng của nhân căn, cho đến ý thức... gọi là quả tăng thượng của ý căn. Thân phần chúng sanh không tan, không hoại, gọi là quả tăng thượng của mạng căn. Hai mươi hai căn, mỗi căn năng phát khởi quả tăng thượng, phải biết tất cả đều gọi là *quả tăng thượng*. Tác dụng tăng thượng của hai mươi hai căn, tướng đây trong phần *Nhiếp Sự* sẽ thuyết.

Bồ-tát ở nơi nội minh luận hiển thị tướng chánh nhân quả như thật biết rồi, tinh cần tu tập, khiến chủng tánh trí lực về xứ, phi xứ dần dần được thanh tịnh, dần dần được tăng trưởng.

b. Sao gọi là nội minh luận hiển thị tướng đã làm không mất, chưa làm không được? Các hữu tình tự tạo tác nghiệp, tuy làm đã trải qua hàng

trăm kiếp, nhưng công năng cho quả trọn không bị hoại mất. Cũng không gì không làm, hoặc chẳng phải không làm, hoặc lại làm khác, nên có dị thực hoặc quả dị thực. Bồ-tát ở nơi nội minh hiển thị tướng đã làm không mất, chưa làm không được, như thật biết rõ. Đã biết như thật rồi, tinh cần tu tập khiến chủng tánh trí lực của tự nghiệp dần dần được thanh tịnh, dần dần được tăng trưởng.

2. Bồ-tát thỉnh cầu nghe chánh pháp: Chư Bồ-tát ở nơi pháp thiện thuyết phải an trụ tâm yêu thích quý trọng mạnh mẽ cầu nghe chánh pháp. Tóm lược nói như vậy: “Ở nơi pháp thiện thuyết, tướng an trụ yêu thích mạnh mẽ”. Như chư Bồ-tát chỉ vì muốn nghe một lời pháp thiện, giả sử đường đi trải đầy sắt nóng đỏ cháy rục, không phương tiện nào khác để được nghe lời pháp thiện, vẫn phát khởi tâm quý thích tha thiết dũng mãnh đi vào, huống là Bồ tát mong muốn nghe nhiều pháp thiện.

Lại chư Bồ-tát đối với thân phần của chính mình và đối với tất cả vật dụng nuôi thân có tâm yêu thích, cũng có tâm yêu thích đối với việc muốn

lắng nghe lời pháp thiện. Nhưng sự yêu thích trước so với sự yêu thích sau trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, số phần cũng chẳng bằng một, toán phần cũng chẳng bằng một, cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng chẳng bằng một. Bồ-tát như vậy ở nơi lời pháp thiện sanh kính trọng sâu, thường vui lắng nghe không mệt mỏi, cũng không biết chán đủ; tánh nhu hòa thuần hậu tịnh tín, tâm chất trực, có cái thấy chánh trực. Bồ-tát vì quý kính pháp, vì quý kính đức nên đến chỗ Pháp sư không tâm chất vấn, chỉ có tâm kính trọng; không tâm kiêu mạn, chỉ chuyên tâm cầu thiện; chẳng vì hiển đức của mình, chỉ muốn an lập thiện căn cho mình cho người, không vì nhân duyên lợi dưỡng cung kính. Bồ-tát đầy đủ công đức như vậy mà đến chỗ Pháp sư, tâm không tạp nhiễm, tâm không tán loạn lắng nghe chánh pháp.

Sao gọi là Bồ-tát tâm không tạp nhiễm lắng nghe chánh pháp? Khi nghe chánh pháp, tâm xa lìa tạp nhiễm cống cao, tâm xa lìa tạp nhiễm khinh mạn, tâm xa lìa tạp nhiễm khiếp nhược.

Do sáu tướng khiến tâm xa lìa tạp nhiễm cống cao. Đó là lúc nghe chánh pháp: đúng thời mà

nghe, ân trọng mà nghe, cung kính mà nghe, chẳng vì tổn hại, chẳng vì tùy thuận, chẳng tìm lỗi lầm.

Lại do bốn tướng khiến tâm xa lìa tạp nhiễm khinh mạn. Đó là khi nghe pháp: cung kính chánh pháp, cung kính người thuyết pháp, không khinh chánh pháp, không khinh người thuyết pháp.

Lại do một tướng khiến tâm xa lìa tạp nhiễm khiếp nhược, đó là khi nghe pháp, không tự khinh miệt mình. Bồ-tát tâm không tạp nhiễm như vậy mà lắng nghe chánh pháp.

Sao gọi là Bồ-tát tâm không tán loạn mà lắng nghe chánh pháp? Lược có năm tướng: 1. Lắng nghe chánh pháp với tâm câu tử ngộ; 2. Lắng nghe chánh pháp với tâm chuyên nhất; 3. Lắng nghe chánh pháp bằng cách lắng tai nghe; 4. Lắng nghe chánh pháp để gột rửa tâm; 5. Lắng nghe chánh pháp vì thu nhiếp tất cả tâm.

Bồ tát phải cầu nghe chánh pháp như vậy.

Vì cơ gì Bồ-tát cầu nghe chánh pháp? Chư Bồ-tát cầu nội minh vì chánh tu hành tùy pháp hành pháp, cũng vì rộng khai thị khiến người lợi ích, tỏ ngộ.

Chư Bồ-tát cầu nhân minh vì muốn như thật

rõ biết nhân luận do ngoại đạo tạo là ác ngôn, vì muốn hàng phục các luận thuyết khác của họ, vì muốn khiến người chưa tịnh tín đối với Thánh giáo chân thật được tịnh tín, người đã được tịnh tín khiến tăng trưởng bội phần.

Chư Bồ-tát cầu thanh minh vì muốn chúng sanh vui tin ngôn ngữ điển chương, đối với thân Bồ-tát sanh sâu kính tín. Vì muốn ngộ nhập ngôn âm, văn cú chú giải khác nhau. Trong một nghĩa có chủng chủng phẩm loại, Bồ-tát dùng âm thanh thù thắng tùy thuyết.

Chư Bồ-tát cầu y phương minh vì muốn dứt trừ chủng chủng bệnh tật cho chúng sanh, vì muốn nhiều ích tất cả đại chúng.

Chư Bồ-tát cầu trí công nghiệp xứ thế gian vì muốn dùng ít công lực nhưng thu hoạch nhiều tài bảo, vì muốn đem lại lợi ích cho chúng sanh. Vì khiến chúng sanh đối với Bồ-tát sanh khởi tưởng thật kỳ lạ hiếm có; vì dùng trí khéo phân chia bình đẳng, nhiều ích nhiếp thọ vô lượng chúng sanh.

Bồ-tát cầu tất cả ngũ minh đây vì muốn tư lương đại trí Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề nhanh chóng viên mãn. Nếu không ở nơi tất cả minh xứ

đây thứ lớp tu học, thì chẳng thể đắc Vô trệ trí, Nhất thiết trí.

Như vậy đã thuyết tất cả chư Bồ-tát ở nơi điều chân chánh nên cầu, như vậy mà cầu, vì nghĩa đây mà cầu.

3. Bồ-tát vì người thuyết pháp, phải thuyết những gì? Thuyết như thế nào? Nghĩa gì nên thuyết?

Điều chân chánh nên cầu của chư Bồ-tát tức là điều phải thuyết. Vì nghĩa đây mà cầu, tức là vì nghĩa đây mà thuyết. Nương hai chủng tướng nên vì người mà thuyết: **a.** Nương tùy thuận thuyết nên vì người mà thuyết; **b.** Nương thanh tịnh thuyết nên vì người mà thuyết.

a. *Sao gọi là Bồ-tát nương tùy thuận thuyết nên vì người mà thuyết?* Chư Bồ-tát phải an trụ oai nghi như pháp, chẳng thể chẳng như pháp. Không được vì người không bệnh ngồi trên tòa cao hơn, mà thuyết chánh pháp. Không được người ngồi, mình đứng mà thuyết chánh pháp. Không được người đi trước, mình đi sau mà thuyết chánh pháp. Không được vì người che đầu đi trước, mình đi sau

mà thuyết chánh pháp. Tất cả như *Kinh Biệt Giải Thoát* đã rộng nói. Vì cơ sao? Vì chư Phật, Bồ-tát kính trọng pháp vậy.

Lại đối với pháp sanh tâm tôn kính, cũng sẽ khiến người sanh tâm trọng kính quý pháp, cung kính lắng nghe, không khởi tâm khinh hủy. Lại vì tất cả mà thuyết tất cả pháp, khi thuyết không gián đoạn. Lại đối với chánh pháp không sanh tâm keo lẩn, không nương quyền làm thầy. Lại đối với chánh pháp, theo văn cú thứ lớp mà nêu ra, thứ lớp mà giải thích, thứ lớp mà phân biệt nghĩa. Lại nếu nghĩa pháp dẫn nhiếp nghĩa lợi, phải nên nêu ra, nên giải thích, nên rộng phân biệt, chẳng phải vì nghĩa pháp không dẫn nhiếp nghĩa lợi. Lại nên hiển bày điều cần hiển bày, dạy dẫn điều cần dạy dẫn, khích lệ điều cần khích lệ, vui mừng với điều nên vui mừng. Lại phải nương đạo lý hiện lượng, tỷ lượng, chí giáo lượng mà thuyết chánh pháp, không thể không nương ba đạo lý kia. Lại tuyên thuyết những điều thuận với con đường thiện lành. Lại tuyên thuyết không lộn xộn, không ẩn mật, dễ nhập vào. Lại nên tuyên thuyết xứng hợp bốn thánh đế. Lại khi ở nơi tất cả chúng tuyên

thuyết chánh pháp, tùy theo căn cơ của đại chúng mà thuyết.

Bồ-tát nương 15 tướng tùy thuận thuyết đây mà rộng làm lợi ích hữu tình. Cần phải như vậy mà tuyên thuyết.

b. Sao gọi là Bồ-tát nương thanh tịnh thuyết nên vì người thuyết? Chư Bồ-tát đối với hữu tình đã có oán thù với mình, nên trụ tâm từ vì họ thuyết chánh pháp. Đối với hữu tình làm ác hạnh, nên trụ tâm lợi ích vì họ thuyết chánh pháp. Đối với hữu tình có vui, có khổ, phóng dật, thấp kém, nên trụ tâm lợi ích, tâm an lạc, tâm ai mẫn vì họ thuyết chánh pháp. Không vì tật đố ganh ghét lực tăng thượng mà tự khen mình chê người. Dụng tâm vô nhiễm, không mong cầu lợi dưỡng, cung kính, khen tặng mà vì người thuyết pháp.

Bồ-tát nương 5 tướng thanh tịnh thuyết đây rộng vì lợi ích hữu tình mà như vậy tuyên thuyết.

Tóm lại, tướng tuyên thuyết chánh pháp của Bồ-tát như vậy lược có 20 chủng: 1. Đúng thời; 2. Tôn trọng pháp; 3. Thứ tự; 4. Tương tục; 5. Tùy thuận; 6. Hoan hỷ; 7. Vui thích; 8. Phấn tấn; 9. Sung sướng; 10. Không đui bỏ; 11. Đúng lý; 12.

Xứng thuận; 13. Không lộn xộn; 14. Như pháp; 15. Thuận theo chúng; 16. Từ tâm; 17. Tâm lợi ích; 18. Tâm ai mẫn; 19. Không tự khen mình chê người; 20. Không nương lợi dưỡng, cung kính, xưng khen. Bồ-tát phải thường như vậy mà vì người tuyên thuyết chánh pháp.

4. Tỳ pháp hành pháp của Bồ-tát: Hành đây lược có năm chủng. Bồ-tát như pháp đã cầu, như pháp đã thọ, khiến thân ngữ ý nghiệp hành chuyển không điên đảo, chân chánh tư duy, chân chánh tu tập. Nếu chư Phật Thế Tôn nơi các pháp kia chế phục thân ngữ ý khiến không tạo tác, nơi các pháp đây mở thân ngữ ý khiến tạo tác, tức ở trong hai pháp như vậy, thân ngữ ý nghiệp xa lìa không điên đảo, tu chúng không điên đảo. Đây gọi là Bồ-tát ở trong các pháp, thân ngữ ý nghiệp tùy chuyển tùy pháp hành pháp không điên đảo.

Sao gọi là Bồ-tát chánh tư duy pháp? Chư Bồ-tát vui muốn ở một mình nơi chốn nhàn tịnh, theo pháp đã được nghe vui muốn tư duy, vui muốn suy lường, vui muốn quán sát. Do vậy Bồ-tát tư duy pháp trước cần xa lìa điều không nên nghĩ bàn.

Hằng thường tư duy, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng, không chậm chạp. Đó là lúc chư Bồ-tát dũng mãnh tinh tấn tư duy pháp, chỉ ở nơi ít phần pháp, dùng lý quán sát mà tùy thông hiểu nhập vào, chỉ ở nơi ít phần pháp mà đã tin hiểu sâu sắc. Phạm chỗ tư duy chỉ nương nghĩa, không nương văn, như thật hiểu biết pháp được thuyết bằng sự im lặng, pháp được thuyết bằng giọng lớn. Vừa mới tư duy, năng chân chánh nhập vào. Đã ngộ nhập rồi, luôn luôn tác ý khiến được bền vững.

Chư Bồ-tát đây do năng xa lìa những điều không nên nghĩ bàn mà tư duy, nên tâm không rơi vào mê muội, tán loạn. Do năng thường hằng gia hạnh không gián đoạn, ân trọng, không chậm chạp mà tư duy, nên nghĩa trước kia chưa biết nay được chánh rõ biết, được chánh quyết liễu. Nếu nghĩa trước đã rõ thì được không quên mất, được không hoại mất. Do ở nơi ít phần, dùng lý quán mà được nhập vào, nên ở trong sự quán sát pháp theo chánh lý, không do duyên khác. Do ít phần tin hiểu sâu sắc, nên ở nơi tuệ giác ít ỏi của mình chẳng thể thông đạt pháp quá thẳm sâu, ngưỡng mộ chư Như Lai, tự suy nghĩ: “Như vậy là sở hành của Phật,

chẳng phải cảnh giới của ta”. Ở nơi pháp như vậy, không sanh phỉ báng, chẳng tự tổn hại, xa lìa lo sợ, không lỗi trái vượt. Do lúc tư duy pháp chỉ nương nghĩa, chẳng nương văn, nên ở nơi tất cả ngôn ngữ mật ý của Đức Thế Tôn năng tùy ngộ nhập. Do khắp ở tất cả, khéo biết pháp thuyết bằng cách im lặng, pháp thuyết bằng giọng lớn, nên ở nơi nghĩa chân thật không vật không pháp, không bị khuynh động. Do năng chánh ngộ nhập tư duy ban đầu, năng đắc Nhẫn từ trước đến nay chưa đắc. Do đã đắc Nhẫn đây, luôn luôn tác ý khiến tương tục bền vững, năng ở nơi việc tu tập, tùy thuận đi vào.

Bồ-tát do tám tướng đây, năng chánh tu hành tùy pháp hành pháp, nhiếp vào việc tư duy chân chánh.

Sao gọi là Bồ-tát chánh tu hành pháp? Tu đây lược có bốn tướng: 1. Xa-ma-tha; 2. Tỳ-bát-xá-na; 3. Tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na; 4. Vui tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là Xa-ma-tha? Chư Bồ-tát do khéo nương tựa thọ trì tám chủng tư duy, ở trong cảnh sở duyên lìa ngôn thuyết, chỉ có sự, chỉ có nghĩa, buộc tâm

khiến an trụ. Xa lìa các hý luận, lìa tướng tác ý nhiều loạn tâm, thắng giải ở nơi sở duyên. Ở nơi các tướng định, khiến tâm nội trụ, an trụ, đẳng trụ, nói rộng cho đến nhất hướng, đẳng trì. Đây gọi là Xa-ma-tha.

Sao gọi là Tỳ-bát-xá-na? Chư Bồ-tát do huân tu tác ý Xa-ma-tha, ở nơi các pháp trước đã tư duy, tư duy tướng ấy, chọn lựa như lý, chọn lựa tận cùng, cực chọn lựa pháp, nói rộng cho đến giác minh, tuệ, hành. Đây gọi là Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Chư Bồ-tát ở nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng, hằng thường tu tập.

Sao gọi là vui tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Chư Bồ-tát ở nơi tướng Chỉ, Quán như vậy, tâm vô động, lìa gia hạnh, không cần dụng công mà vẫn nhậm vận chuyển, nhiếp thọ không loạn. Đây gọi là vui tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Chư Bồ-tát như như tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, như vậy như vậy vui trụ Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Như như vui trụ Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, như vậy như vậy Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na được

thanh tịnh. Như như Xa-ma-tha thanh tịnh, như vậy như vậy thân an vui, tâm an vui tăng trưởng rộng lớn. Như như Tỳ-bát-xá-na thanh tịnh, như vậy như vậy hoặc tri hoặc kiến tăng trưởng rộng lớn. Ngang đây gọi là tu tập việc cần làm, đó là ở trong sở y nên khiến trừ thô trọng và ở tất cả sở tri, nên tu thanh tịnh trí kiến. Tất cả sở tác tu nghiệp như vậy, Bồ-tát do bốn chủng tướng tu trước kia, mới năng hoàn thành viên mãn.

5. Dạy trao: Nên biết dạy trao lược có tám tướng. Đó là chư Bồ-tát hoặc vì Tam-ma-địa làm chỗ nương, hoặc đã ở chung rất lâu với người, vì tâm từ bi nên muốn dạy trao đối với kia. Hoặc do Như Lai, hoặc do các chúng Bồ-tát khác, vì kia làm giáo thọ. Khi dạy trao trước phải quán xét sâu kỹ tầm tư tâm người. Tầm tư rõ biết như thật tâm rồi, tầm tư rõ biết như thật nơi căn. Tầm tư rõ biết như thật nơi căn rồi, tầm tư rõ biết như thật ý vui. Tầm tư rõ biết như thật ý vui rồi, tầm tư rõ biết như thật tùy miên. Tầm tư rõ biết như thật tùy miên rồi, như chỗ thích hợp tùy nghi thị hiện chủng chủng phương tiện môn thú nhập, khiến hữu tình

kia đi vào. Đó là hoặc tu bất tịnh, hoặc tu từ, hoặc tu chủng chủng duyên khởi của tánh duyên, hoặc tu giới sai biệt, hoặc tu A-na-ba-na niệm. Đã khiến người kia thú nhập rồi, lại vì kia thuyết pháp năng đối trị hạnh tà chấp biên thường, biên đoạn. Cũng khiến kia đoạn trừ xả ly các tầng thượng mạn, chưa làm cho là làm, chưa đắc cho là đắc, chưa xúc cho là xúc, chưa chứng cho là chứng.

Tám tướng dạy trao của Bồ-tát như vậy nhiếp vào ba việc. Sao gọi là ba việc? 1. Người tâm chưa an trụ, vì khiến kia an trụ, khiến ở nơi sở duyên, buộc niệm không điên đảo; 2. Người tâm đã an trụ, vì khiến kia thành tựu nghĩa tự lợi, nên vì kia tuyên thuyết phương tiện đạo chân chánh; 3. Người tự tu tập, nhưng chưa đi đến rốt ráo, thì khiến xả bỏ những chướng nạn ở trung gian.

Nếu Bồ-tát biết tâm, căn, ý vui, tùy miên của người kia rồi, như chỗ thích hợp tùy nghi thị hiện chủng chủng môn thú nhập, khiến người kia đi vào; đây gọi là với người tâm chưa an trụ thì khiến an trụ, khiến ở nơi sở duyên buộc niệm không điên đảo. Nếu Bồ-tát tuyên thuyết để đối trị sở hành tà chấp của hai biên đoạn, thường; đây gọi là người

tâm đã an trụ, vì khiến kia thành tựu nghĩa tự lợi, nên tuyên thuyết phương tiện đạo chân chánh. Nếu Bồ-tát khiến kia đoạn trừ, xa lìa các tầng thượng mạn, chưa làm cho là làm, nói rộng cho đến chưa chứng cho là chứng; đây gọi là người tự tu tập, nhưng chưa đi đến rốt ráo, khiến xả bỏ những chướng nạn ở trung gian. Ba việc đây nên biết năng nhiếp tám tướng dạy trao.

Bồ-tát như vậy, hoặc do được chánh dạy trao từ người, hoặc do thí pháp cho người không điên đảo, năng khiến tám lực chủng tánh khác dần dần được thanh tịnh, dần dần được tăng trưởng: 1. Chủng tánh trí lực tinh lự giải thoát đẳng trì, đẳng chí; 2. Chủng tánh trí lực các căn thắng liệt; 3. Chủng tánh trí lực chủng chủng thắng giải; 4. Chủng tánh trí lực chủng chủng giới; 5. Chủng tánh trí lực vào khắp hành; 6. Chủng tánh trí lực túc trụ tùy niệm; 7. Chủng tánh trí lực tử sanh; 8. Chủng tánh trí lực lậu tận.

6. Dạy răn: Dạy răn lược có năm tướng: 1. Sự hiện hành ngăn cấm có tội; 2. Sự hiện hành khai mở không tội; 3. Nếu có người ở trong pháp ngăn

cấm, khai mở mà tạm thời hủy phạm, thì như pháp can ngăn khiến ăn năn; 4. Nếu có người ở trong pháp kia luôn luôn khinh mạn, hủy phạm, thì dùng ý vui thân thiện, không nhiễm trước, không biến đổi, như pháp quả trách, đuổi ra, khiến người kia nhớ nghĩ lại; 5. Nếu có người ở trong pháp kia năng chân chánh hành trì, thì từ ái xưng khen chân thật công đức, khiến kia hoan hỷ.

Nên biết đây nói lược năm tướng dạy răn của Bồ-tát, đó là: ngăn cấm, khai mở, can ngăn khiến ăn năn, quả trách đuổi ra, vui mừng khích lệ.

7. Phương tiện nhiếp hộ nghiệp thân, ngữ, ý của Bồ-tát: Nếu nói tóm lược thì bốn tướng nhiếp sự của Bồ-tát gọi là phương tiện. Như Đức Thế Tôn dạy: “Bồ-tát thành tựu phương tiện nhiếp vào bốn tướng nhiếp sự, mới được gọi là Bồ-tát”.

Nhân duyên nào chỉ có bốn nhiếp sự mới được gọi là phương tiện? Chư Bồ-tát lược do phương tiện nhiếp vào bốn tướng nhiếp sự như vậy, nên khắp năng nhiếp thọ, điều phục, thành thực tất cả hữu tình. Ngoài đây ra không còn tướng nào khác bốn tướng này.

Những gì gọi là bốn tướng phương tiện? 1. Phương tiện tùy nhiếp; 2. Phương tiện năng nhiếp; 3. Phương tiện khiến nhập; 4. Phương tiện tùy chuyển.

Chư Bồ-tát hành bố thí trước tiên, gọi là *phương tiện tùy nhiếp*. Vì cơ sao? Bồ-tát trước hết dụng chủng chủng tài vật để bố thí mà nhiều ích hữu tình, vì muốn khiến hữu tình kia lắng nghe, lãnh thọ những lời giảng dạy, vâng lãnh hành trì.

Kế đến Bồ-tát hành ái ngữ, như những nơi nào có kẻ ngu mê, vì muốn dứt trừ hoàn toàn sở hữu ngu si của kia, khiến kia nhiếp thọ, quán sát như lý. Bồ-tát ái ngữ như vậy nên biết gọi là *phương tiện năng nhiếp*.

Bồ-tát biết hữu tình kia đã trân trọng nhiếp thọ, quán sát đạo lý một cách chân chánh, tiếp đến hành lợi hành khiến hữu tình kia ra khỏi bất thiện, an trú pháp thiện. Bồ-tát khuyên răn hữu tình kia nỗ lực tự điều phục, kiến lập đặt để họ ở nơi an ổn. Bồ-tát lợi hành như vậy gọi là *phương tiện khiến nhập*.

Chư Bồ-tát dùng phương tiện như vậy, khiến các hữu tình được nhập vào rồi, rốt sau, nơi chánh

sự nghiệp đó cùng chung với kia tu hành, khiến kia chuyển theo. Do nhân duyên đây, khiến người được giáo hóa không nói lời này: “Ngài không tự viên mãn tịnh tín, viên mãn giới, viên mãn huệ thí, viên mãn trí tuệ, làm sao lại ở nơi thiện khéo can ngăn khiến ăn năn, quở trách đuổi bỏ và khiến nhớ nghĩ đối với người?”. Cho nên sở hành thứ tư của Bồ-tát là đồng sự nhiếp sự, gọi là *phương tiện tùy chuyển*.

Bốn tướng phương tiện của Bồ-tát như vậy, hoặc chung, hoặc riêng nhiếp lấy thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp. Đây gọi là phương tiện nhiếp lấy ba nghiệp, đối với các hữu tình, năng chân chánh nhiếp thọ, điều phục, thành thực.



Quyển 39

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỬ

Phẩm 9. BỐ THÍ

Lại nữa, Bồ-tát thứ lớp viên mãn sáu Ba-la-mật-đa, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đó là Bố thí Ba-la-mật-đa, Tịch giới Ba-la-mật-đa, An nhẫn Ba-la-mật-đa, Tinh tấn Ba-la-mật-đa, Tĩnh lự Ba-la-mật-đa, Trí tuệ Ba-la-mật-đa.

Sao gọi là **Bố-thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát?**
Ôt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó,
Tất cả môn, thiện sĩ,
Tất cả chúng, toại cầu,
Hai đời vui, thanh tịnh,
Chín chủng tướng như thế
Đây gọi lược nói thí.*

Có chín chủng tướng bố thí, gọi là Bố thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: **1.** Tự tánh thí; **2.** Tất cả thí; **3.** Khó hành thí; **4.** Tất cả môn thí; **5.** Thiện sĩ thí;

6. Tất cả chủng thí; **7.** Thỏa mãn mong cầu thí; **8.** Vui thí đời này, đời khác; **9.** Thanh tịnh thí.

1. Tự tánh thí của Bồ-tát: Chư Bồ-tát đối với tài vật của bản thân không lòng đoái tiếc, năng thí xả tất cả vật cần thí, không khiến nghĩ suy đồng hành với tham nhân đây phát khởi. Năng thí tất cả những vật thí vô tội thanh tịnh. Hai nghiệp thân, ngũ an trụ luật nghi. Tùy thuận kiến A-cấp-ma (*A-Hàm*), kiến quyết định có quả báo. Tùy theo đối tượng mong cầu mà hành huệ thí. Đây gọi là tự tánh thí của Bồ-tát.

2. Tất cả thí của Bồ-tát: Lược có hai loại: 1. Vật thí bên trong; 2. Vật thí bên ngoài.

Nếu chư Bồ-tát chỉ xả thân mình, gọi là chỉ thí vật thí bên trong. Nếu chư Bồ-tát vì thương chúng sanh sống nhờ vào thức ăn nôn mửa, nên Bồ-tát luôn luôn ăn rồi nôn lại thức uống ăn để thí cho chúng. Đây gọi là tạp thí vật thí trong và ngoài. Trừ những điều đã nói ở trên, nếu chư Bồ-tát thí tất cả những vật cần thí khác, gọi là chỉ thí vật thí bên ngoài.

Lại chư Bồ-tát lấy thân mình để thí cho người đến cầu xin lược có hai tướng: 1. Có người cầu xin toàn bộ thân, Bồ-tát liền đem thân thí cho người kia. Tùy theo ý muốn của họ mà làm việc, hệ thuộc họ, tùy thuận họ. Ví như có kẻ vì kế sinh nhai, Bồ-tát mạnh mẽ tự mình làm kẻ tôi tớ cho người. Bồ-tát như thế không tâm ái nhiễm, chỉ vì mau chóng Bồ-đề tối thắng, chỉ vì lợi ích an lạc chúng sanh, chỉ vì nhanh chóng viên mãn Bồ thí Ba-la-mật-đa, nên đem thân xá thí cho kẻ kia, theo ý muốn của kia làm việc, hệ thuộc kia, tùy thuận kia; 2. Có người chỉ cầu xin một trong số chi phần của cơ thể như tay, chân, đầu, mắt, gân, cốt, máu, thịt cho đến tủy não. Bồ-tát đều tùy theo mong muốn của kia, thấy đều thí cho.

Lại chư Bồ-tát dùng vật thí bên ngoài bố thí cho chúng sanh cũng do hai tướng: 1. Đối với kẻ cầu xin để thọ dụng, thì Bồ-tát bố thí như chỗ cần, như ý thích của kẻ kia, mặc cho kia tùy ý thọ dụng; 2. Đối với kẻ cầu xin được tự tại, Bồ-tát không cần suy nghĩ, thấy đều thí cho họ.

Lại chư Bồ-tát chẳng phải không có sự sai biệt khi sử dụng tất cả loại, tất cả sở hữu vật thí

trong ngoài để bố thí cho chúng sanh. Tức là chư Bồ-tát đây dùng chủng chủng vật thí trong ngoài, hoặc có thí cho, hoặc không thí cho đối với chúng sanh. Sao gọi là thí cho? Sao gọi là không thí cho? Chư Bồ-tát nếu biết bố thí chủng chủng vật thí trong ngoài cho chúng sanh kia, chỉ khiến họ được vui mà không làm lợi ích, hoặc không khiến họ vui cũng không làm lợi ích, thì Bồ-tát không thí cho. Nếu biết chủng chủng vật thí trong ngoài, đối với chúng sanh kia quyết chắc làm lợi ích mà không nhất định làm an vui, hoặc quyết chắc làm an vui cũng quyết chắc làm lợi ích, Bồ-tát liền thí cho.

Như vậy đã nói lược Bồ-tát nên thí, không nên thí, kế tiếp sẽ biện rộng.

Hoặc có người đến mong cầu cùng chư Bồ-tát làm bạn hữu để làm điều phi lý, bức bách, tổn hại, lừa dối, mê hoặc đối với người, thì không đem thân thí cho kẻ kia, không theo ý muốn kẻ kia mà làm, không hệ thuộc kia, không tùy thuận kia. Chư Bồ-tát thà trăm lần trở lại, ngàn lần trở lại, trăm ngàn lần trở lại tự xả thân mạng thí cho chúng sanh, trọn không theo sự sai bảo của kẻ kia, làm vui lòng kẻ kia, để rồi đối với chúng sanh gây tạo

những việc phi lý, bức bách, tổn hại, dối gạt.

Nếu chư Bồ-tát nơi việc hành thí ý vui thanh tịnh, thấy có vô lượng việc lợi ích chúng sanh hiện đang cần làm, nếu có kẻ đến cầu xin chi phần của thân thì không nên thí cho. Vì có sao? Chẳng phải Bồ-tát đối với việc hành thí ý vui không thanh tịnh, tâm sanh khiếm nhược thối lui mà khởi nghĩ: đây nên khá bố thí, đây không nên khá bố thí, đây nên thí cho, đây không nên thí cho. Bồ-tát chỉ vì muốn khiến ý vui của kẻ kia được thanh tịnh, nên tu xả việc lợi ích chúng sanh hiện tiền mà thí thân phần cho kia. Nếu ý vui của kia đã thanh tịnh, thì không nên xả bỏ việc lợi ích chúng sanh hiện tiền mà thí xả thân phần.

Lại, chư Bồ-tát nếu thấy chúng thiên ma ôm lòng não loạn, hiện đến cầu xin chi phần cơ thể, thì không nên phân chia thân thể để thí cho. Vì có sao? Chớ để chúng thiên ma kia gây tổn hại, sẽ thu hoạch tội lỗi sâu nặng bậc thượng. Như chúng thiên ma, thì đối với chúng sanh bị ma kia sai sử, nên biết cũng vậy.

Nếu có chúng sanh tâm si mê cuồng loạn đến cầu xin chi phần thân thể của Bồ-tát, cũng không

nên phân chia thân thể mà thí cho. Vì cố sao? Vì kia tâm không ổn định, không vì nghĩa lợi mà đến cầu xin, vì tâm cuồng loạn không được tự tại, phát ra vô lượng lời nói cuồng vọng; cho nên không được bố thí thân phần cho kia.

Trừ những điều đã nói ở trên, nếu có người đến cầu xin chi phần thân thể, Bồ-tát tùy theo ý muốn của họ mà thí xả thân, tùy theo ý muốn của họ mà làm, hệ thuộc họ, tùy thuận họ. Đây gọi là Bồ-tát ở nơi vật thí bên trong hoặc nên thí cho, hoặc không nên thí cho.

Lại chư Bồ-tát đối với vật thí bên ngoài, nếu có chúng sanh đến cầu xin tất cả vật loại như lửa, dao, rựa... hoặc dùng để tự hại, hoặc dùng để hại người, thì không thí cho. Nếu có chúng sanh đến cầu xin lửa, dao, rựa... hoặc dùng để nhiều ích mình, hoặc để nhiều ích người, tức liền thí cho.

Lại chư Bồ-tát không lấy những vật thuộc sở hữu người khác, không được sự đồng ý của họ mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát không làm mai mối, đem thể thiếp của người mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát không dùng vật thực ăn uống

có trùng giòi mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát nếu thấy chúng sanh đến cầu xin chũng chũng vật năng dẫn phát việc vui chơi, năng dẫn phát việc vô nghĩa, thì không thí cho. Vì có sao? Nếu thí cho kia, tuy tạm thời khiến kia sanh tâm vui mừng đối với Bồ-tát, nhưng kẻ kia nường dây rộng gây tạo vô số việc không lợi ích. Tức là do sự bố thí đây, khiến kia hành nhiều kiêu căng, phóng dật, ác hạnh, đến khi thân hoại mạng chung sẽ đọa vào các đường ác. Nếu Bồ-tát tuy cũng thí cho chũng chũng vật dụng để vui chơi, nhưng không khiến chúng sanh sa vào các đường ác, cũng không tăng trưởng các căn bất thiện, chỉ vì muốn khiến kia được nhiếp thọ nhiều ích, sanh tâm tịnh tín. Bồ-tát nhân đây dễ dàng giáo hóa, dễ dàng thành thực, nên tùy mong cầu của kia, thấy đều thí cho.

Chư Bồ-tát nếu thấy có người đến cầu xin các vật dụng để vui chơi, cái gì nên thí cho, cái gì không nên thí cho? Chư Bồ-tát trọn không thí những vật dụng sẵn bán cho người. Hoặc trong các lễ cúng tế tạp uế, chiêu tập nhiều người, nhiều phương tiện, tổn hại nhiều thân mạng, thu hoạch

vô lượng tội, Bồ-tát đối với các lễ cúng tế kia trọn không tự làm, cũng không dạy người làm. Hoặc nơi các miếu thờ trời, cũng không giết vật để cúng tế. Hoặc có người vì muốn sát hại sinh mạng của vô lượng chúng sanh, nên đến cầu xin hoặc nước hoặc đất, là chỗ sinh sống của kia, Bồ-tát đã biết trọn không thí cho. Hoặc có người đến xin những vật như lưới đánh cá, bẫy thú, bắt chim... để làm hại chúng sanh, hoặc để tập thử, Bồ-tát đều không thí cho. Hoặc có oan gia vì muốn trả báo sự hiềm khích, vì muốn mắng chửi, trói cột, giết hại, trị phạt, tranh đoạt tài bảo mà đến cầu xin, Bồ-tát trọn không thí cho.

Tóm lại, tất cả vật dụng dùng để vui chơi, dùng để bức bách tổn hại chúng hữu tình, có người đến cầu xin Bồ-tát đều không thí cho. Nếu lại có người vì ham muốn mà đến cầu xin chũng chũng voi, ngựa, quân, xe, y phục, hương hoa trang sức, thức ăn uống thượng diệu, các loại nhạc khí để tập đàn ca hát xướng; chũng chũng thứ để vui chơi như vườn, rừng, lầu, quán, nhà, chợ, nữ hầu; tập học chũng chũng nghề nghiệp công xảo... Tất cả dụng cụ để vui chơi như vậy, vì muốn khiến kia nhân

đây phát khởi tín tâm thanh tịnh, thì Bồ-tát thấy đều thí cho.

Lại chư Bồ-tát hoặc thấy có người bệnh đến cầu những vật thực ăn uống quá lượng, không phù hợp, thì cũng không thí cho. Hoặc có chúng sanh đã ăn uống no đủ rồi, nhưng tánh tham ăn, luôn tham cầu quan tâm đến thức ăn uống mỹ diệu, thì cũng không thí cho. Hoặc có chúng sanh bị ưu sầu bức bách, muốn cầu được sát hại, như đánh đập thân thể, uống thuốc độc, thả mình từ núi cao rơi xuống, nhảy xuống vực sâu, tự thiêu mình... Bồ-tát đều không được thí cho theo mong cầu của kia.

Lại, chư Bồ-tát nếu thấy người đến cầu xin cha mẹ, sư trưởng, thì quyết định không được thí. Vì có sao? Chư Bồ-tát đối với cha mẹ, sư trưởng là những người có ân sâu dày nuôi dưỡng dạy dỗ, ở trong đêm dài thường tự đặt ân đây trên đánh đầu mình, hằng thời đem thân tùy thuận kính vâng, không sanh nhàm mỏi. Nhẫn đến bị giết hại, trói cột, chửi mắng, mua bán, vẫn còn không dám ôm tâm trộm nghĩ thí cho, hà huống đem thí cho người đến cầu xin!

Lại, chư Bồ-tát nếu làm Quốc vương quán đánh

tự tại thống lãnh bờ cõi, đối với quan dân trong nước, trọn không được cướp đoạt vợ con người này để chuyển thí cho người khác. Chỉ giữ gìn tự lạc, thôn xóm, sông núi, đất đai, lầy đây hoặc hoàn toàn, hoặc chia nhỏ dùng để bố thí, rồi nói với người được thí rằng: “Như sự ân hóa của ta đây, người cũng nên làm như vậy”.

Lại chư Bồ-tát đối với quyến thuộc, thân thích, vợ con, nô tỳ, nô bộc của mình, nếu trước không dùng lời lẽ chân chánh, hợp tình dẫn dụ khiến họ hoan hỷ, thì trọn không được cưỡng bức đem bố thí cho người cầu xin, khiến họ sanh ưu não. Tuy trước kia đã dùng lời lẽ chân chánh hợp tình dẫn dụ, khiến họ hoan hỷ sanh lòng vui thuận, nhưng cũng không được thí cho người hung bạo, oan gia, bạn ác, dục-xoa, la-sát. Không được đem vợ con, hoặc nam nữ trong dòng tộc có thể lực yếu đuối mà thí cho người đến cầu xin để làm tội tở.

Lại chư Bồ-tát thấy người bức não chúng sanh tội bậc, người thích gây chủng chủng nghiệp bạo ác, đến cầu chức vị, thì không được thí cho. Nếu kẻ bạo ác kia đang ở chức vị, Bồ-tát có quyền lực hơn còn phải phế truất, hướng là thí cho.

Lại chư Bồ-tát trọn không xâm đoạt tài bảo của thân thích, quyến thuộc, cha mẹ, vợ con, tôi trai tớ gái, lấy đó dùng bố thí; cũng không bức nã họ, lấy tài vật được thí để thí cho người đến xin.

Lại chư Bồ-tát dùng chánh pháp, không dùng tội bạo để tích lũy tài vật mà hành huệ thí. Không dùng phi pháp, không dùng tội bạo, cũng không dùng bức bách tổn nã đối với người mà hành huệ thí.

Lại chư Bồ-tát nếu ở trong thánh giáo của chư Phật mà xuất gia, trọn không trái vượt học xứ đã thọ mà hành huệ thí.

Lại chư Bồ-tát lúc hành huệ thí, phải rộng khắp tất cả hữu tình, khởi tâm bình đẳng, trụ tướng phước điền mà hành huệ thí. Trọn không phân biệt dạng người sai biệt: người oán, người thân, người không oán thân, người có đức, không đức, người xấu, tốt, người có khổ, có vui...

Lại chư Bồ-tát như điều trước kia đã hứa, đã nói, trọn không được giảm bớt khi người đến cầu xin, chỉ được bố thí ngang bằng hoặc hơn thế.

Lại chư Bồ-tát trọn không được trước hứa bố thí tài vật tốt đẹp, mà về sau lại bố thí tài vật xấu

kém. Nếu trước kia đã hứa thí cho tài vật xấu kém, mà có tài vật tốt đẹp, sau đó bố thí tài vật tốt đẹp ấy thì được phép.

Lại chư Bồ-tát không dùng hai ý, không đem tâm giận dữ, tháo động, tạp loạn mà hành huệ thí.

Lại chư Bồ-tát trọn không thí rồi mà lại tự xưng khen, như luôn dùng nhiều lời bảo rằng: “Tôi đã từng hành huệ thí cho ông như thế, như thế, nhiếp thọ nuôi sống cứu vớt ông”.

Lại chư Bồ-tát đối với kẻ hạ tiện, khi hành bố thí hãy còn không được bất kính, ném vất mà thí cho, hà huống đối với bậc có đức.

Lại chư Bồ-tát, nếu người đến cầu xin hành chủng chủng tà hạnh, hủy phạm, trạo cử, quấy nhiễu, không tự phòng hộ, chuyên hành mắng chửi, sân hận, trách móc... trọn không đối với kẻ kia tạm khởi tà hạnh, khởi tâm mỗi một mà hành huệ thí. Vì rõ biết kẻ kia bị phiền não vây bủa khiến biến đổi tâm tánh, nên Bồ-tát lại càng an trụ tâm lân mẫn sâu xa mà hành huệ thí.

Lại chư Bồ-tát không do ác kiến, hư vọng chấp thủ mà hành huệ thí. Như những lễ cúng tế bạo ác, chẳng được mưu tính sát sanh cho là như pháp bố

thí, cũng không được hư vọng chấp thủ tướng trạng tương ưng với điềm kiết hung mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát trọn không vọng tính vì tất cả chủng thanh tịnh cực thiện mà hành huệ thí, đó là vì ly dục thanh tịnh của thế gian và xuất thế gian; chỉ rõ biết việc hành bố thí như thế là tư lương thanh tịnh của việc ly dục.

Lại chư Bồ-tát không quán xét quả mà hành huệ thí. Tất cả việc bố thí chỉ vì hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại chư Bồ-tát như thật rõ biết tất cả phẩm loại sở hành bố thí, sanh tin hiểu sâu sắc quả thí dị thực của tất cả phẩm loại thí; không do duyên khác, không do người dẫn mà hành bố thí. Đó là tin hiểu thí thức ăn uống năng cảm sự khỏe mạnh, thí các y phục năng cảm diệu sắc, thí các loại xe năng cảm vui vẻ khoái lạc, thí tất cả các loại đèn sáng năng cảm được mắt thanh tịnh. Tất cả loại như vậy nên biết nói rộng.

Lại chư Bồ-tát không vì lo sợ tự thân bần cùng mà hành bố thí, chỉ vì ý vui thương xót chúng sanh mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát đối với kẻ đến cầu xin, trọn

không thí cho những vật không hợp với phép tắc. Như thí cho người xuất gia những thức ăn uống dư thừa, hoặc các vật tạp nhiễm các loại bất tịnh, nước dãi, máu mủ... mà không nói rõ khiến người nhận không biết; thí cơm cháo... không như pháp, như người không ăn hành mà lại thí hành trộn lẫn vào thức ăn, người không ăn thịt mà lại thí thịt trộn lẫn vào thức ăn, người không uống rượu mà lại thí rượu trộn lẫn vào thức ăn. Hoặc lại sắp xếp công việc không hợp với phép tắc mà hành bố thí. Hết thấy loại bố thí không hợp với phép tắc như vậy, Bồ-tát trọn không làm.

Lại chư Bồ-tát không được để người đến cầu xin phải qua lại nhiều lần, thân mệt gần gũi, tới lui mỗi mệt, rồi sau mới thí; chỉ vừa đến cầu xin phải liền thí cho.

Lại chư Bồ-tát không vì danh tiếng xưng khen của thế gian mà hành bố thí, không nương sự báo đáp ân đức của người mà hành bố thí, không nương quả Đế Thích, Ma vương, Luân vương, Tự tại... mà hành bố thí. Lại cũng không lừa dối, dụ dỗ mà hành bố thí, như muốn khiến quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, trưởng giả nhiều tài bảo, thương

chủ, các thí chủ biết mình hành bố thí, nhằm sanh tâm tôn trọng, cung kính, tán thán, cúng dường.

Lại chư Bồ-tát không hẹp kém mà hành huệ thí, tuy có ít tài bảo vẫn còn rộng lòng thí, hà huống có nhiều tài bảo.

Lại chư Bồ-tát không vì lừa dối người mà hành huệ thí, như là trước đối với kẻ kia hành huệ thí chút ít khiến họ sanh lòng yêu mến, gần gũi nương tựa, sau lại hãm hại tiêu diệt họ.

Lại chư Bồ-tát không vì trái nghịch chia rẽ người khác mà hành huệ thí, như khởi nghĩ: “Ta dùng thí đây để chia rẽ một phần thôn xóm, hoàn toàn thôn xóm; chia rẽ một phần đất nước, hoàn toàn đất nước, khiến người phản bội lại chủ, trở lại quy phục nơi ta”.

Lại chư Bồ-tát mạnh mẽ siêng năng không lười biếng, phát khởi sự linh hoạt, dũng mãnh nhạy bén tự nghiêm thân, trước tự hành bố thí, sau khuyến phát khích lệ người hành bố thí. Không được bản thân mình ít bố thí, mà lại khuyến phát người khác tinh cần bố thí.

Lại có vô lượng người cùng tụ tập đến cầu xin, Bồ-tát như thật rõ biết người trì giới, người phạm

giới, tùy theo lớn nhỏ mà sắp đặt chỗ ngồi thứ tự từ trên xuống dưới, phân phát các vật thí đầy đủ, đồng đều, giáp vòng trở lại.

Lại chư Bồ-tát hiện có vô lượng tài bảo rộng nhiều, trọn không được hạn lượng mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát không tổn não người mà hành huệ thí, tức là không được quở trách, thóa mạ, đánh đập, khủng bố, hủy nhục, trói buộc, gia hại, đuổi người này mà lại hành bố thí cho người kia.

Lại chư Bồ-tát trước khi thí, ý vui; đang lúc thí, tâm thanh tịnh; sau khi thí, tâm không hối tiếc.

Lại chư Bồ-tát lòng không siểm nịnh đối trá mà hành huệ thí, tức là trọn không được đem trần châu, ma-ni, loa bối, ngọc bích, san hô giả mà thí cho người, hy vọng có được trần bảo thật.

Lại chư Bồ-tát sở hữu tài vật hoặc ít hoặc nhiều, tâm không được thay đổi, tức là không được trước đã thí tất cả, sau cầu xin lại. Phải xem tài vật đã thí như hoàn trả vật cho người.

Lại chư Bồ-tát thí đúng thời, không thí phi thời; mình người tịnh thí, không phải không thanh tịnh; hợp phép tắc mà thí, không được không hợp

phép tắc; tâm không loạn mà thí, không được tán loạn.

Lại chư Bồ-tát thấy người đến cầu xin, trọn không cười nhạo, khinh khi, đùa cợt, cũng chẳng khiến người đỏ mặt hổ thẹn, cũng chẳng cau mày khó chịu. Nét mặt thư thái, mắt nhìn ôn hòa, trước cười sau nói, trọn không được trì hoãn, phải nhanh chóng mà hành thí.

Lại chư Bồ-tát tuy thấy người không cầu xin, nhưng biết người kia đang có ý cầu xin mình, nên đáp ứng thích hợp nhu cầu của kia, lại thêm cởi mở khiến kia vui vẻ nhận lấy.

Lại chư Bồ-tát không dùng ác tuệ, thường dùng tuệ khéo mà hành bố thí. Sao gọi là Bồ-tát dùng tuệ khéo mà hành bố thí? Chư Bồ-tát hiện có vô số tài vật dùng để bố thí, nhưng người cầu xin chưa đến, trước phát tâm này: “Giả sử có hai người cùng đến cầu xin ta, một người an vui, chẳng nghèo khó, chẳng bần cùng, có nơi nương tựa, một người nghèo cùng, khốn khổ, thiếu thốn, không nơi nương tựa. Ngay lúc bấy giờ, tự ta phải dự đoán để phân phát tài vật đúng lượng hiện có. Nếu có thể khiến cả hai đều đầy đủ mãn nguyện, thì nên thí cho cả hai.

Nếu tài vật không thể khiến cả hai được đầy đủ mãn nguyện, thì phải phương tiện đối với người thứ nhất, còn dùng hết tài vật thí cho người thứ hai”. Phát tâm như vậy rồi, như điều đã tư duy tức liền thực hiện. Đối với người an vui đến cầu xin, Bồ-tát không đủ khả năng khiến kia đầy đủ mãn nguyện, nên trước phương tiện phát ý tư duy, dùng lời từ tạ: “Tôi đã hứa dùng vật đây để thí cho người có hoàn cảnh bần cùng khốn khổ, nên nay tôi phải thí cho họ. Chẳng phải tôi đối với ông không tâm vui thí, chỉ vì khả năng của tôi có hạn, mong ông chớ đối với tôi mà sanh tâm oán giận trách hờn”.

Lại chư Bồ-tát hiện có chủng chủng tài vật dùng để bố thí, biết có nhà hà tiện rất keo kiệt, tiếc rẻ tài bảo, luôn lo âu sợ hãi, họ chưa từng huê thí cho một Sa-môn, Bà-la-môn. Bồ-tát liền đi đến nhà đó, trước mở lời thăm hỏi vấn an, sau dùng phương tiện kính thuận cất lời: “Tôi không khiến tài bảo của ông giảm bớt, mà chỉ khiến ông làm được việc nhiều ích lớn trong hiện tại. Nhà tôi hiện có nhiều tiền của, nhiều vật dụng dùng để bố thí, vì tôi muốn viên mãn Bố thí Ba-la-mật-đa, nếu có người đến nhà ông cầu xin, chớ để họ về không,

hãy đến nhà tôi để lấy tài vật, tùy ý thí cho họ. Nếu có người đến nhà tôi cầu xin, khi tôi hành thí, mong ông đối với việc thí đây nên sanh tâm tùy hỷ”. Kia nghe lời đây rồi, liền sanh vui mừng hoan hỷ: “Như vậy tài bảo của ta không bị khuyết giảm, lại được tán thán là người có tấm lòng thiện. Vì vậy ta nên tùy thuận để thành tựu việc làm này”. Bồ-tát hành như vậy khiến kia dần dần gieo trồng hạt giống điều phục keo lẩn. Do Bồ-tát lấy tuệ làm tiền dẫn, kể đến phương tiện khéo léo, khiến kia dần dần tu tập, tự xả chút ít tài vật của mình, từ không tham bậc hạ tiến lên bậc trung, từ không tham bậc trung tiến lên bậc thượng.

Lại chư Bồ-tát hoặc làm Thân giáo sư, hoặc làm Quỹ phạm sư cùng cộng trú với đệ tử và đồng phạm hạnh. Họ có tánh tham lam keo kiệt, thuộc loại tham sển; hoặc tánh tuy chẳng phải chủng loại tham sển, nhưng thiếu tiền của, thiếu những vật cần thiết. Vì muốn kia gieo trồng vào ruộng Phật Pháp Tăng, nên khi họ lãnh thọ sự nghiệp tu phước thí, Bồ-tát tự lấy vật của mình đem khiến kia làm, tự mình không làm. Bồ-tát có tuệ khéo phương tiện, lại khiến cho người đồng phạm hạnh kia điều phục

được phiền não keo tham, cũng khiến cho người vui thích thiện pháp, sở nguyện được viên mãn, nhiếp thọ hữu tình, thành thực hữu tình.

Lại, chư Bồ-tát hiện có nhiều tài vật dùng để bố thí, khi thấy người đến có ý mong cầu, Bồ-tát biết tâm kia rồi liền tùy theo chỗ thích thấy đều thí cho.

Lại có thương nhân tánh gian trá, muốn phỉnh gạt, Bồ-tát đã biết nhưng khéo ẩn giấu lỗi họ, không để người khác biết, huống là xúc não đối với kia. Thỏa mãn mong muốn của họ, khiến kia không e ngại, xấu hổ, lo sợ, mà chỉ vui vẻ ra đi.

Lại có người gian trá lừa dối, Bồ-tát ban đầu không biết, sau mới biết rõ. Tuy biết rõ cũng chẳng đem việc đây mà rêu rao lỗi xấu của kia, cũng chẳng quở trách khiến người kia nhớ nghĩ, chỉ sanh lòng bi悯: “Kia đối với ta đã lỡ hành động lấy vật không cho như thế, ta nên tùy hỷ khiến kia vô tội”. Hết thấy việc làm như vậy, nên biết gọi là Bồ-tát hiện có tài vật dùng để thí, dùng tuệ khéo léo mà thí.

Lại chư Bồ-tát nếu hiện không có tài vật để bố thí, trước đã tập học thành thực khéo léo đối

với các ngành nghề của thế gian, hiện tiền tác ý ít tốn công sức mà thu hoạch nhiều tài bảo, dụng đây thí cho chúng sanh. Chư Bồ-tát đây lại vì người mà sử dụng chủng chủng ngôn từ khéo léo mỹ diệu tuyên thuyết chánh pháp, khiến kẻ bần khổ còn vui hành thí, hà huống kẻ giàu sang; khiến kẻ keo tham còn chuyên tâm hành thí, hà huống người đang tu tập hạnh bố thí. Nếu có nhà tịnh tín nhiều tài bảo thường vui hành thí, Bồ-tát giới thiệu người cầu xin đến nhà kia để họ hành thí. Hoặc lúc người kia huệ xả, tu nghiệp phước, Bồ-tát tự đi đến nhà kia, siêng năng chăm chỉ vượt bậc, không lười nhác, khởi sự linh hoạt, thân tâm hoan hỷ, tùy sức lực, tùy khả năng giúp đỡ từ thân cho đến lời nói, khiến việc huệ thí được đầy đủ tốt đẹp. Trong lúc hành thí, người kia mắc phải lỗi do sức lực, tài vật bị thiếu thốn ít ỏi, hoặc cung cấp những vật thô xấu, hoặc bị rơi vào các việc ác, hoặc bị bạn xấu hủy hoại, hoặc không lòng cung kính, hoặc quên mất không nhớ... Bồ-tát khéo léo giúp đỡ nên tất cả lỗi kia đều không hiện hành. Bồ-tát như vậy hiện không có tài bảo, nhưng có phương tiện tuệ khéo mà hành huệ thí. Đây nói đến các Bồ-tát

chưa chứng ý lạc thanh tịnh tăng thượng. Nếu các Bồ-tát đã chứng ý lạc thanh tịnh tăng thượng, không còn đi vào các đường ác, thì đời đời nhất định thành tựu tài bảo vô tận.

Lại chư Bồ-tát trọn không dùng miệng cầu thỉnh chánh pháp cho ngoại đạo, cũng chẳng biên chép kinh điển để thí cho kia. Bồ-tát biết người đến cầu xin có tánh nhiều tham cầu, muốn khoe khoang, buôn bán kinh sách, cũng không được thí cho. Kẻ kia muốn biết tạng bí mật, cũng không thí cho. Người đến cầu xin không cầu thắng trí cũng không thí cho, nhất định phải cầu thắng trí mới thí cho. Nếu rõ biết tự mình đối với nghĩa trong quyển kinh đã được đầy đủ, đã biện biệt được, thì tùy ý muốn như chỗ thích hợp mà thí cho. Nếu Bồ-tát tự rõ biết mình chưa hiểu đầy đủ nghĩa của kinh, cần phải hằng thường tự mình khai mở, thì phải cân nhắc đối với việc thí pháp đây. Bồ-tát như vậy nếu thấy nơi khác có quyển kinh, tức nên phương tiện cầu xin để thí cho, hoặc lại biên chép để thí cho kia. Nếu thấy nơi khác không có quyển kinh, cũng không có khả năng biên chép, tức liền quán sát sâu kỹ tâm mình: “Có đúng là ta đối với

pháp này không rơi vào tâm keo lẩn mà chẳng thí cho kia ư? Có đúng là ta đối với pháp này không rơi vào ý riêng ngăn ngại mà chẳng thí cho kia ư? Hay vì ta đối với pháp có điều cần thiết hơn, nên không thí cho ư?”. Như vậy đã chiếu soi quán sát sâu xa trong tâm rồi, nếu tự rõ biết có chút keo lẩn, ý riêng ngăn ngại đối với pháp đây, khiến không thể thí, tức khởi nghĩ này: “Ta nay quyết định phải hành pháp thí. Giả sử do ta hành thí pháp đây mà ở hiện pháp thành ngu si, tâm ngọng, phiền não không thể kham chịu, còn phải hành thí pháp, hà huống chỉ thiếu thốn tư lương diệu trí”. Lại nếu Bồ-tát quán sát rồi tự rõ biết ở nơi pháp đây không có chút keo lẩn, cũng không có ý riêng ngăn ngại, chỉ vì muốn thành tựu nghĩa tu tập thù thắng hơn mà không thí cho người, Bồ-tát bấy giờ lại nên suy nghĩ: “Ta đem pháp đây thí đối với kia, mà vẫn đoạn trừ được phiền não của mình chăng? Mà vẫn khiến viên mãn tư lương trí huệ chăng? Là nghĩ thương chúng sanh chăng?”. Đã suy nghĩ rồi, liền chánh rõ biết: “Ta nhận thấy tự mình không có phiền não, nếu không thí cho kia quyến kinh đây, thì tư lương trí tuệ hiện tại, vị lai của ta triển

chuyển càng thêm thù thắng. Ta thí cho kia thì không thể kiến lập được công đức này, chỉ khiến ở đời vị lai người kia nhận mỏng pháp lợi, không khiến pháp tuệ phong phú thêm. Nếu không thí cho kia, ta có khả năng tu tập trí phương tiện thiện xảo làm lợi ích an lạc tất cả chúng sanh, như thế là thương nhớ một chúng sanh đây và tất cả người khác. Nếu thí cho kia, chỉ là thương nhớ một chúng sanh đây, chẳng phải tất cả chúng sanh”. Bồ-tát như thật biết như vậy rồi, chẳng thí cho kia thì không tội, không hối hận, cũng không trái vượt tịnh giới Bồ-tát.

Sao gọi là Bồ-tát phương tiện không bố thí? Nghĩa là Bồ-tát không nói thẳng với người đến cầu xin: “Tôi chẳng thể huệ thí cho ông”, chỉ dùng phương tiện khéo léo dẫn dụ khiến kia bỏ đi.

Sao gọi là dùng phương tiện khéo léo? Nghĩa là Bồ-tát trước tiên phải tác tịnh đối với tất cả vật dụng tích chứa, tất cả vật thí, dùng ý lạc thanh tịnh cúng dường mười phương chư Phật, Bồ-tát. Giống như Bí-sô tác tịnh đối với y áo, vật dụng của mình, sau mới cúng dường cho Thân giáo sư, Quý phạm sư.. Nhân duyên Bồ-tát tịnh thí như vậy, tuy

tích chứa vô số vật dụng tốt đẹp, tất cả vật thí, nhưng vẫn được gọi là an trụ thánh chủng, sanh vô lượng phước. Thường ở nơi phước đây tư duy hơn nữa, mọi lúc theo đuổi, tăng trưởng hành như vậy; hằng tác tịnh đối với tất cả vật thí, như chỗ Chư Phật, Bồ-tát gởi gắm giữ gìn. Bồ-tát thấy người đến cầu xin liền quán sát, tùy theo chỗ muốn của kia, trước tác tịnh; lúc hành huệ thí phải xứng hợp chánh lý, khởi nghĩ rằng: “Chư Phật, Bồ-tát không vật gì mà chẳng bố thí cho chúng sanh”. Suy nghĩ như vậy rồi, liền lấy vật thí đã tác tịnh mà thí cho người, khiến kia được đầy đủ mãn nguyện. Nếu quán sát việc hành huệ thí đây không đúng chánh lý, trước nên nhớ nghĩ làm pháp thí thanh tịnh, bảo rằng: “Hiền thủ! Tất cả vật đây là sở hữu của người khác, không thể thí cho ông”. Bồ-tát dùng lời nhu nhuyễn, phương tiện hiểu dụ khiến kia ra đi. Hoặc Bồ-tát dùng vật khác, số lượng tăng gấp hai, gấp ba, cung kính thí cho. Sau đó khiến kia ra đi và biết rằng: “Bồ-tát đây không vì lẩn tiếc mà không muốn thí cho ta, quyết chắc kinh sách đây vì ấy không được tự tại, nên không thể thí cho ta”. Đây gọi là Bồ-tát có tuệ khéo mà hành pháp thí.

Lại chư Bồ-tát ở nơi tất cả loại thí: pháp thí, tài thí, vô úy thí, hoặc môn khác, hoặc thể tướng, hoặc giải thích tên, hoặc nhân quả sai khác, như thật rõ biết mà hành huệ thí. Đây cũng gọi là Bồ-tát có tuệ khéo mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát đối với người oán, dùng ý vui từ mà hành huệ thí. Đối với người khổ, dùng ý vui bi mà hành huệ thí. Đối với người có đức, dùng ý vui hỷ mà hành huệ thí. Đối với người có ân, thân thiện, cùng chung ý hướng, dùng ý vui xả mà hành huệ thí. Đây cũng gọi là Bồ-tát có tuệ khéo mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát đối với chướng ngại trong việc hành bố thí và các pháp đối trị chướng kia, như thật rõ biết. Trong đây *chướng ngại của bố thí* có bốn dạng: 1. Trước kia chưa tập quen thường xuyên; 2. Vật thí ít ỏi, thiếu kém; 3. Đắm trước tài vật tốt đẹp thích ý; 4. Quán thấy vị lai được quả tài bảo đầy đủ nên sanh vui sướng.

Nếu chư Bồ-tát hiện có chủng chủng tài vật dùng để thí, hiện tiền tuy thấy có người đến cầu xin, mà ở nơi việc huệ thí đây tâm không thú nhập. Bấy giờ Bồ-tát nhanh chóng dùng chánh tuệ

thông đạt: “Đây là lỗi do ta trước kia chưa thường xuyên tập hành bố thí”. Lại dùng diệu tuệ thông đạt như vậy: “Ta ở đời trước nhất định chưa từng tu tập thường xuyên, nên đời hiện tại đây tuy ta có nhiều tài vật dùng bố thí, hiện tiền có người đến cầu xin, mà đối việc huệ thí đây tâm ta chẳng đoái hoài hướng đến. Nếu đời này ta không suy nghĩ mạnh mẽ mà hành bố thí, thì ở đời sau nhất định sẽ chán ghét với hạnh bố thí nên làm”. Bồ-tát chánh thông đạt như vậy làm đối trị, cố gắng quyết tâm hành huệ thí, không đuổi theo thói quen lỗi lầm của đời trước, liền được tự tại trong việc hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát hiện tiền tuy thấy có người đến cầu xin, vì tài vật thiếu thốn ít ỏi, nên đối với việc huệ thí đây tâm không thú nhập. Bấy giờ Bồ-tát liền nhanh chóng dùng chánh tuệ thông đạt: “Chớ để nhân duyên thiếu thốn như vậy làm chướng ngại bố thí, ta nên nhẫn thọ các khổ thiếu thốn”. Bồ-tát nỗ lực tư trạch, khởi tâm bi mẫn mà hành huệ thí. Lại tác nghĩ: “Hoặc do lỗi lầm của nghiệp đời trước, hoặc do hiện tại hệ thuộc người khác, khiến ta phải chịu đủ mọi nỗi thống khổ của sự

thiếu thốn và đói rét, không thể làm nhiều ích cho tất cả chúng sanh. Giả sử ngày nay ta vì hành trì huệ thí nhiều ích người, mà hiện đời phải thọ vô lượng khổ cho đến mất mạng, thì việc hành thí đây vẫn thật sự tối thắng, không khiến người đến xin phải tay không ra về như vậy. Hướng chi ta lại có các loại rau lá để tự nuôi sống”. Bồ-tát nhấn thọ các khổ do thiếu thốn như vậy mà hành huệ thí.

Lại chư Bồ-tát hiện tiền thấy có người đến cầu xin, do vật dùng để thí quá yêu thích, quá tốt đẹp, nên đối với việc hành huệ thí đây tâm không thú nhập. Bồ-tát lúc bấy giờ liền nhanh chóng dùng chánh tuệ thông đạt: “Ta bị lỗi lầm do đắm trước gây nên. Ta nay ở nơi khổ mà phát khởi hư vọng điên đảo tưởng cho là vui, do đây năng sanh nhiều thứ khổ ở đời vị lai”. Bồ-tát khắp rõ biết điên đảo đây, vì muốn đoạn trừ, nên nỗ lực tư duy phân tích, dùng tài vật đây mà hành huệ thí.

Lại nếu chư Bồ-tát hành thí rồi, thấy công đức thù thắng đối với quả dị thực có được tài bảo rộng lớn ở đương lai, nên sanh vui mừng quá độ, không cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Bồ-tát lúc bấy giờ liền nhanh chóng dùng chánh tuệ thông

đạt: “Đây là lỗi do có cái thấy sai lầm về quả gây ra”, như thật quán sát: “Tất cả các hành đều không bền chắc, tất cả các hành đều niệm niệm sanh diệt. Quả thọ dụng nhanh chóng diệt mất, nhanh chóng tan hoại”. Khi quán như vậy, liền năng đoạn diệt cảm xúc vui mừng quá độ, tất cả các việc hành thí đều hồi hướng Vô thượng Bồ-đề.

Bốn chương ngại cho việc hành bố thí của Bồ-tát như vậy, nên biết phát khởi bốn chủng trí năng đối trị: 1. Thông đạt; 2. Nhẫn thọ các khổ; 3. Biết khắp diên đảo; 4. Thấy tất cả hành tánh không bền chắc. Chư Bồ-tát đây dùng ba chủng trí năng đối trị trước, quyết định có khả năng kham nhiệm thực hành huệ thí. Dùng một chủng trí năng đối trị sau, năng chánh nhiếp thọ quả phước thù thắng. Đây cũng gọi là Bồ-tát có tuệ khéo mà hành bố thí.

Lại chư Bồ-tát sống trong chốn nhàn tịnh, do ý lạc thanh tịnh, thuần hậu tịnh tín, thắng giải phân biệt luân duyên niệm vô lượng tài bảo thượng diệu, dùng lực thắng giải mà vui hành huệ thí cho chúng sanh. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát chỉ dùng ít dụng công, nhưng sanh vô lượng phước. Đây cũng gọi là Bồ-tát có tuệ khéo mà hành bố thí.

Như vậy, chư Bồ-tát có tuệ vi diệu, có tuệ rộng lớn, dùng tuệ khéo mà hành bố thí. Tóm lược nghĩa chung: do có tài bảo, không có tài bảo nhiếp thuộc tài thí, do pháp thí, do vô ngại giải thí, do ý vui thù thắng thí, do trí tuệ năng đối trị chướng ngại thí, do tăng thượng ý vui thắng giải thí, nên biết gọi là hành không cùng chung của chư Bồ-tát, chỉ có ở chư Bồ-tát mà thôi.

Như vậy đã nói tất cả tướng thí sai biệt sở hành của chư Bồ-tát ở các việc trong ngoài. Từ đây về sau, ở nơi tất cả tướng thí sai biệt phân ra các tướng khó hành bố thí khác cần phải rõ biết.

3. Khó hành thí của Bồ-tát: Nên biết thí đây lược có ba tướng: 1. Nếu chư Bồ-tát có ít tài vật, tự mình nhẫn chịu nghèo khổ để thí cho người khác, đây gọi là khó hành thí thứ nhất của Bồ-tát; 2. Nếu chư Bồ-tát đối với vật khả ái, hoặc tánh yêu thích mê đắm, hoặc sanh yêu thích tột độ, hoặc thường xuyên tập quen, hoặc người có ân bậc thượng, mà năng tự mình giải mở, đem vật ấy để huệ thí cho người, đây gọi là khó hành thí thứ hai của Bồ-tát. Như đối với vật khả ái, thì vật quá thù diệu,

cực sanh đấm trước nên biết cũng vậy; 3. Nếu chư Bồ-tát rất khó khăn vất vả mới có được tài vật, mà lại dùng vật đây để huệ thí cho người, đây gọi là khó hành thí thứ ba của Bồ-tát.

4. Tất cả môn thí của Bồ-tát: Nên biết thí đây lược có bốn tướng, đó là: chư Bồ-tát hoặc dùng tài vật do mình tự có, hoặc dùng tài vật do khuyến hóa người khác mà có, rồi thí cho thân thuộc, cha mẹ, vợ con, tôi trai tớ gái, bạn bè, đại thần, quốc thích, hoặc lại thí cho người khác đến cầu xin. Đây gọi là tất cả môn thí của Bồ-tát.

5. Sở hành thiện sĩ của Bồ-tát, gọi là thí của bậc Thiện sĩ: Nên biết thí đây lược có năm tướng. Đó là: chư Bồ-tát tịnh tín bố thí, cung kính bố thí, tự tay bố thí, đúng thời bố thí, không tổn não người mà hành huệ thí. Đây gọi là sở hành thiện sĩ của Bồ-tát, gọi là sự bố thí của bậc Thiện sĩ.

6. Tất cả chủng thí của Bồ-tát: Nên biết thí đây có 13 tướng: 1. Bố thí không nương tựa; 2. Bố thí rộng lớn; 3. Bố thí vui vẻ; 4. Bố thí thường

xuyên; 5. Bồ thí những vật dụng thuộc ruộng thí; 6. Bồ thí những vật dụng không thuộc ruộng thí; 7. Bồ thí tất cả vật; 8. Bồ thí ở tất cả xứ; 9. Bồ thí ở tất cả thời; 10. Bồ thí không tội; 11. Bồ thí vật là hữu tình; 12. Bồ thí vật là ruộng đất; 13. Bồ thí vật là tiền của, lúa thóc. Đây gọi là tất cả chủng thí của Bồ-tát.

7. Thỏa mãn mong cầu thí của Bồ-tát:

Nên biết thí đây lược có 8 tướng: 1. Có người thiếu thốn vật thực ăn uống đến cầu xin, Bồ-tát liền đem thức ăn uống mà thí cho; 2. Có người thiếu thốn phương tiện đi lại đến cầu xin, liền đem phương tiện đi lại mà thí cho; 3. Có người thiếu thốn y phục đến cầu xin, liền đem y phục mà thí cho; 4. Có người thiếu thốn vật dụng trang nghiêm thân đến cầu xin, liền đem vật dụng trang nghiêm thân mà thí cho; 5. Có người thiếu thốn tạp vật nuôi thân đến cầu xin, liền đem chủng chủng tạp vật nuôi thân mà thí cho; 6. Có người thiếu thốn các loại hương hoa trang sức đến cầu xin, liền đem hương hoa trang sức mà thí cho; 7. Có người thiếu thốn nhà ở đến cầu xin, liền đem nhà ở mà thí

cho; 8. Có người thiếu thốn ánh sáng đến cầu xin, liền đem ánh sáng mà thí cho. Đây gọi là thỏa mãn mong cầu thí của Bồ-tát.

8. Vui thí đời này, đời khác của Bồ-tát:

Nên biết thí đây lược có 9 tướng, thuyết chung làm ba loại: tài thí, pháp thí, vô úy thí. Đây là sự bố thí năng khiến chúng sanh đời này, đời khác an vui.

Tài thí: dùng tài vật thanh tịnh tốt đẹp thượng diệu, như pháp mà hành huệ thí; điều phục trần cấu keo tham mà hành huệ thí; điều phục trần cấu tích chứa mà hành huệ thí. Điều phục trần cấu keo tham tức là xả bỏ sự chấp đắm vào tài vật. Điều phục trần cấu tích chứa tức là xả bỏ sự chấp đắm thọ dụng.

Pháp thí: thuyết pháp không điên đảo, thuyết pháp đúng lý, khuyến khích hữu tình tu học các học xứ.

Vô úy thí: cứu độ hữu tình thoát khỏi sự sợ hãi của nạn sư tử, chó sói, hổ lang, quỷ mị... Cứu độ hữu tình thoát khỏi sự sợ hãi của nạn giặc cướp, vua quan. Cứu độ hữu tình thoát khỏi sự sợ hãi của nạn nước, lửa.

Tất cả 9 tướng nói chung như vậy gọi là sự bố thí năng khiến chúng sanh vui đời này, đời khác của Bồ-tát. Trong đây tài thí, vô úy thí và sự sai biệt của đây năng khiến chúng sanh hiện đời an lạc, pháp thí và sự sai biệt của đây năng khiến chúng sanh đời sau an lạc.

9. Thanh tịnh thí của Bồ-tát: Nên biết thí đây lược có 10 tướng: 1. Bố thí không trì trệ; 2. Bố thí không chấp thủ; 3. Bố thí không tích góp; 4. Bố thí không cao cử; 5. Bố thí không ỷ dựa; 6. Bố thí không thối nhược; 7. Bố thí không thấp kém; 8. Bố thí không thiên lệch; 9. Bố thí không mong báo ân; 10. Bố thí không mong cầu quả dị thực.

Sao gọi là bố thí không trì trệ? Chư Bồ-tát hiện thấy người đến cầu xin, nhanh chóng huệ thí, không trì hoãn chậm chạp. Chẳng phải người đến cầu xin mong nhanh được tài vật, nhưng chư Bồ-tát mong mau được huệ thí.

Sao gọi là bố thí không chấp thủ? Chư Bồ-tát hoặc không dùng vọng kiến chấp thủ trong việc bố thí, hoặc chấp lấy việc bố thí đây rỗng không, không có kết quả, hoặc chấp giết vật để hành huệ

thí mà cho là chánh pháp, hoặc chấp chỉ có thí cực thanh tịnh đầy đủ là thanh tịnh rốt ráo của xuất thế gian.

Sao gọi là bố thí không tích góp? Chư Bồ-tát không tích tập lâu dài, dần dần gom góp nhiều tài vật, sau đó mới nhanh chóng bố thí. Vì cơ sao? Chẳng phải chư Bồ-tát hiện có vật thí, có người đến cầu xin, mà lại không thí cho, không xem việc không thí cho là hợp chánh lý.

Sao gọi là tích góp tài vật mà không nhanh chóng thí? Chư Bồ-tát không thấy việc tích góp tài vật về sau mới thí là năng sanh trưởng nhiều phước. Lại chân chánh quán thấy, hoặc chung hoặc riêng, người cầu xin đều giống nhau, thí từ từ hay thí mau chóng, tài vật bình đẳng.

Duyên nào chấp phước có sai khác? Chư Bồ-tát nếu trước tích góp tài vật rồi sau mới thí, thì việc thí này có tội. Nếu tùy thí theo sự cầu xin, thì thí này không tội. Vì cơ sao? Nếu đã tích góp rồi, về sau lập tức thí, như vậy lúc trước có người đến cầu xin nhiều lên đến cả trăm mà không thí cho, khiến họ sanh hiềm hận, không nhẫn chịu, không còn tin tưởng. Về sau một loại người không mong

cầu tài vật, mà lại liền thí cho. Cho nên Bồ-tát không tích góp rồi mới thí.

Sao gọi là bố thí không cao cử? Chư Bồ-tát đối với người đến cầu xin, tâm khiêm hạ mà thí, cũng không vì tranh hơn người mà thí, cũng không thí rồi lại sanh kiêu mạn: “Ta năng bố thí, ta là thí chủ, người khác thì chẳng làm được như vậy”.

Sao gọi là bố thí không ỷ dựa? Chư Bồ-tát không dựa vào lời xưng khen, âm thanh ca tụng mà hành bố thí. Hiểu được lời xưng khen của thế gian chỉ là chỗ sanh khởi hư vọng phân biệt của văn tự, chỉ là âm thanh hư giả, chỉ là tiếng vang vọng.

Sao gọi là bố thí không thối nhược? Chư Bồ-tát trước khi thí, ý vui vẻ; lúc thí, tâm thanh tịnh; thí rồi không hối tiếc. Khi nghe sự bố thí thù thắng rộng lớn bậc nhất của chư Bồ-tát, không tự khinh miệt mình, khiếp sợ thối lui.

Sao gọi là bố thí không thấp kém? Chư Bồ-tát đối với các vật thí như thức ăn uống, phương tiện đi lại, các vật dụng, y phục... luôn chọn lựa những vật đẹp nhất, tốt nhất dùng để bố thí.

Sao gọi là bố thí không thiên lệch? Chư Bồ-tát tâm bình đẳng, không thuận theo phe đảng mà

bố thí, đối với kẻ oán người thân, tâm bi bình đẳng thí cho.

Sao gọi là bố thí không mong báo ân? Chư Bồ-tát chỉ vì tâm từ bi, tâm ai mẫn mà hành huệ thí, trọn không được hy vọng người đáp đền trở lại. Bồ-tát chỉ vì thấy chúng sanh vốn tánh là khổ, bị lửa ái thiêu đốt, mong cầu an vui, nên sanh lòng bi mẫn sâu xa mà hành huệ thí.

Sao gọi là bố thí không mong cầu quả dị thực? Chư Bồ-tát tu hành huệ thí, trọn không mong cầu đời sau quả thí dị thực thu được tài bảo viên mãn, tự thân viên mãn. Quán tất cả hành tánh là hư ngụy, quán Đại Bồ-đề có công đức tối thắng.

Do mười tướng đây, sở hành bố thí của Bồ-tát được thanh tịnh, tối cực thanh tịnh.

Như vậy, Bồ-tát nương theo chín tướng mà hành huệ thí, do đây viên mãn Bố thí Ba-la-mật-đa, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.



Quyển 40

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm 10. TRÌ GIỚI - 1

Sao gọi là Trì giới Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Ốt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó,
Tất cả môn, thiện sĩ,
Tất cả chủng, toại cầu,
Hai đời vui thanh tịnh.
Chín chủng tướng như vậy,
Đây gọi lược nói giới.*

Có 9 chủng tướng giới gọi là Trì giới Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: **1.** Tự tánh giới; **2.** Tất cả giới; **3.** Khó hành giới; **4.** Tất cả môn giới; **5.** Thiện sĩ giới; **6.** Tất cả chủng giới; **7.** Thỏa mãn mong cầu giới; **8.** Đời này đời khác vui giới; **9.** Thanh tịnh giới.

1. Tự tánh giới của Bồ-tát: Lược nói đây đủ có 4 công đức gọi là tự tánh giới của Bồ-tát. Những

gì là bốn? 1. Chánh thọ từ người; 2. Ý vui thiện tịnh; 3. Đã trái phạm, trở lại thanh tịnh; 4. Kính trọng sâu, chuyên nhớ nghĩ, không phạm.

Do chư Bồ-tát chánh thọ từ người, nơi học giới đã thọ học, nếu có phạm, bên ngoài thấy người sanh hổ thẹn sâu (tàm). Do chư Bồ-tát ý vui thiện tịnh, nơi giới đã thọ học, nếu có phạm, bên trong tự quán chiếu sanh hổ thẹn sâu (quý). Nếu chư Bồ-tát ở nơi các học xứ, phạm rồi được trở lại thanh tịnh, phải nên kính trọng sâu, chuyên nhớ nghĩ, không phạm lỗi ban đầu.

Có hai nhân duyên xa lìa các việc ác, đó là Bồ-tát chánh thọ từ người như vậy, ý vui thiện tịnh làm chỗ nương, nên sanh khởi tàm quý. Do tàm quý, năng khéo giữ gìn giới đã thọ. Do khéo giữ gìn giới đã thọ, nên xa lìa các việc ác.

Lại ở trong đây, hai pháp chánh thọ từ người và ý vui thiện tịnh dẫn phát hai pháp đã hủy phạm trở lại thanh tịnh và kính trọng sâu, chuyên nhớ nghĩ không phạm.

Lại ở trong đây, do ba pháp chánh thọ từ người, ý vui thiện tịnh và kính trọng sâu, chuyên nhớ nghĩ không phạm, khiến Bồ-tát không hủy

phạm tịnh giới đã thọ. Do một pháp đã hủy phạm trở lại thanh tịnh, khiến Bồ-tát đã phạm rồi lại ra khỏi.

Như vậy, Bồ-tát đầy đủ bốn công đức tự tánh giới. Vì chân chánh thọ, theo đó tu học năng lợi mình, cũng khiến lợi ích an lạc vô lượng chúng sanh; vì xót thương tất cả thế gian, trời, người... khiến được nghĩa lợi, được lợi ích an lạc, nên biết tức là *tịnh giới diệu thiện*. Vì nhiếp thọ vô lượng sở học của Bồ-tát, nên biết tức là *tịnh giới vô lượng*. Vì hiện tiền năng làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, nên biết tức là *tịnh giới nhiều ích tất cả hữu tình*. Vì nhiếp thọ, tùy cho quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nên biết tức là *tịnh giới năng thu được quả lợi ích thù thắng rộng lớn*. Đây gọi là tự tánh giới của Bồ-tát.

2. Tất cả giới của Bồ-tát: Lược có hai phần giới của Bồ-tát: 1. Phần giới của người tại gia; 2. Phần giới của người xuất gia. Đây gọi là tất cả giới.

Lại nương theo hai phần tịnh giới tại gia, xuất gia đây, tóm lược có ba loại: 1. Luật nghi giới; 2. Nhiếp thiện pháp giới; 3. Nhiều ích hữu tình giới.

Luật nghi giới: chư Bồ-tát thọ bảy chủng Biệt giải thoát luật nghi, đó là giới Bí-sô, giới Bí-sô-ni, giới Chánh học, giới Sa-di, giới Sa-di-ni, giới Cận sự nam, giới Cận sự nữ. Bảy chủng như vậy như chỗ thích hợp nên biết nương theo hai phần tịnh giới của tại gia, xuất gia. Đây gọi là luật nghi giới của Bồ-tát.

Nhiếp thiện pháp giới: chư Bồ-tát sau khi thọ luật nghi giới, thân ngữ ý tu tập thiện pháp, tất cả sở hữu chỉ vì Đại Bồ-đề, gọi chung là nhiếp thiện pháp giới.

Việc đây thế nào? Chư Bồ-tát y giới, an trụ giới, nơi văn, tư, tu, Chỉ Quán, vui ở một mình tinh cần tu học. Đối với bậc tôn trưởng, mọi lúc đều tinh cần tu tập các nghiệp hòa kính như chấp tay, đứng dậy, tiếp đón, hỏi thăm, lễ bái, cung kính, cũng tức là đối với bậc tôn trưởng siêng tu tập việc cung kính. Đối với người tật bệnh, Bồ-tát thương xót ân cần chăm sóc, hầu hạ phục dịch. Đối với những bậc thuyết diệu pháp, thành lòng tán thán “Lành thay!”. Đối với chúng sanh có công đức, thành lòng tán thán. Đối với tất cả phước nghiệp của tất cả hữu tình trong mười phương cõi giới, dùng ý lạc

thù thắng khởi tâm tịnh tín, nói lời tùy hỷ. Đối với lỗi trái phạm của người, tư duy quyết trạch an nhẫn. Đem tất cả thiện căn thân, ngữ, ý đã làm, chưa làm, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Luôn luôn phát khởi vô số chánh nguyện, đem tất cả chủng thượng diệu đầy đủ cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Hằng thường đồng mãnh tinh tấn tu tập các phẩm thiện pháp. Nơi thân, ngữ, ý an trụ không phóng dật. Nơi các học xứ, chánh niệm, chánh biết, chánh hành phòng thủ, mật hộ căn môn; nơi việc ăn biết lượng; đầu đêm, cuối đêm thường tỉnh thức tu hành. Gần gũi bậc thiện sĩ, nương tựa bạn lành. Nơi lỗi mình đã phạm, quán xét sâu kỹ, rõ biết thấy sâu quá thất. Đã chiếu soi rõ biết thấy quá thất rồi, ở nơi giới chưa phạm, chuyên ý phòng hộ giữ gìn. Nếu đã phạm, thì đối trước Phật, Bồ-tát, bạn đồng pháp, chí tâm như pháp phát lồ hối trừ. Hết thấy loại như vậy khiến dẫn nhiếp, hộ trì, tăng trưởng các thiện pháp giới. Đây gọi là nhiếp thiện pháp giới của Bồ-tát.

Nhiều ích hữu tình giới: nên biết giới này lược có 11 tướng. Những gì là mười một? Chư Bồ-tát năng dẫn nghĩa lợi cho các hữu tình, làm bạn

trợ giúp nơi các sự nghiệp của họ. Như vậy cho đến đối với các hữu tình phát khởi tật bệnh đau khổ... Bồ-tát cũng làm trợ bạn.

Lại chư Bồ-tát nương theo nghĩa lợi ích thế gian, xuất thế gian mà vì hữu tình thuyết các pháp yếu. Trước phương tiện thuyết, như lý thuyết; sau khiến người kia đạt được nhiều nghĩa lợi ích.

Lại chư Bồ-tát khéo nghĩ nhớ tri ân đối với các hữu tình đã ban ân, tùy chỗ thích hợp hiện tiền báo đáp.

Lại chư Bồ-tát đều năng cứu vớt các hữu tình khiến xa lìa các sợ hãi khi gặp nạn sư tử, chó sói, quý mị, giặc cướp, nước lửa...

Lại chư Bồ-tát khéo vì các hữu tình bị hao tổn tài bảo, quyến thuộc mà khai giải khiến họ lìa ưu buồn, áo não.

Lại chư Bồ-tát xem thấy các loại hữu tình bị thiếu thốn các tạp vật nuôi thân, đều thí cho tất cả.

Lại chư Bồ-tát thuận theo đạo lý, lấy đây làm chỗ nương, như pháp lãnh đạo đồ chúng.

Lại chư Bồ-tát thuận theo sự việc, lời nói thế gian như đến đi, mời gọi, đàm luận, chúc mừng, an

úi; tùy lúc mà đi, mà đến, mà thân cận; từ người thọ nhận các thứ vật thực uống ăn...; đều xa lìa tất cả việc năng dẫn vô nghĩa, hiện hành ý chống trái lẫn nhau. Đối với những việc khác, tâm đều theo đó tùy chuyển.

Lại chư Bồ-tát hoặc ẩn, hoặc hiện đều hiển thị công đức chân thật, khiến các hữu tình hoan hỷ, tinh tấn học theo.

Lại chư Bồ-tát đối với người phạm lỗi, phát khởi tâm gần gũi, ý vui muốn làm lợi ích an lạc cho kia. Vì muốn khiến kia ra khỏi các việc bất thiện, an đặt nơi thiện, nên dụng phương tiện điều phục, quả trách, trị phạt, đui bỏ.

Lại chư Bồ-tát dùng lực thần thông, phương tiện thị hiện địa ngục cùng hình trạng của các đường ác... khiến các hữu tình khởi tâm hy hữu kỳ lạ, do nhân duyên đây nhằm chán xa lìa bất thiện. Đối với thánh giáo Phật, phương tiện dẫn dắt khiến họ nhập vào, tin vui hoan hỷ, siêng tu chánh hạnh.

Sao gọi là Bồ-tát trụ luật nghi giới, trụ nhiếp thiện pháp giới, trụ nhiều ích hữu tình giới; khéo phòng hộ luật nghi giới, khéo tu tập nhiếp thiện pháp giới, khéo hành tất cả mọi việc để nhiều ích

hữu tình giới?

Chư Bồ-tát lúc trụ luật nghi giới Biệt giải thoát, xả ngôi Chuyển luân vương mà xuất gia, không đoái hoài vương vị như vất bỏ cỏ mục dơ bẩn. Giả sử có người nghèo cùng, vì mạng sống mà từ bỏ ham muốn thấp kém, cầu xin xuất gia, không nghĩ đến các thứ dục hạ liệt. Việc xả bỏ đây không như ý lạc thanh tịnh của Bồ-tát xả bỏ ngôi vị Luân vương mà xuất gia, không đoái tưởng đến ngôi vị tối thắng trong tất cả loài người.

Lại chư Bồ-tát trụ luật nghi giới, ở đời vị lai tuy thọ hưởng diệu dục nơi vương cung mà không sanh vui thích, cũng không mong cầu, từ bỏ tất cả để tu hành phạm hạnh. Nơi các diệu dục kia hãy còn quán sát như thật, hãy còn thú nhập vô số sợ hãi rộng lớn, hà huống các dục khác.

Lại chư Bồ-tát khi đã xuất gia, đối với chúng chúng lợi dưỡng cung kính thượng diệu hiện tiền mà hữu tình tôn quý dăng cúng, dùng chánh tuệ quán sát xem như đồ nôn mửa, chưa từng đắm trước mùi vị của chúng, hà huống đối với lợi dưỡng cung kính hạ liệt do hữu tình thấp kém đem lại.

Lại chư Bồ-tát thường vui hạnh viễn ly. Hoặc

một mình ở tịnh xứ, hoặc ở trong chúng, tất cả thời chuyên tâm xa lìa, tịch tĩnh mà trụ, không chỉ nơi luật nghi Thi-la mà sanh vui đủ, y giới trụ giới, siêng năng tu tập vô lượng đẳng trì của chư Bồ-tát, vì muốn dẫn phát chứng đắc tự tại.

Lại chư Bồ-tát tuy sống với chúng hỗn tạp mà không vui tạo tác cho đến chút phần bàn luận; ở chốn viễn ly, không khởi chút phần các tâm tư ác. Nếu do thất niệm khiến các ác tâm tư và bàn luận bất chánh tạm thời hiện khởi, liền thấy rõ lỗi gây hại của chúng, phát khởi ăn năn hổ thẹn mãnh lợi, nhanh chóng an trụ chánh niệm. Ở nơi kia khiến tâm không quay lại đường cũ, do nhân duyên đây bèn có khả năng phát hiện, ngăn dứt. Như vậy, vì thường tập quen phòng hộ tâm, nên đối với sự sanh khởi hiện hành các ác tâm tư, bàn luận bất chánh kia, lúc trước nhập vào, sanh nhiều vui thích, thì nay không nhập vào cũng không vui thích, lại năng trái nghịch khiến chúng không hiện khởi.

Lại chư Bồ-tát ở nơi tất cả học xứ Bồ-tát, được nghe chư Bồ-tát đã nhập đại địa rộng lớn vô lượng không thể nghĩ bàn, trường thời hành các học xứ cực khó hành mà tâm không kinh sợ, cũng không

khiếp nhược. Bô-tát khởi nghĩ như vậy: “Vị kia cũng là người, dần dần thứ lớp tu học tất cả học xứ rộng lớn vô lượng không thể nghĩ bàn của chư Bô-tát, thanh tịnh thân ngữ, thành tựu viên mãn tất cả luật nghi giới. Ta cũng là người, nếu thứ lớp tu tập, quyết chắc không nghi sẽ thành tựu như vị kia, thanh tịnh thân ngữ, thành tựu viên mãn tất cả các luật nghi giới”.

Lại chư Bô-tát trụ luật nghi giới thường quán xét kỹ lỗi mình, không quán xét lỗi người. Đối với tất cả hữu tình phạm giới hung ác, Bô-tát hiện tiền phát khởi tâm không tổn hại, cũng không sân khuyển. Đối với kẻ kia, Bô-tát sanh lòng đại bi bậc thượng, hiện tiền phát khởi tâm lân mẫn thân thiện, tâm muốn làm nhiều ích.

Lại chư Bô-tát trụ luật nghi giới tuy bị người dùng tay, chân, đá, dao, gây gia hại, tâm còn không chút oán giận, hướng chi muốn dùng lời ác, muốn làm gia hại, phát lời hủy nhục, quát mắng; lại cũng không làm điều gì không nhiều ích, ngay cả một sự gia hại nhỏ nhất đối với kẻ kia.

Lại chư Bô-tát trụ luật nghi giới thành tựu đầy đủ năm chi nhiếp vào hạnh không phóng dật:

1. Hạnh không phóng dật câu hành tiền tế; 2. Hạnh không phóng dật câu hành hậu tế; 3. Hạnh không phóng dật câu hành trung tế; 4. Lúc sau, thời đầu, thực hành hạnh không phóng dật; 5. Mọi thời đều hành không phóng dật.

Chư Bồ-tát chân chánh tu học học xứ Bồ-tát, hoặc ở quá khứ Bồ-tát đã từng hủy phạm, như pháp hối trừ; đây gọi là Bồ-tát hành hạnh không phóng dật câu hành tiền tế. Hoặc ở vị lai, Bồ-tát sẽ hủy phạm, như pháp hối trừ; đây gọi là Bồ-tát hành hạnh không phóng dật câu hành hậu tế. Hoặc ở hiện tại, Bồ-tát hủy phạm, liền như pháp hối trừ; đây gọi là Bồ-tát hành hạnh không phóng dật câu hành trung tế.

Nếu chư Bồ-tát ở lúc sau, thời đầu sẽ có hủy phạm, tự phát khởi thề nguyện mạnh mẽ trụ nơi an lạc như vậy: “Ta quyết định phải như điều nên hành, như điều nên trụ, như vậy mà hành, như vậy mà trụ, đều khiến không phạm”. Đây gọi là Bồ-tát lúc sau, thời đầu thực hành không phóng dật.

Nếu Bồ-tát lấy thời đầu hành không phóng dật làm chỗ nương, như điều nên hành, như điều nên trụ, như vậy mà hành, như vậy mà trụ, không

sanh khởi hủy phạm; đây gọi là Bồ-tát mọi thời đều thực hành hạnh không phóng dật.

Lại chư Bồ-tát trụ luật nghi giới, tự ẩn giấu việc thiện của mình, phát lộ việc ác, kham nhẫn các khổ, ít muốn vui đủ. Tánh không lo âu, không trao cử, không xao động, uy nghi tịch tĩnh, xa lìa đối trá, xa lìa tất cả pháp sanh khởi tà mạng.

Tóm lại, chư Bồ-tát thành tựu 10 điều thì được gọi là *trụ luật nghi giới*: 1. Không đoái luyến các dục quá khứ; 2. Không mong cầu các dục vị lai; 3. Không đấm trước các dục hiện tại; 4. Vui hạnh viễn ly, không sanh vui đủ; 5. Năng trừ sạch các tâm tư ác, bàn luận bất chánh; 6. Không tự khinh miệt mình; 7. Tánh nhu hoà; 8. Có khả năng kham nhẫn; 9. Không phóng dật; 10. Năng đầy đủ quỹ tắc tịnh mạng.

Lại, chư Bồ-tát năng an trụ nhiếp thiện pháp giới, đối với tài vật thân mạng của mình vẫn còn không nhẫn thọ sanh chút đoái luyến, hà huống nhiều đoái luyến.

Lại đối với tất cả nhân duyên phạm giới, phiền não căn bản, hay ít phần phiền não khiến phát sanh phần hận, Bồ-tát cũng không nhẫn thọ. Lại

đối với các việc khác của người khiến phát khởi tâm khuể hại, tâm oán giận... Bồ-tát cũng không nhẫn thọ. Lại những lúc phát khởi tâm giải đãi lười biếng, Bồ-tát cũng không nhẫn thọ. Lại những lúc phát khởi tâm đản trước mùi vị đẳng chí, phiền não của đẳng chí, Bồ-tát cũng không nhẫn thọ.

Lại chư Bồ-tát năng như thật rõ biết năm việc: 1. Như thật rõ biết thù thắng lợi ích của quả thiện; 2. Như thật rõ biết nhân thiện; 3. Năng như thật biết nhân quả thiện diên đảo; 4. Năng như thật biết nhân quả thiện không diên đảo; 5. Như thật rõ biết thu nhiếp chương ngại thiện pháp. Đó là chư Bồ-tát năng ở nơi quả thiện thấy lợi ích thù thắng to lớn, tầm cầu nhân thiện. Vì nhiếp thiện, nên như thật rõ biết diên đảo và không diên đảo. Do đây Bồ-tát gạt hái quả thiện, không ở nơi vô thường vọng thấy là thường, không ở nơi khổ vọng thấy là vui, không ở nơi bất tịnh vọng thấy là tịnh, không ở nơi vô ngã vọng thấy là ngã. Như thật rõ biết thấu nhiếp chương ngại thiện pháp. Vì nhiếp thiện, nên nhanh chóng xa lìa.

Tóm lại, Bồ-tát thành tựu 10 tướng sau được gọi là *trụ nhiếp thiện pháp giới*, nhanh chóng thu

nhiep tất cả chủng tướng thiện: 1. Tu tập thứ lớp bố thí; 2. Tu tập thứ lớp trì giới; 3. Tu tập thứ lớp an nhẫn; 4. Tu tập thứ lớp tinh tấn; 5. Tu tập thứ lớp thiền định; 6 đến 10. Tu tập năm chủng trí tuệ.

Lại chư Bồ-tát do 11 tướng gọi là trụ tất cả tướng nhiều ích hữu tình giới, ở trong mỗi một tướng đều thành tựu tất cả chủng, từ bố thí cho đến trí tuệ.

Chư Bồ-tát đối với tất cả hữu tình và tất cả sự nghiệp của họ, đều làm bạn trợ giúp. Đó là ở nơi tính toán, cân nhắc và dụng công trong công việc... thấy đều năng làm bạn trợ giúp. Hoặc trên đường đi, hoặc nơi qua chốn lại, hoặc nơi sự nghiệp gia hạnh không diên đảo, hoặc bảo quản giữ gìn tài vật, hoặc hòa giải những việc đi đến chia rẽ, hoặc giúp đỡ lãnh hội nghĩa, hoặc nơi việc tu phước... thấy đều làm bạn trợ giúp.

Lại đối với những khổ nạn cần cứu giúp, cũng đều làm bạn trợ giúp. Đó là đối với hữu tình mắc phải bệnh dịch, thì ân cần phục dịch, chăm sóc. Đối với người mù, làm kẻ dẫn đường. Đối với người điếc, ra hiệu khiến hiểu nghĩa. Đối với người dùng

tay thay lời, dùng hình ảnh dễ hiểu để giải thích nghĩa. Đối với người lạc đường, chỉ dẫn khiến kia biết đường. Đối với người thiếu chi phần thân thể, công họ trên vai. Đối với người ngu ngốc, dùng tuệ thù thắng để dạy bảo. Đối với hữu tình khổ vì tham dục trói buộc, khai mở giảng giải khiến kia xa lìa khổ; cũng vậy đối với hữu tình bị khổ do sân khuể, hôn trầm thụy miên, trạo cử ác tác, nghi trói buộc, Bồ-tát khai mở giảng giải khiến kia xa lìa các khổ. Đối với hữu tình bị khổ do tầm tư dục trói buộc, khai mở giảng giải khiến kia xa lìa; như đối với sự khổ do tầm tư dục trói buộc, thì sở hữu tầm tư khuể hại, què hương, đất nước, bất tử, tương ưng khinh nhục, tương ưng dòng tộc nên biết cũng vậy. Đối với hữu tình khổ do bị người khác khinh miệt, thì cởi giải khiến lìa đau khổ. Đối với hữu tình khổ do đi đường mệt nhọc, liền thí cho chỗ nghỉ ngơi, khiến kia thân thể điều hòa, mệt nhọc tan biến.

Lại, chư Bồ-tát vì các hữu tình như lý tuyên thuyết, như đối với hữu tình vui thích làm ác, vì muốn khiến kia đoạn dứt hành ác, nên Bồ-tát dùng văn cú tương ưng trợ bạn, tùy thuận trong sáng, có

dụng tương xứng hợp thuận với tư lương phần pháp vì kia tuyên thuyết. Hoặc đối với hữu tình hành keo tham, vì muốn khiến kia đoạn trừ hành tham, cũng khéo léo vì kia tuyên thuyết. Hoặc trong hiện pháp có người cầu tài bảo, vì khiến kia ít tổn công sức mà thu hoạch được nhiều tài bảo, giữ gìn không bị hao mất nên biết cũng vậy. Hoặc đối với người sanh lòng ganh ghét, trái lìa thánh giáo chư Phật, vì khiến kia sanh tín tâm thanh tịnh, có cái thấy thanh tịnh, vượt qua các đường ác, dứt tận tất cả kiết sử, vượt qua tất cả khổ, nên biết cũng vậy.

Lại chư Bồ-tát đối với các hữu tình có ân thường hay nhớ nghĩ ân huệ, suy nghĩ tìm cách báo đáp. Khi gặp gỡ, Bồ-tát cung kính cất lời hỏi thăm tốt lành, dung nhan vui vẻ, lời nói đùa vui, sắp xếp chỗ ngồi; dùng tài vật hoặc bằng, hoặc hơn so với tài vật được bố thí trước kia mà hiện tiền cúng dường đền đáp, không được dùng tài vật thấp kém để cúng dường. Đối với sự nghiệp của họ, tuy họ không cầu thỉnh mà vẫn giúp đỡ, hướng chi kia ngỏ lời khẩn cầu.

Như đối với sự nghiệp, thì đối với những đau khổ, đối với việc nói như lý, đối với việc nói phương

tiện, đối với những sự sợ hãi, đối với việc buồn rầu ưu não mà khai giải sâu ưu, đối với huệ thí vật dụng, đối với việc cộng trú làm nơi nương tựa, đối với việc tùy tâm chuyển, đối với việc hiển đức chân thật khiến hoan hỷ, đối với hủy hoại tình thương mà dùng phương tiện điều phục, đối với việc hiển thân thông, kinh sợ, dẫn nhiếp... như chỗ thích hợp nên biết nói rộng cũng như vậy.

Lại chư Bồ-tát năng cứu hộ tất cả hữu tình khi gặp phải nạn khiến sanh hãi sợ. Đó là gặp nạn cầm thú, nước lửa, giặc cướp, oán địch, gia chủ khó khăn, không sống được do tiếng tăm xấu, áp lực của nhiều người, hết thấy sự sợ hãi do quỷ my, phi nhân như làm thây chết đứng dậy... Bồ-tát đều năng cứu hộ khiến họ được an ổn.

Lại chư Bồ-tát năng khéo cởi giải khiến lìa sâu ưu đối với các loại hữu tình ở nơi suy não. Hoặc do nương vào thân thuộc bị suy vong, như là lúc cha mẹ, vợ con, anh em, tôi tớ, thân tộc nội ngoại, bạn bè, tôn trưởng, Thân giáo, Quý phạm và các bậc tôn kính khác qua đời, lưu tán; Bồ-tát khéo vì họ cởi giải khiến lìa ưu não. Hoặc do nương vào tài bảo bị hao tán mất mát, như là bị giặc cướp xâm

đoạt, hoặc bị lửa thiêu cháy, hoặc bị nước cuốn trôi, hoặc bị lương gạt, hoặc vì sự nghiệp thất bại suy tổn, hoặc bị người thân xấu ác ngang ngược phi lý nắm giữ, hoặc tổn thất do nhà bị cháy... ở nơi hết thấy việc khiến tài bảo bị tan hoại mất mát như vậy, Bồ-tát khéo vì họ cởi giải khiến lìa ưu não. Do nhân duyên đây, các loại hữu tình phát khởi sâu ưu theo ba cấp độ hoặc ít, hoặc vừa, hoặc nhiều, Bồ-tát đều năng chân chánh vì họ cởi giải.

Lại chư Bồ-tát có đầy đủ vật thực nuôi thân, nếu người đến cầu xin, tùy theo nhu cầu của họ mà bố thí, như cầu ăn cho ăn, cầu uống cho uống, cầu phương tiện cho phương tiện, cầu đầy đủ vật dụng để trang nghiêm thì cho đầy đủ vật dụng, cầu các tạp vật khác thì cho tạp vật, cầu hương xoa hoa cài thì cho hương xoa hoa cài, cầu giường ghế cho giường ghế, cầu đèn sáng cho đèn sáng...

Lại chư Bồ-tát tánh vui thích nhiếp hộ tất cả hữu tình, như pháp điều phục lãnh đạo chúng. Trước dùng tâm vô nhiễm cho kia nương ở, dùng tâm lân mẫn hiện làm nhiều ích. Về sau như pháp cấp thí các thứ y phục, uống ăn, ngoạ cụ, thuốc trị bệnh, các tạp vật nuôi thân. Nếu Bồ-tát không có,

phải đến chỗ trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn... có lòng tịnh tín mà cầu xin, đáp ứng nhu cầu của kia. Đối với các vật đã theo pháp, như pháp thu được, Bồ-tát cùng đại chúng đồng dùng chung, không cất giấu riêng để tiêu dùng, khiến hao tổn. Tùy từng giai đoạn, Bồ-tát thuận theo tám chủng dạy trao mà chánh dạy trao, dùng năm chủng dạy răn mà chánh dạy răn. Phải biết *Dạy trao, dạy răn* đã rộng phân biệt ở trước, trong phẩm *Lực chủng tánh*.

Lại đối với các hữu tình tâm tánh hướng thiện, khi tùy chuyển tâm, Bồ-tát trước phải biết hoặc thể, hoặc tánh của hữu tình kia. Đã biết thể tánh rồi, đối với hữu tình nên cộng trú, tức như vậy cùng kia cộng trú. Đối với hữu tình nên đồng hành, tức như vậy cùng kia đồng hành. Nếu chư Bồ-tát muốn giáo hóa hữu tình khiến họ chuyển tâm, phải quán xét sâu: “Nếu sự hiện hành tương thân, ngữ của hữu tình như vậy sẽ khiến người phát sanh ưu khổ. Ưu khổ như thế sẽ khiến kẻ kia không ra khỏi bất thiện, an trú nơi thiện”. Bấy giờ Bồ-tát đối với sự hiện hành thân ngữ như vậy, vì muốn hộ trì tâm người kia, nên dùng phương tiện tư duy

quyết trạch, gắng sức ngăn cấm, khiến không hiện hành thân ngữ như vậy. Nếu năng khiến kẻ kia ra khỏi bất thiện, an trú nơi thiện, bấy giờ đối với sự hiện hành thân ngữ như vậy, Bồ-tát trụ tâm ai mãn, không tùy chuyển tâm hữu tình, chỉ dùng phương tiện tư duy quyết trạch, gắng sức sách tấn khiến hiện hành hơn nữa.

Lại chư Bồ-tát chánh quán sát sâu: “Nếu sự hiện hành thân, ngữ của hữu tình này khiến hữu tình khác phát sanh ưu khổ. Ưu khổ như thế sẽ không khiến người, hoặc không khiến hữu tình khác, hoặc không khiến cả hai ra khỏi bất thiện, an trú nơi thiện”. Bấy giờ đối với sự hiện hành thân ngữ như vậy, Bồ-tát vì muốn hộ trì tâm của kia, nên dùng phương tiện gắng sức tư duy quyết trạch ngăn cấm, khiến không hiện hành ưu khổ như vậy. Nếu năng khiến người, hoặc khiến hữu tình khác, hoặc khiến cả hai ra khỏi bất thiện, an trú nơi thiện, bấy giờ đối với sự hiện hành thân ngữ như vậy, Bồ-tát trụ tâm ai mãn, không tùy chuyển tâm của hữu tình kia, mà dùng phương tiện tư duy quyết trạch, gắng sức sách tấn khiến hiện hành hơn nữa.

Lại chư Bồ-tát quán sát sâu: “Nếu Bồ-tát tự mình hiện hành hai nghiệp thân, ngũ sanh ưu khổ cho người, như vậy không nhiếp vào học xứ của Bồ-tát, không thuận tư lương phước đức, trí tuệ. Ưu khổ như thế khiến người chẳng thể ra khỏi bất thiện, an trú nơi thiện”. Bấy giờ đối với sự hiện hành thân ngũ như vậy, Bồ-tát hộ trì tâm người, phương tiện tư duy quyết trạch, gắng sức ngăn chặn khiến không hiện hành. Trái với sự hiện hành tướng thân ngũ đây nên biết như trước. Như đã rộng nói sanh khởi sự ưu khổ, thì nói rộng cho đến sanh khởi sự hỷ lạc, tùy chỗ thích hợp phải biết cũng vậy.

Lại chư Bồ-tát tùy chuyển tâm người, biết các hữu tình khác bị oán giận trói buộc, hiện đang giận tức, khó thể xả ly. Lúc bấy giờ, Bồ-tát còn không được ngợi khen, hà hưởng hủy chê, cũng chẳng được khuyến răn khiến kia hối hận.

Lại chư Bồ-tát tùy chuyển tâm người, tuy người không đến thăm hỏi chuyện trò, còn phải tự đến thăm hỏi chuyện trò, huống là người kia tìm đến mà Bồ-tát chẳng tiếp đón.

Lại chư Bồ-tát tùy chuyển tâm người, trọn

không cố ý xúc não người, chỉ trừ khi quở trách các lỗi trái phạm. Lúc quở trách phải khởi tâm từ bi, các căn tịch tịnh, như lý quở trách khiến điều phục kia.

Lại chư Bồ-tát tùy chuyển tâm người, trọn không được cười nhạo, trách cứ, cao cử, khinh thường khiến họ xấu hổ đỏ mặt, tâm không an ổn, cũng không khiến kia sanh tâm buồn rầu ray rứt. Tuy có khả năng hàng phục kẻ kia, mà không để kia rơi vào thế thua cuộc, sanh buồn bã áo não. Nếu hữu tình kia vì tịnh tín nên sanh lòng khiêm hạ, Bồ-tát cũng không được hiện tướng cao cử.

Lại chư Bồ-tát tùy chuyển tâm người, đối với các hữu tình, chẳng nên không thân cận, chẳng nên quá thân cận, cũng chẳng được phi thời mà thân cận.

Lại chư Bồ-tát tùy chuyển tâm người, trọn không hiện tiền hủy chê điều người thích, khen ngợi điều người không thích. Không được mong cầu, thọ dụng biết lượng; nếu chẳng phải bạn thâm tình, thì không được nói ra tất cả điều mong muốn chân thật của mình. Nếu trước đã hứa cúng dường vật thực... cho người, trọn không được lừa dối. Vì

tánh tự trọng, không được đến cầu xin, chỉ như pháp hiểu dụ.

Lại chư Bồ-tát tánh vui khen ngợi công đức chân thật khiến người hoan hỷ. Đối với người hiện có đầy đủ công đức tín tâm, khen ngợi đức tín khiến kia hoan hỷ. Đối với người có đầy đủ công đức giới, khen ngợi đức giới khiến kia hoan hỷ. Đối với người đầy đủ công đức nghe, khen ngợi đức nghe khiến kia hoan hỷ. Đối với người có đầy đủ công đức xả, khen ngợi đức xả khiến kia hoan hỷ. Đối với người có đầy đủ công đức tuệ, khen ngợi đức tuệ khiến kia hoan hỷ.

Lại chư Bồ-tát tánh nhiều bi mẫn, dùng pháp điều phục để điều phục hữu tình. Nếu các hữu tình có lỗi phạm phẩm hạ, Bồ-tát không tâm tổn nã, trong lòng thân cận yêu thương, dùng quả trách phẩm hạ. Nếu các hữu tình có lỗi phạm phẩm trung, Bồ-tát không tâm tổn hại, đem lòng thân cận yêu thương, dùng quả trách phẩm trung. Nếu các hữu tình có lỗi phạm phẩm thượng, Bồ-tát không tâm tổn hại, đem lòng thân cận yêu thương, dùng quả trách phẩm thượng. Như pháp quả trách, thì pháp trị phạt cũng lại như thế. Nếu các hữu

tình phạm lỗi phẩm hạ, phẩm trung có thể đuổi bỏ, bấy giờ Bồ-tát vì muốn dạy răn kia và các hữu tình khác, nên dùng tâm lân mẫn cùng tâm lợi ích, tạm thời đuổi bỏ, về sau nhiếp thọ trở lại. Nếu các hữu tình phạm lỗi phẩm thượng có thể đuổi bỏ, bấy giờ Bồ-tát kiên quyết xả bỏ, chẳng cho cộng trú, chẳng cùng thọ dụng, vì xót thương kia nên không nhiếp thọ trở lại, không khiến kẻ kia ở nơi Thánh giáo Phật nhiếp lấy nhiều điều phi phước. Lại cũng muốn dạy răn các hữu tình khác khiến họ được lợi ích.

Lại chư Bồ-tát vì muốn nhiều ích hữu tình nên hiện lực thần thông, hoặc khiến họ khiếp sợ, hoặc để dẫn nhiếp họ. Đối với kẻ vui thích làm ác, Bồ-tát phương tiện thị hiện vô lượng quả dị thực của việc làm ác, như thị hiện các cõi ác, các địa ngục nhỏ, các địa ngục lớn, các địa ngục nóng, các địa ngục lạnh. Bồ-tát đã thị hiện cho kia thấy rồi, liền bảo rằng: “Người thấy đấy, vì chúng sanh kia trước đã từng gây tạo tăng trưởng việc ác trong những cõi giới khác nhau, nên hôm nay phải thọ quả ác báo khổ sở vô cùng, quả khổ dị thực đau đớn không thể chịu nổi”. Kẻ kia nghe việc đây rồi sanh

khiếp sợ nhàm chán, xa lìa các hạnh ác.

Lại có một loại hữu tình không có tín tâm, Bồ-tát sống trong chúng tùy việc hỏi han, kẻ kia lơ láo không trả lời. Bấy giờ, Bồ-tát hoặc hóa làm thần Chấp Kim Cang Thủ, hoặc hóa làm đại lực Dược-xoa có thân to lớn khiến kia khiếp sợ. Do nhân duyên đây, kia xả bỏ kiêu mạn sanh tâm tịnh tín, cung kính thành thật trả lời. Đại chúng còn lại nghe kia thành thật trả lời, cũng đều được điều phục. Hoặc Bồ-tát hiện vô lượng thân thông biến hóa, hoặc biến một làm nhiều, hoặc biến nhiều làm một, hoặc dùng thân xuyên qua vách núi, tường đá không chướng ngại... như vậy nói rộng cho đến biến hóa thành thân Phạm thế, Tự tại. Bồ-tát cũng hiện vô lượng chủng thân biến sai khác, hoặc hiện nhập định hỏa giới... hoặc thị hiện hết thấy chủng chủng thân thông cùng Thanh văn, phương tiện dẫn nhiếp, khiến các hữu tình vui mừng nhảy nhót. Người chưa sanh tín tâm, phương tiện an đặt họ đầy đủ nơi tín; người phạm giới, phương tiện an đặt họ đầy đủ nơi giới; người ít lắng nghe, phương tiện an đặt họ đầy đủ nơi nghe; người nhiều keo lẩn, phương tiện an đặt họ đầy đủ nơi xả; người ác

tuệ, phương tiện an đặt họ đầy đủ nơi tuệ. Như vậy, Bồ-tát thành tựu tất cả việc nhiều ích hữu tình giới.

Đây gọi là ba tạng giới của Bồ-tát, cũng gọi là tạng công đức rộng lớn vô lượng: 1. Tạng giới nhiếp thuộc luật nghi giới; 2. Tạng giới nhiếp thuộc nhiếp thiện pháp giới; 3. Tạng giới nhiếp thuộc nhiều ích hữu tình giới.

Chư Bồ-tát ở nơi ba tạng giới, ở nơi sở học của Bồ-tát như vậy phải siêng năng tu học. Hoặc người tại gia, hoặc người xuất gia trước đã phát hoằng nguyện Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, phải chân thành thỉnh cầu Bồ-tát đồng pháp, họ là những bậc đã phát đại nguyện, có trí, có lực, lời nói của họ năng hiển nghĩa cốt yếu, có năng lực trao cho, có năng lực khai tỏ.

Trước tất cả công đức đầy đủ thù thắng của vị Bồ-tát trưởng lão như vậy, tân học Bồ-tát lễ dưới hai chân, thỉnh cầu: “Tôi nay đối trước Đại đức (hoặc đối trước Trưởng lão, hoặc đối trước Thiện nam tử) cầu thọ tất cả tịnh giới Bồ-tát. Duy nguyện không từ mỗi nhọc mà ai miễn dạy trao cho tôi”. Đã tác thỉnh lời như vậy rồi, trích y vai phải, cung

kính cúng dường mười phương ba đời chư Phật Thế Tôn, chư Bồ-tát chúng đã nhập đại địa, có đại trí tuệ, có đại thần lực; hiện tiền chuyên tâm nhớ nghĩ công đức của các Ngài. Tùy theo chỗ có lực công đức, hoặc sanh tâm ân trọng thanh tịnh, hoặc tâm ít thanh tịnh.

Đối trước Bồ-tát có trí lực vượt hơn, tân học Bồ-tát khiêm hạ cung kính, quỳ gối nơi đất, đối trước tượng Phật tác thỉnh như vậy: “Duy nguyện Đại đức (hoặc duy nguyện Trưởng lão, hoặc duy nguyện Thiện nam tử) ai mẫn trao cho tôi tịnh giới Bồ-tát”. Thỉnh như vậy rồi, tâm chuyên niệm một cảnh, tưởng dưỡng tâm thanh tịnh: “Tôi chẳng lâu sẽ được tạng công đức rộng lớn vô tận vô lượng không gì vượt hơn”. Đã yên lặng tư duy nghĩa như vậy, bấy giờ Bồ-tát có trí có lực thấy người kia thành tâm cầu học chánh hạnh Bồ-tát, nên dùng tâm không loạn, hoặc ngồi, hoặc đứng mà nói lời này: Thiện nam tử, lắng nghe! (hoặc Pháp đệ, lắng nghe!) Ông tên.. là Bồ-tát chăng?. Người kia đáp: Đúng vậy. Bồ-tát hỏi: Phát Bồ-đề nguyện chưa?. Người kia đáp: Đã phát rồi, kể từ ngày hôm nay cho đến về sau. Bồ-tát hỏi: Thiện nam tử! (hoặc

Pháp đệ!) Ông tên... muốn đến chỗ ta cầu thọ tất cả học xứ Bồ-tát, cầu thọ tất cả tịnh giới Bồ-tát, đó là luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới. Học xứ như vậy, tịnh giới như vậy, tất cả Bồ-tát quá khứ đã đầy đủ, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ đầy đủ, tất cả Bồ-tát hiện tại khắp mười phương đang đầy đủ. Học xứ đây, tịnh giới đây, quá khứ tất cả Bồ-tát đã học, vị lai tất cả Bồ-tát sẽ học, hiện tại tất cả Bồ-tát đang học. Nay ông có thọ không? Người kia đáp: Mô Phật, thọ!

Bồ-tát truyền giới hỏi như vậy lần thứ hai, lần thứ ba. Tân học Bồ-tát đáp như vậy lần thứ hai, lần thứ ba. Như vậy Bồ-tát truyền giới hỏi ba lần, cho đến truyền tịnh giới ba lần. Tân học Bồ-tát cũng đáp thọ ba lần, cho đến thọ tịnh giới ba lần. Tân học Bồ-tát không rời khỏi chỗ. Bồ-tát truyền giới đối trước tượng Phật, cung kính cúng dường đánh lễ khắp mười phương chư Phật cùng chư Bồ-tát hiện trụ, tác bạch: “Bồ-tát đây tên... nay ở chỗ tôi đã ba lần đáp thọ Bồ-tát giới. Bồ-tát tôi tên... đã vì tân Bồ-tát ấy chứng minh. Duy nguyện chư Phật, Bồ-tát, Thánh hiền bậc nhất trong mười phương thế giới không ngăn không mé, hoặc ẩn

hoặc hiển, ở tất cả thời, tất cả hữu tình đều hiện nhận biết, cũng vì chứng minh cho Bồ-tát tên... đã thọ Bồ-tát giới”. Tác bạch như vậy lần thứ hai, lần thứ ba. Như vậy pháp Yết-ma thọ Bồ-tát giới thành tựu rất ráo. Từ đây không gián đoạn trong khắp mười phương thế giới chư Phật hiện trụ không ngần không mé, chư Bồ-tát trước đã nhập đại địa, hiện tướng pháp nhĩ, do đây chứng minh Bồ-tát như thế đã thọ tịnh giới Bồ-tát.

Bấy giờ, tân Bồ-tát ở nơi tướng pháp nhĩ đó, sanh khởi nhớ nghĩ mười phương chư Phật Thế Tôn. Do nhớ nghĩ nên chánh trí kiến chuyển, do chánh trí kiến nên như thật hiểu biết: “Tôi ở trong thế giới này, tôi là Bồ-tát tên... tôi đã đối trước Bồ-tát kia... chánh thọ tịnh giới Bồ-tát. Ở nơi tất cả Bồ-tát đã thọ giới Bồ-tát, xin xem tôi như con, như em, sanh ý thân thiện nhớ nghĩ, lân mẫn chiếu cố”. Do chư Phật, Bồ-tát lân mẫn chiếu cố, khiến tân học Bồ-tát mong cầu thiện pháp không thối giảm, ngày càng tăng trưởng gấp bội. Đây gọi là thọ giới Bồ-tát, tác bạch cầu thỉnh chứng minh.

Như vậy đã xong pháp Yết-ma thọ Bồ-tát giới. Bồ-tát truyền giới, Bồ-tát tân học hiện đầy đủ oai

nghi, tác lễ cúng dường chư Phật, Bồ-tát khắp mười phương thế giới không ngần không mé, đánh lễ dưới hai chân cung kính mà lui.

Như vậy, việc thọ luật nghi Bồ-tát giới so với tất cả việc thọ luật nghi giới khác là thù thắng hơn cả, không gì vượt hơn, là chỗ đuổi theo của vô lượng vô biên tạng công đức lớn, là chỗ phát khởi của ý lạc thiện tâm bậc nhất tối thượng, khắp năng đối trị tất cả chủng ác hạnh của các loại hữu tình. Tất cả luật nghi Biệt giải thoát so với luật nghi giới Bồ-tát đây, trăm phần chẳng kịp một, ngàn phần chẳng kịp một, số phần chẳng kịp một, kế phần chẳng kịp một, toán phần chẳng kịp một, dụ phần chẳng kịp một, ô-ba-ni-sát-đàm phần chẳng kịp một, vì nhiếp thọ tất cả công đức rộng lớn vậy.

Lại chư Bồ-tát lúc an trụ tịnh giới Bồ-tát như vậy, trước tự tư duy quán xét sâu kỹ đây là việc Bồ-tát nên làm, đây là việc Bồ-tát không nên làm. Đã tư duy rồi, vì thành tựu sở tác chánh nghiệp về sau, nên siêng năng tu tập. Lại nên sách tấn nỗ lực lắng nghe Kinh tạng Bồ-tát, cùng nhau giải thích nghĩa. Ở nơi Ma-đát-ly-ca của Kinh tạng Bồ-tát, theo điều đã được nghe mà siêng năng tu học.

Lại chư Bồ-tát chỉ theo tất cả người thông tuệ để cầu thọ sở thọ tịnh giới Bồ-tát, không nên theo thọ những người không tịnh tín. Vì có sao? Vì người đối với sở thọ tịnh giới như vậy nếu ban đầu không tâm tin hiểu, thì không thể thú nhập, không thể khéo tư duy. Lại không nên cầu thọ người keo tham, người bị keo tham che lấp, người có nhiều ham muốn, người không biết vui đủ; cũng không nên cầu thọ người không cung kính các học xứ, người hủy phạm tịnh giới, người chậm chạp ở nơi luật nghi giới; cũng không nên cầu thọ người phẫn hận, người nhiều bất nhẫn, người phạm giới; cũng không nên cầu thọ người lười biếng, uể oải, giải đãi, đêm ngày vui ngủ, vui dựa, vui nằm, vui nói chuyện, vui nhóm họp bè đảng; cũng không nên cầu thọ người trong một tâm thiện, an trụ một duyên tu tập ít ỏi; cũng không nên cầu thọ người có tâm tán loạn, người không có ý chí, người ám muội, người ngu si, người quá yếu hèn, người phỉ báng Ma-đát-lý-ca của Kinh tạng Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát khi đã thọ pháp luật nghi Bồ-tát giới, tuy đã thọ trì rốt ráo, đối với hữu tình không tín tâm, hữu tình hủy báng tạng Bồ-tát,

trợn không tuyên nói chỉ bày khai triển. Vì cố sao? Kẻ kia được nghe chẳng thể tin hiểu, vì bị che lấp bởi đại vô tri chướng sâu dày, do đây sẽ sanh phỉ báng. Nếu chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, nên thành tựu tạng công đức rộng lớn vô lượng, thì kẻ kia do sanh tâm phỉ báng cũng chính là sự đui theo tạng nghiệp vô lượng tội. Bồ-tát cho đến chưa xả bỏ hoàn toàn tất cả lời ác, kiến ác và tư duy ác, thì đối với luật nghi Bồ-tát giới đây trợn không sanh tâm chán lia.

Lại chư Bồ-tát muốn truyền Bồ-tát giới, trước nên vì người mà thuyết Ma-đát-ly-ca của tạng Bồ-tát, học xứ của Bồ-tát và các tướng phạm. Người kia sau khi được nghe, dùng tuệ tự quán sát tự suy nghĩ nơi bản thân, quyết định có ý lạc đầy đủ kham thọ Bồ-tát giới, chẳng phải vì được người khác khuyến khích, cũng chẳng phải vì hơn người. Đây gọi là Bồ-tát vững tin kham thọ luật nghi tịnh giới Bồ-tát. Đã thọ giới pháp rồi, phải nên theo đó mà thọ học chân chánh.

Bồ-tát an trụ luật nghi giới như vậy, có bốn pháp xứ muốn hơn người (tội tha thắng). Những gì là bốn?

1. Hoặc chư Bồ-tát vì muốn tham cầu lợi dưỡng cung kính, nên tự khen mình chê người. Đây gọi là pháp xứ muốn hơn người thứ nhất.

2. Hoặc chư Bồ-tát hiện có tài vật riêng mà tánh bần xén, khi thấy hữu tình nghèo khổ, bần cùng, không nơi nương tựa đến cầu xin tài vật, mà không khởi tâm ai mẫn tu huệ thí. Có người đến cầu chánh pháp, vì tánh xén tiếc đối với pháp, nên tuy có pháp mà chẳng cấp thí. Đây gọi là pháp xứ muốn hơn người thứ hai.

3. Hoặc chư Bồ-tát trưởng dưỡng tâm sân giận trời buộc, do nhân duyên đây bị giận tức ngăn che, không chỉ phát lời thô ác, lại thêm dùng tay chân, dao gậy đá để thóa mạ, đánh đập, tổn hại, não loạn hữu tình, bên trong ý ôm lòng sân giận mãnh liệt. Nếu người phạm lỗi đến tạ lỗi, lại không chấp nhận, không bỏ qua, không xả bỏ oán giận. Đây gọi là pháp xứ muốn hơn người thứ ba.

4. Hoặc chư Bồ-tát hủy chê tạng Bồ-tát, vui muốn kiến lập, tuyên thuyết, khai thị tương tợ chánh pháp. Pháp tương tợ đây, hoặc tự mình tin lập ra, hoặc từ người mà chuyển theo. Đây gọi là pháp xứ muốn hơn người thứ tư.

Như vậy gọi là bốn pháp muốn hơn người của Bồ-tát. Nếu chư Bồ-tát phạm một trong bốn pháp muốn hơn người đây, không có khả năng nhiếp thọ tăng trưởng tư lương Bồ-đề trong hiện pháp, không có khả năng kham nhiệm ý lạc thanh tịnh trong hiện pháp, hà huống hủy phạm tất cả. Đây gọi là tương tự Bồ-tát, chẳng phải chân thật Bồ-tát.

Chư Bồ-tát nếu hủy phạm bốn pháp muốn hơn người phẩm triển bậc nhuyển và bậc trung, thì chưa gọi là xả luật nghi tịnh giới Bồ-tát; nếu hủy phạm bậc thượng, tức gọi là xả.

Nếu chư Bồ-tát hiện hành hủy phạm bốn pháp muốn hơn người đây, luôn luôn hiện hành mà không thấy xấu hổ, sanh tâm ưa thích sâu, cho là thật công đức; đây gọi là phạm phẩm triển bậc thượng. Nếu Bồ-tát tạm hiện hành hủy phạm một pháp muốn hơn người, thì chưa gọi là xả bỏ luật nghi tịnh giới Bồ-tát. Nhưng nếu Bì-sô hủy phạm pháp muốn hơn người, tức đồng nghĩa xả bỏ Biệt giải thoát giới. Nếu chư Bồ-tát do hủy phạm đây, xả bỏ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, ở trong hiện pháp lại có thể kham nhiệm liền hoàn thọ, chẳng phải không được thọ. Nhưng Bì-sô trụ Biệt giải thoát giới,

phạm pháp muốn hơn người, ở trong hiện pháp không được kham nhiệm liền thọ.

Lược có hai nhân duyên khiến xả luật nghi tịnh giới Bồ-tát: 1. Xả bỏ đại nguyện Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; 2. Hiện hành hủy phạm pháp muốn hơn người phẩm triển bậc thượng.

Chư Bồ-tát tuy chuyển thân khắp mười phương thế giới, sanh ở chốn nào cũng không xả luật nghi tịnh giới Bồ-tát. Do đây Bồ-tát không xả đại nguyện Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng không hiện hành hủy phạm pháp muốn hơn người phẩm triển bậc thượng. Nếu chư Bồ-tát chuyển thân thọ sanh nơi khác quên mất bản nguyện, được gặp bạn lành vì kia nhắc khiến nhớ nghĩ Bồ-tát giới. Bồ-tát như vậy đã nhiều lần thọ, không phải mới thọ, cũng không phải mới đắc.

